



Vĩnh Long ngày 20.07.2023

Kính gửi: Quý Cha  
 Quý Tu sĩ nam nữ  
 Và tất cả anh chị em Gp. Vĩnh Long

## V/v HIỆP THÔNG GIỮA HỘI THÁNH HOÀN VŨ VÀ HỘI THÁNH ĐỊA PHƯƠNG

Thưa anh chị em, trong năm nay chúng ta sẽ chọn mười hai đề tài dựa theo chủ đề mục vụ năm 2022 của Hội Đồng Giám Mục Việt Nam : Đồng hành với người trẻ trong đời sống Giáo Hội và Xã hội. Giáo phận Vĩnh Long, trong Gợi ý Mục vụ lần VIII, sẽ nói về sự Hiệp thông giữa Giáo Hội Toàn Cầu và Giáo Hội Địa Phương được trích trong Hiến Chế Tín Lý về Giáo Hội (*Lumen Gentium*), Sắc Lệnh Nhiệm Vụ mục vụ của các Giám Mục trong Giáo Hội (*Christus Dominus*), Sách Giáo Lý Hội Thánh Công Giáo (GLHTCG) và Thư gửi các Giám mục của Giáo hội Công giáo về một số khía cạnh của Giáo hội của Thánh Bộ Giáo Lý Đức Tin, ngày 28 tháng 5 năm 1992.

Ý nghĩa về Giáo Hội. Trước hết chúng ta cần hiểu Giáo Hội là gì ? Sách Giáo Lý Hội Thánh Công Giáo dạy : Hội Thánh là Dân Thiên Chúa, - Thân Thể Đức Kitô, - Đền Thờ Chúa Thánh Thần.

Chương đầu tiên của *Lumen Gentium*, có tựa đề “Mầu Nhiệm Giáo Hội”, bất kỳ định nghĩa nào đều bắt đầu bằng cách đặt Giáo Hội vào tiến trình cứu độ do Chúa Kitô thực hiện; “*Vì Giáo Hội ở trong Chúa Kitô như bí tích hoặc dấu chỉ và khí cụ của sự kết hợp mật thiết với Thiên Chúa và của sự hiệp nhất toàn thể nhân loại*” (LG số 1).

Nhưng chính việc tìm cách định nghĩa rõ ràng hơn về Giáo Hội mà *Lumen Gentium* chương II đã trình bày về Giáo Hội như là một trong những sự kiện chính của Công Đồng Vatican II: đó là *Dân Thiên Chúa*, dân của Giao Ước Mới đã tiếp nhận từ Dân Thiên Chúa của Giao Ước cũ, Israel (x. chú thích LG số 9).

Trong Sách GLHTCG phần “Tôi tin Hội Thánh Công Giáo” viết rất nhiều, ở đây chỉ trích một đoạn ngắn: “*Trong ngôn ngữ Kitô giáo, từ Ecclesia (Hội Thánh) dùng để chỉ một cuộc tập hợp phụng vụ (cf. 1 Co 11, 18; 14, 19. 28. 34. 35), nhưng cũng để chỉ một cộng đoàn các tín hữu ở một địa phương (cf. 1 Co 1, 2; 16, 1) và toàn thể cộng đoàn các tín hữu trên khắp thế giới (cf. 1 Co 15, 9; Ga 1, 13; Ph 3, 6). Ba nghĩa này thật ra không thể tách biệt nhau. “Hội Thánh” là dân được Thiên Chúa quy tụ từ khắp thế gian. Hội Thánh hiện diện trong những cộng đoàn địa phương và trở nên hiện thực trong một cộng đoàn phụng vụ, đặc biệt là cộng đoàn cử hành Thánh Thể. Hội Thánh sống nhờ Lời và Minh Thánh Đức Kitô và như vậy, Hội Thánh trở thành Thân Thể Đức Kitô*” (GLHTCG 752).

Một cách vắn tắt chúng ta có thể định nghĩa Giáo Hội theo như Kinh Thánh viết trong quyển Từ Điển Đức Tin Kitô Giáo : Giáo Hội của Thiên Chúa (2 Tx 1. 4; 1 Tm 3. 5; 3. 15 v.v...) là sự tập hợp Dân Thánh của Thiên Chúa trong Chúa Kitô, vào những thời gian sau cùng này (Rm 1, 7; 1 Cr 1. 2); đó là một sự xây dựng tinh thần và thánh thiện giữa lòng nhân loại, đó là Israel mới của Chúa (Gl 6. 16; Kh 7, 4; 1 Gc 1. 1; P1 3. 3), một Dân Mới của Chúa (1 Pr 2, 10), thừa hưởng những ân lộc của “Giáo Hội trên hoang địa xưa” (Cv 7. 38); một Mẫu nhiệm được dấu từ muôn đời trong Thiên Chúa, và đã được mặc khải vào những thời gian sau cùng này (Eph 1, 19; Rm 16. 25).

- Giáo Hội được dùng để chỉ xã hội pháp lý, tức cơ chế phục vụ cho cộng đồng: hướng dẫn, giảng dạy và cai quản cộng đồng này. - Giáo Hội cũng được hiểu là yếu tố phẩm trật bên trong xã hội: đó là những vị Giám mục hiệp nhất với Đức Giáo Hoàng, có

nhệm vụ triệu tập Dân Chúa, nuôi dưỡng đoàn chiên bằng Lời Chúa và các Bí tích, và hướng dẫn đoàn chiên này.

### Các Hình thức của Giáo Hội.

Trong Gợi ý Mục vụ VII Giáo Hội, sự Hiệp thông giữa các Thánh có bản đến Ba tình trạng của Giáo Hội. Đó là những tình trạng khác nhau của Giáo Hội đối với mỗi thành viên: - Giáo Hội lễ hành tại thế hoặc Giáo Hội chiến đấu (trên dương thế); - Giáo Hội đau khổ (trong luyện ngục); - Giáo Hội vinh phúc khải hoàn hoặc Giáo Hội toàn thắng trên Giêrusalem, trên trời.

Giáo Hội hữu hình, Giáo Hội vô hình. - Giáo Hội hữu hình theo phương diện xã hội, có cơ chế, có phẩm trật, có các bí tích, nghĩa là theo phương diện các phương tiện của ơn Cứu chuộc; - Giáo Hội vô hình, theo phương diện nào đó, chỉ có một mình Thiên Chúa mới có thể thấy, là những người được Thiên Chúa kêu gọi, được đóng ấn và được Cứu chuộc.

Giáo Hội Địa Phương hay là Giáo Hội riêng biệt là Giáo hội ở một nơi nào trên thế giới, có đầy đủ các quyền hành và các thừa tác vụ của Giáo hội. Thí dụ như Giáo Hội Việt Nam, Giáo Hội Ý. Nhưng khi chúng ta nói Giáo Hội Rôma thì có thể hiểu là Giáo Hội ở thành Rôma, hoặc là Giáo Hội hoàn cầu với người đứng đầu là Giám mục Rôma, Đức Giáo Hoàng. Về vấn đề này liên quan đến các Giáo phận trong Giáo Hội.

*“Giáo phận là một phần của đoàn Dân Thiên Chúa được giao phó cho một Giám mục chăn dắt, với sự trợ giúp của Linh mục đoàn, để khi liên kết với vị chủ chăn của mình và được chính ngài qui tụ trong Chúa Thánh Thần nhờ Tin Mừng và Thánh Thể, Giáo phận lập thành một Giáo Hội địa phương, trong đó Giáo Hội Duy Nhất, Thánh Thiện, Công Giáo và Tông Truyền của Chúa Kitô thật sự hiện diện và hành động” (Sắc Lệnh Christus Dominus số 11).*

## Hiệp thông giữa các Giáo Hội?

Giáo Hội hoàn vũ không phải là kết quả của việc bổ sung các Giáo Hội địa phương. Giáo Hội địa phương không phải là “một phần” của Giáo Hội hoàn vũ do sự phân chia. Giáo Hội địa phương hay Giáo Hội riêng biệt là Giáo Hội của Chúa Giêsu Kitô ở một nơi nhất định và vào một thời điểm nhất định. Đây là một điểm quan trọng vì nó có nghĩa là Giáo Hội địa phương hay riêng biệt, chẳng hạn như Giáo phận, chủ yếu không phải là một nguyên tắc tổ chức mà là một quan điểm dựa trên Mầu nhiệm của Giáo Hội, như được tuyên xưng Giáo Hội của Chúa Kitô là Duy Nhất, Thánh Thiện, Công Giáo và Tông Truyền.

Mượn đoạn số 9 trong Thư gửi các Giám mục của Giáo hội Công giáo về một số khía cạnh của Giáo hội của Thánh Bộ Giáo Lý Đức Tin, ngày 28 tháng 5 năm 1992 để kết thúc vấn đề ở đây.

“Để có thể thấu hiểu ý nghĩa thực sự của việc dùng loại suy mà áp dụng từ ngữ *hiệp thông* cho toàn bộ các Giáo Hội địa phương, thì trước hết cần phải nhận thức rằng: xét theo tư cách là “*những thành phần trong Giáo Hội duy nhất của Đức Kitô*” (Décr. *Christus Dominus*, n. 6/c), các Giáo Hội địa phương đều có một mối liên hệ đặc biệt với toàn thể, tức là với Giáo Hội phổ quát: đó là mối liên hệ phát sinh từ “*bản chất hỗ tương trong nội tính*” (JEAN-PAUL II, *Discours à la Curie Romaine*, 20-XII-1990, n. 9: “L'Osservatore Romano”, 21-XII-1990, p. 5.); bởi lẽ trong mỗi Giáo Hội địa phương “*đều có Giáo Hội của Đức Kitô, Giáo Hội duy nhất, thánh thiện, công giáo và tông truyền, hằng thực sự hiện diện và hoạt động*” (Décr. *Christus Dominus*, n. 11/a.). Vì thế, “*không thể nào lại đi quan niệm Giáo Hội phổ quát như là tổng số, hoặc như là một liên hiệp các Giáo Hội địa phương được*” (JEAN-PAUL II, *Discours aux Evêques des Etats-Unis d'Amérique*, 16-IX-1987, n. 3: op. cit., p. 555). Giáo Hội phổ quát không phải là kết quả của sự hiệp thông giữa các Giáo Hội địa phương, nhưng tự mầu nhiệm chủ yếu của nó, là một thực thể có trước mọi Giáo Hội địa phương *riêng lẽ cả về mặt hữu thể lẫn thời gian*”.

Giáo Hội tọa lạc trên thế giới. Giáo Hội hiện diện trên thế giới như một thứ men đã mất trong toàn bộ khối bột nhào của con người. Mỗi thành viên của Giáo Hội địa phương và các cộng đồng cụ thể đặt mình trong một bối cảnh cụ thể, một tình huống nhất định cần được biết đến. Ước mong mọi người chúng ta đều hướng tới màu nhiệm Giáo Hội trong sự *Hiệp Thông* này.

+ Phêrô Huỳnh Văn Hai

Giám Mục Giáo Phận Vĩnh Long



**Tháng 8/2023**

## **GIÁO HUẤN CỦA ĐỨC PHANXICÔ VỀ TÍNH HIỆP HÀNH TRONG BỐI CẢNH SUY TƯ THẦN HỌC VÀ ĐẠI KẾT ĐƯƠNG THỜI**

Dẫn Nhập

Các văn kiện của Công đồng Vatican II bị chi phối bởi giáo hội học phổ quát. Tuy nhiên, trong Hiến chế Tín lý về Giáo hội – *Lumen Gentium* [LG], chúng ta cũng có thể thấy rõ được những khởi điểm của tư tưởng thần học về Giáo hội địa phương (x. *Sacrosanctum Concilium* [SC], số 11; *Lumen Gentium*, số 23; *Ad Gentes*, số 19-22; *Christus Dominus* [CD], số 11), là Giáo hội có nền tảng nơi mẫu nhiệm Thiên Chúa Ba Ngôi, và bản chất bí tích của nó đạt tới sự diễn tả trọn vẹn nhất trong cử hành Thánh thể.<sup>[2]</sup> Giáo hội hiệp thông và trở nên hiệp thông ngày một hơn qua bí tích Thánh thể, là bí tích tự bản chất mang tính hiệp thông.<sup>[3]</sup> Như Đức Hồng y Ratzinger nhấn mạnh, giáo hội học về hiệp thông nằm ở nơi trung tâm của giáo thuyết về Giáo hội được Công đồng trình bày như một yếu tố vừa mới mẻ lại đồng thời đã bắt bẻ từ tận thuở khai nguyên Kitô giáo.<sup>[4]</sup> Nhờ ý tưởng hiệp thông/cộng đoàn, Công đồng quay lại với lối suy tư về Giáo hội và việc sống chiều kích Giáo hội như đã được thể hiện trong thiên niên kỷ đầu tiên của Kitô giáo, và dĩ nhiên cũng nhờ những tiếp xúc với di sản thần học và phụng vụ của các Giáo hội Đông Phương và khoa giáo hội học Thánh thể của N. Afanassieff.<sup>[5]</sup> Chắc chắn Công đồng đã có công lớn trong việc tái khám phá bí tích Thánh thể trong tư cách là một bí tích của Giáo hội và cho thấy mối tương quan giữa hai thực tại này. Thông qua khoa giáo hội học hiệp thông này, Công đồng Vatican II đã khôi phục lại lối suy tư về Giáo hội và phương thể sống chiều kích Giáo hội như đã được thể hiện cả ở Đông phương và Tây phương trong thiên niên kỷ thứ nhất, khi các Giáo hội địa

phương đã sống trong sự hiệp thông nhờ nhiều mối liên kết với Giáo hội Rôma như là điểm qui chiếu của mình.[\[6\]](#) Giáo hội học của Công đồng cũng giúp cho các Kitô hữu đến từ các Giáo hội khác và các cộng đoàn giáo hội nhận ra rằng Giáo hội Công giáo không phải là tảng đá nguyên khối, nhưng còn được nên trọn nơi các Giáo hội địa phương/đặc thù do các giám mục cai quản.[\[7\]](#) Sau Công đồng Vatican II, giáo hội học về Giáo hội địa phương đã có được sự phát triển nhờ các thần học gia như J. Ratzinger, G. Philips, Y. Congar và H. de Lubac.[\[8\]](#)

Khám phá thứ hai của Vatican II và hệ quả của khám phá ấy trong giai đoạn hậu công đồng là tính hiệp hành. Với mục đích khôi phục lại thực hành về Thượng Hội đồng ở cấp độ Giáo hội hoàn vũ, Đức Giáo hoàng Phaolô VI đã thiết lập Thượng Hội đồng Giám mục cho Giáo hội hoàn vũ (18/11/1965) nằm trực tiếp dưới quyền Đức Giáo hoàng và có nhiệm vụ tư vấn cho ngài.

Nhân dịp Năm thánh 2000, Đức Gioan Phaolô II, khi tổng kết lại việc đưa vào thực hành giáo huấn của Công đồng về Giáo hội như là sự hiệp thông, đã tuyên bố rằng – dù cho nhiều điều đã được thực hiện – “...thì chắc chắn vẫn còn đó rất nhiều việc cần làm, để nhận ra toàn bộ tiềm năng của những văn kiện này về sự hiệp thông... bởi vì sự cần thiết phải đáp lại cách kịp thời và hiệu quả những vấn nạn mà Giáo hội phải đối diện trong thời đại biến động nhanh chóng này”.[\[9\]](#) Trong hơn 50 năm từ khi Công đồng cuối cùng diễn ra cho đến ngày nay, việc nhận thức về Giáo hội như là sự hiệp thông đã tăng triển sâu rộng nơi Dân Thiên Chúa và những kinh nghiệm tích cực về tính hiệp hành đã xuất hiện ở các cấp độ giáo phận, miền và hoàn vũ.[\[10\]](#)

Triều đại của Đức Giáo hoàng Phanxicô đã mang đến những động lực mới cho việc thực thi tư tưởng giáo hội học về Giáo hội địa phương và tính hiệp hành. Giáo huấn và những cải tổ của ngài cho thấy tầm quan trọng ngày một tăng của Giáo hội địa phương và các cấu trúc vùng miền trong giáo hội học Công giáo đương thời.

Bài viết này có mục đích trình bày giáo huấn của Đức Phanxicô về chủ đề này trong bối cảnh suy tư thần học đương thời, bao gồm việc tham chiếu đến văn kiện của Ủy ban Thần học Quốc tế năm 2018 với tiêu đề *Tính hiệp hành trong Đời sống và Sứ vụ của Giáo hội* và đến các văn kiện đối thoại thần học Công giáo - Chính thống.

## 1. Những thiếu hụt về tính hiệp hành dưới triều Giáo hoàng của Đức Gioan Phaolô II?

Sau khi Đức Phanxicô được bầu lên ngôi Giáo hoàng, nhiều thần học gia đã lưu ý rằng, dưới triều đại giáo hoàng của Đức Gioan Phaolô II, có một sự đình trệ nào đó trong việc phát triển tính hiệp hành do tầm quan trọng ngày một tăng của Giáo triều Rôma. Hermann Pottmeyer viết rằng Đức Gioan Phaolô II chần chẫn đã đón nhận và đào sâu nhiều phương diện của Vatican II, nhưng vì ngài thường xuyên vắng mặt tại Vatican, Giáo triều Rôma thấy thuận tiện để kìm hãm vấn đề phân hóa trong Giáo hội theo cách thể của riêng mình, cụ thể là thông qua các chỉ thị và các cuộc kiểm tra.<sup>[11]</sup> Hiện nay, nhiều người đặt vấn đề rằng chẳng phải việc lạm dụng chủ nghĩa tập quyền đang làm tê liệt Giáo hội giống như những nguy cơ khác mà Giáo hội đang tìm cách giải quyết hay sao. Có nhiều dấu hiệu cho thấy Đức Giáo hoàng Phanxicô muốn quay lại với những cải tổ của Vatican II và Đức Phaolô VI, được minh họa qua sự năng động mới mẻ về thiết định Thượng Hội đồng Giám mục mà ngài đem tới. Chủ nghĩa tập quyền được đặc trưng hóa bởi lối quản trị từ trên xuống, nhấn mạnh về mặt thẩm quyền và sự kiểm soát. Đức Phanxicô đưa ra dấu hiệu cho thấy ngài muốn coi trọng sự tương giao từ dưới lên trên. Ngài đã làm rõ điều này trong diễn văn dành cho Giáo triều Rôma vào ngày 22/12/2014, theo đó, ngài phê bình cách vận hành và mời gọi Giáo triều thay đổi phong cách làm việc.<sup>[12]</sup> Các tác nhân thực sự quyết định đến việc *canh tân* cùng với Đức Giáo hoàng không phải là các thành viên của Giáo triều Rôma, nhưng là các giám mục trong tư cách kế vị các Tông đồ và là đầu của các Giáo hội địa phương.<sup>[13]</sup>



Hervé Legrand, tu sĩ người Pháp thuộc dòng Đaminh cũng tin rằng chương III của Hiến chế *Lumen Gentium* – “Về cơ cấu phẩm trật Giáo hội và đặc biệt về chức Giám mục” – đã không được thi hành hợp cách bởi vì sau Công đồng, bản văn ấy được đọc bằng chiếc chìa khóa giáo hội học phổ quát, thứ đã ngăn cản sự khám phá điều mà Hiến chế dạy về Giáo hội như là *sự hiệp thông của các Giáo hội [communio Ecclesiarum]*.<sup>[14]</sup> Một điển hình về tàn dư của giáo hội học phổ quát trong các văn kiện công đồng, theo Legrand, là mệnh đề nằm trong số 22 của *Lumen Gentium*: “Vì thế, một người được thiết định là thành viên của cộng đoàn Giám mục nhờ sự thánh hiến bí tích và nhờ sự hiệp thông phẩm trật với vị Thủ lãnh và những phần tử của Giám mục đoàn”. Hậu Công đồng, công thức này đã cho phép tách biệt *tập đoàn giám mục [collegium episcoporum]* ra khỏi *sự hiệp thông của các Giáo hội [communio Ecclesiarum]*, tức thiếu đi mối tương thuộc giữa các giám mục và các Giáo hội của các ngài, giữa tập đoàn giám mục và sự hiệp thông của các Giáo hội. Theo Legrand, việc giải thích số 22 của *Lumen Gentium* bởi các thành viên Giáo triều Rôma dưới triều đại Giáo hoàng của Đức Gioan Phaolô II đã giản lược khái niệm *sự hiệp thông của các Giáo hội [communio Ecclesiarum]* thành *sự hiệp thông của Giáo hội [communio Ecclesiae]*, các văn kiện được ban hành dưới triều Giáo hoàng Gioan Phaolô II xác thực cho điều đó: chẳng hạn, Bộ Giáo luật 1983 điều 336,<sup>[15]</sup> Huấn thị về các công nghị giáo phận *De Synodiis Dioecesanis Agendis* năm 1997,<sup>[16]</sup> một văn kiện giới hạn tầm quan trọng của các công nghị giáo phận và tách chúng ra khỏi thần học về Dân Thiên Chúa, Tựa sắc *Các Tông đồ của Người [Apostolos Suos]*<sup>[17]</sup> và *Để bảo vệ đức tin [Ad Tuendam Fidem]*<sup>[18]</sup> năm 1998, hai văn kiện giới hạn tầm quan trọng của các hội đồng giám mục, tước bỏ đi tầm quan trọng của Huấn quyền thông thường khỏi quyền giáo huấn của các hội đồng giám mục, và cuối cùng là thư *Khái niệm Hiệp thông [Communio Notio]*<sup>[19]</sup>, một văn kiện của Bộ Giáo lý Đức tin vào năm 1992, ở điểm thứ 9 nói đến tính ưu việt về mặt bản thể và trình tự thời gian của Giáo hội hoàn vũ so với các Giáo hội địa phương, tương đối hóa công thức “*trong và nhờ các Giáo hội*” [*in quibus et ex quibus*] của *Lumen Gentium* số 23. Legrande tin rằng

mối tương quan giữa *tập đoàn giám mục* và *sự hiệp thông của các giáo hội* cần được canh tân và một sự giải thích chính xác về Chương III của *Lumen Gentium* cần được thực hiện.<sup>[20]</sup>

Theo các thần học gia kể trên, Đức Giáo hoàng Phanxicô, khi tuyên bố sự cần thiết phải tăng cường tính hiệp hành của Giáo hội, đã quay trở lại đúng với tư tưởng của các nghị phụ Công đồng Vatican II và thực hiện một cuộc chuyển đổi từ giáo hội học phổ quát sang giáo hội học về Giáo hội địa phương, điều đã có được sự phát triển trong hơn 40 năm qua nơi cuộc đối thoại thần học Công giáo - Chính thống.

## 2. Tầm quan trọng của tính hiệp hành và Giáo hội địa phương trong giáo huấn của Đức Giáo hoàng Phanxicô

Trong diễn văn phát biểu vào ngày 17/10/2015 nhân dịp kỷ niệm 50 năm thiết lập Thượng Hội đồng Giám mục, Đức Giáo hoàng Phanxicô nhấn mạnh rằng “con đường *hiệp hành* này chính xác là con đường Thiên Chúa mong đợi nơi Giáo hội của ngàn năm thứ ba”.<sup>[21]</sup> Đức Thánh cha nhấn mạnh tính hiệp hành chính là “yếu tố cấu thành Giáo hội” vậy nên “điều mà Chúa đang đòi hỏi chúng ta đã tồn tại một cách nào đó chính nơi hạn từ ‘synod’”.<sup>[22]</sup> Cũng trong diễn văn này, Đức Phanxicô còn nhấn mạnh rằng tính hiệp hành liên hệ đến Giáo hội ở mọi cấp độ, nhưng bắt đầu với Giáo hội địa phương: “Cấp độ đầu tiên của việc thực thi *tính hiệp hành* được thực hiện nơi các Giáo hội địa phương. Sau khi đề cập đến thiết định quý giá Công nghị Giáo phận, là nơi mà các linh mục và giáo dân được kêu gọi để cộng tác với giám mục vì ích lợi của toàn thể cộng đoàn giáo hội, *Bộ Giáo luật* dành nội dung lớn cho điều thường được gọi là “các cơ cấu hiệp thông” trong Giáo hội địa phương: hội đồng linh mục, ban tư vấn, hội kinh sĩ và hội đồng mục vụ. Chỉ trong chừng mực mà các cơ cấu này giữ được kết nối với “cấp cơ sở” và khởi đi từ con người và những vấn đề hằng ngày của họ, thì một Giáo hội hiệp hành mới có thể bắt đầu định hình: những phương tiện này, dù khi chúng tỏ ra tẻ nhạt, vẫn phải được coi trọng như là cơ hội để lắng nghe và chia sẻ”.<sup>[23]</sup> Tuy nhiên, bởi vì không một Giáo hội địa phương nào có thể tồn tại bên ngoài

sự hiệp thông với các Giáo hội địa phương khác, mà đứng đầu trong số đó là Giáo hội Rôma, nên cần thiết phải có những mức độ hiệp hành cao hơn, ở cấp độ miền và hoàn vũ, nơi các Giáo hội địa phương được đại diện bởi các giám mục của mình.[24]

Đức Phanxicô đã lựa chọn giáo hội học về Giáo hội địa phương và tính hiệp hành, thực tế ấy cũng được xác nhận bởi Tông huấn *Niềm vui Tin mừng [Evangelii Gaudium – EG]*, ở đó, tiếp bước Vatican II, Đức Thánh cha làm nổi bật rằng Giáo hội địa phương là sự hiện thực hóa trọn vẹn Giáo hội Đức Kitô: “Mỗi Giáo hội địa phương, là một phần của Giáo hội Công giáo dưới sự lãnh đạo của giám mục, cũng được kêu gọi hoán cải truyền giáo. Giáo hội địa phương là chủ thể chính yếu của việc Phúc âm hóa, bởi đó là biểu hiện cụ thể của Giáo hội duy nhất tại một nơi chốn đặc thù, và trong đó, ‘Giáo hội duy nhất, thánh thiện, công giáo và tông truyền của Đức Kitô thực sự hiện diện và hoạt động’ (CD, số 11)” (EG, số 30).[25] Cũng trong Tông huấn này, Đức Thánh cha đề cập đến việc tập trung quyền lực quá mức vào chức vụ giáo hoàng gây phương hại cho tập đoàn tính: “Việc tập trung hóa quá mức, thay vì tỏ ra hữu ích, lại gây khó khăn cho đời sống và tầm mức hoạt động truyền giáo của Giáo hội” (EG, 32). Cũng thế, trong Tông huấn *Tình hiệp thông Giám mục [Episcopalis Communio – EC]* về Thượng Hội đồng Giám mục (18/09/2018), Đức Thánh cha nhấn mạnh rằng Thượng Hội đồng là cơ hội cho Giáo hoàng, các giám mục và giáo dân lắng nghe nhau (x. EC, số 5,6,8).[26] Sự thay đổi cách diễn đạt điều 838 Bộ Giáo luật về Thủ tục biên dịch các sách phụng vụ trong tự sắc *Nguyên tắc chính yếu [Magnum Principium]* (09/09/2017) đưa đến một hướng dẫn tương tự, tăng cường hơn nữa thẩm quyền của các Hội đồng Giám mục trong vấn đề này.[27]

3. Giáo hội địa phương và tính hiệp hành trong Văn kiện của Ủy ban Thần học Quốc tế về Tính hiệp hành trong Đời sống và Sứ vụ của Giáo hội

Để hiểu rõ hơn về ý nghĩa của tính hiệp hành và Giáo hội địa phương trong giáo huấn của Đức Phanxicô, thật hữu ích việc tham khảo đến văn kiện của Ủy ban Thần học Quốc tế (ITC) với tiêu đề *Tính hiệp hành trong Đời sống và Sứ vụ của Giáo hội*, một tài liệu được triển khai trong các năm 2014 đến 2017.<sup>[28]</sup> Văn kiện này, sau khi nhận được sự chuẩn y của Đức Hồng y Luis F. Ladaria, Tổng trưởng Bộ Giáo lý Đức Tin, và sự tán thành của Đức Thánh cha Phanxicô, đã được xuất bản vào năm 2018.<sup>[29]</sup> Văn kiện bao gồm một ghi chú sơ khởi, phần dẫn nhập, bốn chương, và phần kết luận.

Trong phần dẫn nhập (số 1-10), các tác giả của bản văn giải thích ý nghĩa nội dung của thuật ngữ “tính hiệp hành” và chỉ ra sự hiện diện của nó trong giáo huấn của Công đồng Vatican II cũng như Huấn quyền hậu công đồng (số 2). Cốt lõi của tính hiệp hành theo tinh thần của Vatican II là sự hiệp thông của tất cả những người đã chịu phép rửa, họ được phú ban những đặc sủng, ơn gọi và thừa tác vụ đa dạng, điều này được diễn tả hoàn hảo nhất nơi cộng đoàn Thánh thể (số 6). Tuy nhiên, quan trọng là phải phân biệt tính hiệp hành và tính tập đoàn. Trong khi thuật ngữ hiệp hành quy chiếu đến sự dẫn thân và tham dự của toàn thể Dân Thiên Chúa trong đời sống và sứ vụ của Giáo hội, thì thuật ngữ còn lại biểu thị sự thực thi thừa tác vụ giám mục nhắm đến việc phục vụ các Giáo hội địa phương được trao phó cho các ngài chăm sóc và sự hiệp thông giữa các Giáo hội địa phương bên trong Giáo hội phổ quát duy nhất của Đức Kitô, là Giáo hội được nhận thức qua sự hiệp thông phẩm trật của tập đoàn giám mục với Giám mục Rôma. Do đó, tập đoàn tính là một hình thức đặc thù, trong đó tính hiệp hành của Giáo hội được biểu lộ và được nhận thức thông qua thừa tác vụ của các giám mục ở cấp độ hiệp thông giữa các Giáo hội địa phương thuộc miền và ở cấp độ hiệp thông giữa tất cả các Giáo hội trong Giáo hội hoàn vũ. Tự bản chất, mọi sự biểu lộ đích thực của tính hiệp hành đòi hỏi việc thực thi thừa tác vụ tập đoàn của các giám mục (số 7).

Văn kiện qui chiếu đến giáo huấn của Đức Giáo hoàng Phanxicô, ngài nhấn mạnh rằng “*Tính hiệp hành*, với tư cách là yếu tố cấu

thành nên Giáo hội mang lại cho chúng ta khuôn khổ diễn giải phù hợp nhất để hiểu chính thừa tác vụ phẩm trật”[30] và rằng, theo giáo thuyết về *cảm thức đức tin của các tín hữu [sensus fidei fidelium]*, mọi thành viên của Giáo hội đều là tác nhân tích cực của việc Phúc âm hóa.[31] Tính hiệp hành tuyệt đối cần thiết cho cả việc thức tỉnh lòng nhiệt thành truyền giáo của toàn thể Dân Thiên Chúa lẫn việc dẫn thân cho hoạt động đại kết của các Kitô hữu, bởi vì đó là một lời mời gọi bước đi cùng nhau trên nẻo đường dẫn đưa tới sự hiệp thông trọn vẹn và tạo ra không gian cho việc hiện thực hóa sự hiệp nhất trong tính đa dạng dưới ánh sáng của chân lý (số 9).

Chương đầu tiên của văn kiện, với tiêu đề *Tính hiệp hành trong Kinh thánh, Truyền thống và Lịch sử* (số 11-41), cho thấy các nguồn cội của hình thức hiệp hành của Giáo hội trong mặc khải Thánh kinh, trong đó, Công đồng Giêrusalem có một vị thế đặc biệt (Cv 15,4-29). Tiếp đó, văn kiện mô tả sự phát triển của các hình thức khác nhau về tính hiệp hành trong thiên niên kỷ thứ nhất và thứ hai của Giáo hội. Các tác giả của văn kiện lưu ý rằng, Công đồng gần đây nhất, trong Sắc lệnh về Giám mục [*Christus Dominus*], đã nhấn mạnh giá trị chủ thể của Giáo hội địa phương và kêu gọi các giám mục thực thi việc chăm sóc mục vụ dành cho Giáo hội được trao phó cho các ngài trong sự hiệp thông với hàng linh mục, cùng với sự trợ giúp của một nghị viện hay hội đồng linh mục được chỉ định cho mục tiêu này, và thiết lập trong mỗi giáo phận một hội đồng mục vụ bao gồm các linh mục, tu sĩ và giáo dân. Sắc lệnh cũng bày tỏ mong ước rằng, ở cấp độ hiệp thông giữa các Giáo hội trong một miền, định chế đáng kính là các Công nghị Giáo tỉnh được phục hồi và cổ võ sự phát triển của định chế các Hội đồng Giám mục (số 40).

Chương thứ hai với tiêu đề *Hướng tới một nền Thần học về Tính hiệp hành* (số 42-70) đề cập đến Thiên Chúa Ba ngôi như là nền tảng của Giáo hội, đến mức người ta có thể nói rằng Giáo hội là *đoàn dân được hợp nhất bắt nguồn bởi Ba Ngôi [de Trinitate plebs adunata]*[32] (số 43). Sự tham dự trọn vẹn, ý thức và tích cực

nơi cộng đoàn Thánh thể là cội nguồn và chóp đỉnh của tính hiệp hành.[33] Được như vậy là “bởi vì chỉ có một tấm Bánh, và tất cả chúng ta chia sẻ cùng một Bánh ấy, nên tuy nhiều người, chúng ta cũng chỉ là một thân thể” (1Cr 10,17). Bí tích Thánh thể cũng là nơi chón gặp gỡ của các Giáo hội địa phương khác nhau trong sự hiệp nhất của một Giáo hội duy nhất, như đã được minh thị bởi các văn kiện của Giáo hội từ *Qui định dự Công nghị [Ordo ad Synodum]* dành cho các Công đồng được triệu tập tại Toledo vào thế kỷ thứ VII cho đến sách *Nghi thức Giám mục [Caeremoniale Episcoporum]* năm 1984, chúng cho thấy đặc tính phụng vụ của cộng đoàn hiệp hành bởi việc bao gồm cả cử hành Thánh thể lẫn việc suy tôn Tin mừng như là phần khởi đầu và tâm điểm (số 47). Sau đó, văn kiện chỉ rõ các nguyên tắc căn bản cho một cách hiểu đúng đắn về tính hiệp hành dưới phương diện giáo hội học hiệp thông được chứa đựng trong Hiến chế Tín lý *Lumen Gentium*. Chính sự sắp đặt các chương đầu tiên: Mầu nhiệm Giáo hội (chương 1), Dân Thiên Chúa (chương 2), Cơ cấu phẩm trật của Giáo hội (chương 3) diễn giải ý tưởng phẩm trật thuộc giáo hội phục vụ Dân Thiên Chúa để họ có thể hoàn thành sứ vụ của mình theo đúng với kế hoạch cứu độ của Thiên Chúa (số 54). Tính hiệp hành có nghĩa là tất cả những ai đã chịu phép rửa đều là *sovodoi*, là những người cùng dần bước hành trình, được kêu gọi để đóng vai trò tích cực bởi họ cùng chia sẻ vào chức linh mục duy nhất của Đức Kitô (*LG*, số 10) và lãnh nhận những đặc sủng khác nhau được Thánh Thần ban tặng nhằm hướng đến lợi ích chung (*LG*, số 12, 32) (số 55). Bởi phép rửa, tất cả tín hữu được kêu gọi làm chứng và công bố Lời chân lý và sự sống, vì họ là thành viên của dân ngôn sứ, tư tế và vương đế của Thiên Chúa (*GLHTCG*, số 783-786). Các giám mục thực thi quyền bính tông đồ dành riêng cho các ngài trong việc giáo huấn, thánh hóa và quản trị Giáo hội địa phương được trao phó cho các ngài chăm sóc mục vụ nhằm phục vụ cho sứ vụ của Dân Thiên Chúa (số 56).

Bàn về tính hiệp hành trong năng động hiệp thông Công giáo, văn kiện của ITC phát biểu rằng Giáo hội phổ quát hóa điều thuộc về địa phương và địa phương hóa điều thuộc về phổ quát, đến mức

đặc thù tính của Giáo hội địa phương được nên trọn trong Giáo hội phổ quát, và Giáo hội phổ quát được tỏ lộ và hiện thực hóa trong các Giáo hội địa phương – trong sự hiệp nhất của các Giáo hội ấy với nhau và với Giáo hội Rôma. Văn kiện trích dẫn tuyên bố của Đức Phaolô VI trong Tông huấn *Loan báo Tin mừng [Evangelii Nuntiandi]*, số 62: “Như vậy, mỗi Giáo hội địa phương nếu tự ý cắt đứt khỏi Giáo hội phổ quát sẽ đánh mất tương quan với kế hoạch của Thiên Chúa và bị suy kiệt chiều kích Giáo hội của mình. Nhưng đồng thời, Giáo hội *tràn lan khắp mặt đất [toto orbe diffusa]* sẽ nên trù tượng nếu không mang lấy thân thể và sự sống thông qua chính Giáo hội địa phương. Chỉ có chú ý liên tục đến hai thái cực này của Giáo hội mới giúp chúng ta nhận thức được sự phong phú của mối liên hệ giữa Giáo hội phổ quát và các Giáo hội địa phương”<sup>[34]</sup> (số 59).

Sự đa dạng của các Giáo hội địa phương, với các nghi điển phụng vụ, di sản thần học, các ân sủng thuộc linh và các qui tắc giáo luật, “là minh chứng rõ ràng cho đặc tính công giáo của một Giáo hội không thể phân ly” (*LG*, số 23) (số 71). Người kế vị Thánh Phêrô, *trung tâm của sự hiệp nhất*, “đứng đầu toàn thể cộng đoàn đức ái, bảo toàn các dị biệt hợp pháp, đồng thời lưu tâm giữ gìn sao cho các dị biệt ấy không làm phương hại, trái lại còn phục vụ cho sự hiệp nhất (*LG*, số 13). Thừa tác vụ Phêrô là để phục vụ sự hiệp nhất của Giáo hội và đồng thời đảm bảo cho đặc tính riêng của mỗi Giáo hội địa phương (số 61).

Chiều kích hiệp hành của Giáo hội biểu lộ chủ thể tính của tất cả những ai đã chịu phép rửa, và đồng thời, thể hiện vai trò chuyên biệt của thừa tác vụ giám mục trong sự hiệp thông tập đoàn và phẩm trật với Giám mục Rôma. Nhãn quan giáo hội học này mời gọi chúng ta thúc đẩy sự tăng triển của mối hiệp thông mang tính hiệp hành giữa “tất cả”, “một số” và “một”. Ở các cấp độ khác nhau – cấp độ của các Giáo hội địa phương, cấp độ của tổ chức cấp miền và cuối cùng là cấp độ Giáo hội hoàn vũ – tính hiệp hành bao hàm việc áp dụng *cảm thức đức tin [sensus fidei]* của *toàn thể tín hữu [universitas fidelium]* (tất cả), thừa tác vụ của tập đoàn giám mục

cũng như linh mục đoàn (một số) và thừa tác vụ hiệp nhất của giám mục Rôma (một) (số 64).

Trong tầm nhìn mang tính Công giáo và tông truyền của tính hiệp hành, có một mối liên hệ hỗ tương giữa *sự hiệp thông các tín hữu [communio fidelium]*, *sự hiệp thông các giám mục [communio episcoporum]* và *sự hiệp thông các giáo hội [communio ecclesiarum]*. Khái niệm tính hiệp hành rộng hơn khái niệm tính tập đoàn bởi vì nó bao hàm sự tham dự của mọi người trong Giáo hội và của mọi Giáo hội. Tính hiệp hành hàm ngụ khái niệm tính tập đoàn và ngược lại, bởi vì, tuy khác nhau nhưng chúng lại hỗ trợ lẫn nhau và xác thực cho nhau. Giáo huấn của Vatican II về tính bí tích của chức giám mục và tính tập đoàn là tiền đề thần học nền tảng cho một nền thần học chính thực và trọn vẹn về tính hiệp hành (số 66).

Chương thứ ba mang tiêu đề *Thực thi tính hiệp hành: các chủ thể, cơ cấu, diễn trình và sự kiện hiệp hành* (số 71-102) cho thấy những khả thể dành cho việc thực thi tính hiệp hành trong thực tế theo chiều kích giáo hội học của Công đồng Vatican II ở cấp độ Giáo hội địa phương, các tổ chức theo miền và Giáo hội hoàn vũ, chỉ ra những chủ thể khác nhau can dự vào các diễn trình và các sự kiện hiệp hành (số 71). Chương này đặc biệt nhấn mạnh đến tầm quan trọng của các Hội đồng Giám mục (số 89-91) và các Thượng Hội đồng Giám mục (số 99-100).

Sau cùng, chương thứ tư được đặt tiêu đề là *Hoán cải để canh tân tính hiệp hành* (số 103-119). Sự canh tân về mặt hiệp hành của Giáo hội được tiến hành qua việc hồi sinh lại các cơ cấu hiệp hành, nhưng đầu tiên và trên hết được biểu lộ trong sự đáp trả lại lòng nhân từ của Thiên Chúa, Đấng kêu gọi chúng ta sống trong tư cách là dân của Người, một dân bước đi cùng nhau qua dòng lịch sử để tiến về sự hoàn tất của Vương quốc (số 103).

Canh tân tính hiệp hành cũng có nghĩa là một sự dẫn thân cho hoạt động đại kết liên hệ đến toàn thể Dân Thiên Chúa và kêu gọi sự



hoán cải của con tim và mở lòng cho nhau, nhằm phá đổ những bức tường của khác biệt đã chia cắt các Kitô hữu từ hàng thế kỷ, và để khám phá, chia sẻ và vui mừng vì những kho tàng phong phú, là thứ hiệp nhất chúng ta, chúng là những ân huệ của Đức Chúa duy nhất mà chúng ta cùng chia sẻ khi nhận lãnh phép rửa (số 115). Hoạt động đối thoại thần học đại kết, đặc biệt với Giáo hội Chính thống, làm bồi đắp tầm quan trọng của tính hiệp hành trong thiên niên kỷ thứ nhất của Giáo hội. Văn kiện gần đây nhất vẫn còn hiệu lực cho đến nay – tại Chiết năm 2016 – tuyên bố rằng vào thiên niên kỷ thứ nhất, Giáo hội tại Đông và Tây phương, khi sống trong sự hiệp thông, với những căn nguyên vững chắc dựa vào Ba Ngôi, đã khai triển các cấu trúc hiệp hành có liên hệ chặt chẽ với quyền tối thượng. Di sản thần học và giáo luật của những cấu trúc này là “điểm tham chiếu cần thiết và nguồn năng lượng truyền cảm hứng cho cả những người Công giáo lẫn Chính thống khi họ, vào khởi đầu thiên niên kỷ thứ ba, tìm cách chữa lành những vết thương của sự chia rẽ” (số 116).[\[35\]](#)

Việc đồng thuận với nhãn quan này về Giáo hội cho phép chúng ta tập chú vào những vấn đề thần học quan trọng vẫn đang chờ được giải gỡ. Cách đặc biệt, những vấn đề này bao hàm việc làm sáng tỏ sự hiệp thông giữa các Giáo hội địa phương và Giáo hội hoàn vũ, là điều được biểu lộ trong sự hiệp thông giữa các giám mục của các Giáo hội địa phương với Giám mục Rôma. Trong bối cảnh này, thực thi đời sống hiệp hành và đào sâu ý nghĩa thần học của nó là một thách thức lớn lao để tiếp tục con đường đại kết (số 117).

#### 4. Tính hiệp hành và Giáo hội địa phương trong các văn kiện đối thoại Công giáo - Chính thống

Trong những phát biểu của mình, Đức Giáo hoàng Phanxicô đã vài lần nhấn mạnh tầm quan trọng của việc đối thoại thần học với các Giáo hội Chính thống để có một cách hiểu đúng đắn hơn về tính hiệp hành và giáo hội học Thánh thể trong Giáo hội Công giáo. Trong Tông huấn *Niềm vui Tin mừng*, ngài viết: “Có thật nhiều điều

quan trọng hiệp nhất chúng ta lại! Nếu chúng ta thực sự tin vào hoạt động đầy tự do của Chúa Thánh Thần, chúng ta có thể học được từ nhau không biết bao nhiêu điều! Đó không chỉ là được hiểu biết nhiều hơn về những người khác, nhưng còn là thu hoạch những gì Thần Khí đã gieo trong họ, như những ân huệ được ban cho chính chúng ta. Chỉ cần đan cử một thí dụ, trong cuộc đối thoại với các anh chị em Chính thống, người Công giáo chúng ta có cơ hội để học thêm nhiều điều về ý nghĩa tập đoàn tính của hàng giám mục và kinh nghiệm của họ về tính hiệp hành. Thông qua việc trao đổi các ân huệ, Thần Khí có thể dẫn đưa chúng ta đến với chân và thiện ngày một trọn vẹn” (EG, số 246). Cũng vậy, trong bài phỏng vấn với Antonio Spadaro vào ngày 19/8/2013, Đức Thánh cha nói rằng: “Trong những liên hệ về đại kết, điều quan trọng không chỉ là biết nhau rõ hơn, nhưng còn thừa nhận điều mà Thần Khí đã gieo nơi người khác như là một ân huệ cho chính chúng ta. Tôi muốn tiếp tục thảo luận điều đã được bắt đầu vào năm 2007 bởi Ủy ban chung [Công giáo – Chính thống] về cách thức thi hành quyền tối thượng của Phêrô, dẫn đến việc ký Văn kiện Ravenna. Chúng ta phải tiếp tục trên hành trình này”<sup>[36]</sup>.

Việc trao đổi các ân huệ với các Giáo hội Chính thống mà Đức Thánh cha nói tới can hệ trước hết đến cấu trúc hiệp hành của Giáo hội địa phương, là Giáo hội nằm trong sự hiệp thông với Giáo hội phổ quát thông qua tư cách thành viên của vị giám mục Giáo hội mình trong tập đoàn giám mục.

Trong đối thoại Công giáo – Chính thống, kể từ văn kiện đầu tiên với tiêu đề *Mầu nhiệm Giáo hội và Thánh thể trong Ánh sáng của Mầu nhiệm Ba Ngôi Chí thánh* được chấp thuận vào năm 1980 tại Munich bởi Ủy ban Quốc tế chung về Đối thoại Thần học giữa Giáo hội Công giáo và Giáo hội Chính thống (nói chung), đã hiện diện giáo hội học Thánh thể, tức giáo hội học về Giáo hội địa phương, một cộng đồng quy tụ để cử hành Bí tích Thánh thể, được vị Giám mục chủ trì.<sup>[37]</sup> Trong phần thứ hai của văn kiện này, chúng ta đọc thấy Giáo hội của Thiên Chúa luôn được mặc khải trong lịch sử như một cộng đồng địa phương: “Nếu ai đó đọc qua Tân ước, người

đó sẽ chú ý rằng trước hết giáo hội diễn tả một thực tại “địa phương”. Giáo hội tồn tại trong lịch sử với tư cách là giáo hội địa phương” (II,1). Như nhấn mạnh của John Zizioulas, vị Tổng Giám mục [Metropolitan] Chính thống giáo, Tân ước luôn đề cập đến một Giáo hội đặc thù tại Côrintô, Thessalônica, Giêrusalem hay Rôma.[\[38\]](#)

Văn kiện thứ ba về đối thoại được ký tại Valamo vào năm 1988, *Bí tích Truyền chức trong Cơ cấu Bí tích của Giáo hội với quy chiếu đặc biệt đến tầm quan trọng của việc Kế vị các Tông đồ đối với sự Thánh hóa và Hiệp nhất của Dân Thiên Chúa*, nhấn mạnh rằng giám mục, qua việc tham dự vào tập đoàn giám mục, đại diện cho Giáo hội địa phương của ngài trong sự hiệp thông phổ quát của Giáo hội. Sự hiệp thông giữa các Giáo hội địa phương được thể hiện cùng với những khía cạnh khác trong việc tân phong Giám mục, việc tân phong này, theo các điều khoản giáo luật của Giáo hội cổ thời, phải được thực hiện bởi ít nhất hai hay ba giám mục, như một biểu lộ sự hiệp thông của các Giáo hội của các ngài với vị giám mục mới được bầu chọn (Văn kiện Valamo, số 27). Đoạn thứ 53 của văn kiện trình bày các hình thức khác nhau của đời sống hiệp hành trong thiên niên kỷ thứ nhất của Giáo hội. Đặc biệt quan trọng là vai trò “đứng đầu” của các giám mục, những người, theo từng cấp độ khác nhau, bảo đảm cho sự hiệp nhất giữa các Giáo hội địa phương và sự hợp quy [canonicity] của tính hiệp hành. Bởi vào thời xa xưa, thực tiễn về tính hiệp hành và quyền tối thượng ở các cấp độ khác nhau trong đời sống của Giáo hội là hai thực tại tương thuộc.[\[39\]](#) Vì thế, theo Văn kiện Valamo, tính hiệp hành được hiểu như là tính tập đoàn, tức là sự hiệp thông của các giám mục.

Văn kiện thứ năm của hoạt động đối thoại thần học Công giáo – Chính thống là Văn kiện Ravenna năm 2007, một văn kiện giải quyết vấn đề chúng ta đang quan tâm, mang tiêu đề *Những hệ luận về Giáo hội học và Giáo luật từ Bản chất Bí tích của Giáo hội: Sự Hiệp thông của Giáo hội, Công đồng tính [Conciliarity] và Quyền bính*, mà Piero Coda đã nhận xét về văn kiện này rằng nó mang “tầm quan trọng chiến lược” đối với sự hiệp nhất của hai Giáo

hội.<sup>[40]</sup> Cũng theo bản văn này, Giáo hội địa phương chính là xuất phát điểm. Các thành viên của Ủy ban Quốc tế chung về Đối thoại Công giáo – Chính thống chỉ ra cội nguồn Ba Ngôi của tính hiệp hành trong Giáo hội và sự hiện thực hóa tính hiệp hành trong cử hành Thánh thể (số 5-6). Đặc tính hiệp hành của Giáo hội cần có mặt ở cả ba cấp độ của việc thi hành nó: “Chiều kích công đồng của Giáo hội được tìm thấy ở ba cấp độ hiệp thông của Giáo hội địa phương, miền và hoàn vũ: ở cấp địa phương của giáo phận được trao phó cho vị giám mục; ở cấp miền của một nhóm các Giáo hội địa phương với các vị giám mục, những người ‘thừa nhận một vị đứng đầu giữa họ’ (Qui luật các Tông đồ [Apostolic Canon], điều 34); và ở cấp hoàn vũ, nơi những người đứng đầu (*protoi*) ở các vùng miền khác nhau, cùng với tất cả các giám mục, cùng cộng tác vào vấn đề can hệ đến toàn thể Giáo hội. Cũng ở cấp độ này, *những người đứng đầu* phải thừa nhận một vị đứng đầu ở giữa họ” (số 10)<sup>[41]</sup>. Việc thực thi tính hiệp hành theo ba cấp độ được nói đến nhiều hơn trong phần thứ hai của Văn kiện. Phần này nhấn mạnh rằng: “Giáo hội của Thiên Chúa tồn tại nơi một cộng đoàn được qui tụ cùng nhau quanh Thánh thể, được chủ trì, trực tiếp hoặc thông qua các linh mục, bởi vị giám mục được tấn phong cách hợp pháp trong sự kế vị các tông đồ, để giảng dạy đức tin được lãnh nhận từ các Tông đồ, trong sự hiệp thông với các giám mục khác và với các Giáo hội của các vị này” (số 18)<sup>[42]</sup>. Tính hiệp hành được thể hiện trong sự đa dạng của các tác vụ, là kết quả của việc truyền chức (giám mục, linh mục, phó tế) và trong các đặc sủng phục vụ cho Giáo hội địa phương thông qua thừa tác vụ hiệp nhất của giám mục, là đầu (*kephale*) của Giáo hội địa phương (số 20). Mối tương quan của các Giáo hội địa phương ở cấp miền được quy định bởi điều thứ 34 Qui luật các Tông đồ, quy định này như sau: Các giám mục của mỗi tỉnh (*ethnos*) phải thừa nhận vị đứng đầu (*protos*) trong số họ, và kính trọng vị ấy như là đầu (*kephale*), và không làm điều gì hệ trọng mà không có sự chấp thuận (*gnome*) của vị ấy; mỗi giám mục có thể chỉ làm điều liên hệ đến giáo phận (*paroikia*) của ngài và các địa hạt phụ thuộc. Nhưng vị đứng đầu (*protos*) không thể làm bất cứ điều gì mà không có sự chấp thuận của tất cả. Nhờ theo cách thức này, sự hòa hợp (*homonoia*) sẽ lan

tỏa, và Thiên Chúa [Cha] sẽ được ngợi khen nhờ Đức Chúa [Giêsu] trong Chúa Thánh Thần” (Quy luật các Tông đồ, điều 34) (số 24). Cấp độ thứ ba của việc hiện thực hóa tính hiệp hành và thẩm quyền trong Giáo hội là Giáo hội hoàn vũ, được hiểu như là sự hiệp thông của Giáo hội địa phương với các Giáo hội địa phương khác đã, đang và sẽ tồn tại, và cùng với vinh quang của Giáo hội (tr. 32). Các Giáo hội địa phương hiệp nhất với nhau nhờ cùng một đức tin, Bí tích Thánh thể và tác vụ tông đồ (số 33). Cuối cùng, Văn kiện Ravenna nhấn nhủ sự cần thiết đối với việc nghiên cứu sâu hơn về chức năng của Giám mục Rôma trong vấn đề hiệp thông các Giáo hội (số 45-46).[\[43\]](#)

Chín năm sau khi thông qua Văn kiện Ravenna, văn kiện thứ sáu được soạn thảo và thông qua năm 2016 tại Chieti, Italy, với tiêu đề *Tính hiệp hành và Quyền tối thượng trong Thiên niên kỷ thứ nhất: hướng đến một cách hiểu chung trong việc phục vụ sự hiệp nhất của Giáo hội*.[\[44\]](#) Cũng tại đây, các đại diện của Giáo hội Công giáo Rôma và các Giáo hội Chính thống đã xác nhận cho khoa giáo hội học về Giáo hội địa phương, khi tuyên bố rằng “Giáo hội duy nhất, thánh thiện, công giáo và tông truyền có Đức Kitô là đầu hiện diện nơi cộng đoàn Thánh thể của một giáo hội địa phương dưới quyền vị giám mục của mình. Ngài là vị chủ tọa (*proestos*). Trong cộng đoàn phụng vụ, vị giám mục làm cho sự hiện diện của Đức Giêsu Kitô nên hữu hình” (số 8). Tính hiệp hành có nguồn gốc trong Giáo hội địa phương, nơi mà vị giám mục, trong tư cách là đầu, làm đại diện trước các Giáo hội địa phương khác và trong sự hiệp thông với toàn thể các Giáo hội (số 10).[\[45\]](#)

Khi thảo luận về mối tương quan của các Giáo hội địa phương ở cấp miền, Văn kiện Chieti quy chiếu một cách truyền thống đến điều 34 của bảng Quy luật, được xem là của các Tông đồ (số 13),[\[46\]](#) trong khi quyền tối thượng của Giám mục Rôma được trình bày bên trong khuôn khổ của Ngũ chế [Pentarchies][\[47\]](#) và các công đồng hoàn vũ của thiên niên kỷ thứ nhất, chúng nhấn mạnh rằng quyền tối thượng này luôn được thi hành trong bối cảnh của tính hiệp hành (số 15-19).

Khi quy chiếu đến việc “trao đổi các ân huệ” giữa các Giáo hội Đông phương và Giáo hội Công giáo Rôma, Joseph Famerée lưu ý rằng giáo hội học Chính thống là một giáo hội học về Thánh thể, về “giám mục”, nó nhấn mạnh rằng Giáo hội địa phương là sự biểu lộ trọn vẹn của Giáo hội duy nhất, thánh thiện, công giáo và tông truyền, có cội nguồn là mầu nhiệm Thiên Chúa Ba Ngôi. Tuy nhiên, Giáo hội địa phương (giáo phận bên Tây phương, bên Đông phương gọi là eparchy) có thể là sự biểu lộ của Giáo hội Đức Kitô với điều kiện duy trì mối liên kết với các Giáo hội địa phương khác, mỗi Giáo hội là Giáo hội duy nhất của Đức Kitô.<sup>[48]</sup> Nhìn từ quan điểm Chính thống này, Giáo hội vừa mang tính phẩm trật lẫn hiệp hành (“tập đoàn”), Giáo hội mang tính phổ quát, nhưng được hiện thực hóa cách trọn vẹn chỉ trong cộng đoàn Thánh thể địa phương. Bởi vậy, đời sống hiệp hành (các tương quan giữa các tín hữu và giám mục của mình, giữa các giám mục và tổng giám mục) hệ trọng ở sự hiệp thông Thánh thể, còn thẩm quyền và các quy tắc giáo luật liên quan chỉ nằm ở vị trí tiếp sau.

Trong các văn kiện của Công đồng Vatican II, chúng ta cũng tìm thấy những chỉ dẫn quan trọng đưa đến một khoa giáo hội học về Giáo hội địa phương, là điều mà vào giai đoạn hậu công đồng đã được hiểu biết sâu rộng hơn trong Giáo hội Công giáo (x. SC, số 41; LG, số 23; CD, số 11), cũng như nhờ các cuộc đối thoại đại kết với các Giáo hội Chính thống và Hội đồng Thế giới của các Giáo hội. Tuy nhiên, cần phải thừa nhận rằng giáo hội học Công giáo chính thức đã có một sự phòng vệ trước việc tiếp nhận đầy đủ giáo hội học về *sự hiệp thông các giáo hội (địa phương, miền) [communio ecclesiarum (localium, regionalium)]*. Điều này cùng với những điều khác được biểu thị qua khả năng trở thành giám mục, tức thành viên của tập đoàn giám mục nhờ việc truyền chức giám mục đơn lẻ mà không cần bất kỳ liên kết nào với một Giáo hội địa phương cụ thể. Trong khi đó, dưới ánh sáng giáo huấn của Vatican II, “truyền chức độc lập” là một vấn đề nghiêm trọng, bởi vì việc truyền chức Giám mục không thể tách rời khỏi chức năng mục tử của vị giám mục ấy trong một Giáo hội địa phương thực tế, ngoại trừ việc truyền chức cho giám mục “hiệu tòa”. Một vấn đề

khác là sự cần thiết phải coi trọng các Giáo hội địa phương (giáo phận) trong Giáo hội Công giáo và thừa nhận sự hiện diện của các Giáo hội thuộc miền trong Giáo hội Công giáo, điều này là một dấu chỉ của sự hiệp thông “hàng ngang” ngoài sự hiệp thông “hàng dọc” giữa cá nhân vị giám mục với Đức Giáo hoàng.<sup>[49]</sup>

## Kết luận

Giáo hội học hiệp thông, điều đã khởi đầu nơi Công đồng Vatican II, bao hàm cả giáo hội học về Giáo hội địa phương/đặc thù, tập đoàn tính của hàng giám mục và tính hiệp hành, được phát triển thêm trong giai đoạn hậu công đồng trên cả bình diện lý thuyết lẫn thực hành. Nhưng có một vài thần học gia tin rằng triều đại Giáo hoàng của Đức Gioan Phaolô II là giai đoạn chứa đựng một sự đình trệ nhất định trong việc thi hành giáo hội học hiệp thông và đồng thời cũng quay lại với giáo hội học về quyền tối thượng của Giáo hội phổ quát trên Giáo hội địa phương, như đã được minh chứng bởi các văn kiện do Giáo triều Rôma ban hành, đặc biệt là văn kiện *Communio in Notio* của Bộ Giáo lý Đức tin. Tuy nhiên, trong khi phê bình, các vị này quên rằng, cùng với những hoạt động khác, Đức Gioan Phaolô II đã triệu tập hàng loạt các Thượng Hội đồng Giám mục, đặc biệt trước Năm thánh kỷ niệm 2000 năm sinh nhật Đấng Cứu độ, được hiểu như là một hình thức của việc tân Phúc âm hóa. Bên cạnh đó, Đức Gioan Phaolô II đã nhận thức rằng ngài đã không thành công trong mọi công việc mà ngài có ý định thực hiện liên quan đến vấn đề này.

Đức Giáo hoàng Phanxicô đã tiếp nối công trình của các vị tiền nhiệm trong việc đón nhận giáo hội học Thánh thể của Công đồng Vatican II, là khoa giáo hội học nhấn mạnh đến tầm quan trọng của Giáo hội địa phương trong sự hiệp thông với các Giáo hội khác, đặc biệt là với Giáo hội Rôma và Giám mục Rôma.

Theo một cách nào đó, giáo huấn của Đức Phanxicô về tính hiệp hành được khai triển bởi văn kiện *Tính hiệp hành trong Đời sống và Sứ vụ của Giáo hội* vào năm 2018 của Ủy ban Thần học Quốc

tế, văn kiện này thảo luận chi tiết về vai trò của tính hiệp hành ở ba cấp độ của Giáo hội: địa phương, miền và hoàn vũ. Văn kiện nhấn mạnh rằng “Cộng đoàn Thánh thể là nguồn mạch và khuôn mẫu của linh đạo hiệp thông. Nơi cộng đoàn ấy, các yếu tố đặc trưng của đời sống Kitô hữu, là đời sống được kêu gọi hun đúc nên *tinh thần hiệp hành [affectus synodalis]*, được diễn tả” (số 109).

Trong giáo huấn của Đức Giáo hoàng Phanxicô, người ta cũng có thể nhận thấy được việc tiếp nhận giáo hội học Thánh thể, điều này hiện diện trong các văn kiện đối thoại Công giáo – Chính thống, theo đó, Giáo hội của Đức Kitô được hiện thực hóa cách trọn vẹn nơi Giáo hội địa phương, đặc biệt là khi cộng đoàn quy tụ để cử hành phụng vụ, do vị giám mục của mình chủ trì. Giáo hội này hiệp thông với các Giáo hội địa phương khác thông qua các cơ cấu thuộc miền và với toàn thể Giáo hội thông qua việc cùng chung đức tin và các bí tích. Hơn nữa, việc đánh giá cao chiều kích vùng miền của các cơ cấu Giáo hội rất dễ nhận thấy trong những tuyên bố của Đức Thánh cha – Đức Phanxicô nhấn mạnh tầm quan trọng của các Hội đồng Giám mục đối với việc tổ chức và giáo huấn. Các văn kiện đối thoại Công giáo – Chính thống trình bày quyền tối thượng của Đức Giáo hoàng ở thiên niên kỷ đầu tiên của Giáo hội bên trong Ngũ chế và cơ cấu hiệp hành, đặc biệt là cơ cấu của công đồng hoàn vũ. Đức Phanxicô cũng chỉ ra rằng, trước hết, ngài là Giám mục Giáo phận Rôma. Ngài cũng lưu tâm đến tính hiệp hành, là điều can hệ với toàn thể Giáo hội và nhất là các tín hữu giáo dân, những người nhờ Chúa Thánh Thần có được ân huệ *cảm thức đức tin* (x. EG, số 119), và đến tập đoàn tính, nghĩa là sự hiệp nhất của hàng giám mục trong các hội đồng thuộc các cấp độ khác nhau. Giáo huấn và hành động của Đức Giáo hoàng ủng hộ cho tính hiệp hành và việc củng cố Giáo hội ở cấp địa phương và miền phù hợp với những yêu cầu của các thần học gia, những người tin rằng Chương III của Hiến chế *Lumen Gentium* chưa được thi hành hợp cách.<sup>[50]</sup> George Weigel nhấn mạnh rằng tính hiệp hành trong Giáo hội Công giáo không có nghĩa là các Giáo hội địa phương cụ thể khác biệt nhau về các vấn đề tín lý, luân lý và chăm sóc mục vụ. Mô hình như thế đã được Anh giáo vận dụng, nhưng không được phép sao



chép cho Công giáo, tuy nhiên điều này đã và đang xảy ra, điển hình là “con đường đồng nghị” của Giáo hội Công giáo ở Đức.<sup>[51]</sup>

*Grêgôriô Võ Trần Nhứt*

*Chuyển ngữ từ: Janusz Bujak, “The Teaching of Pope Francis About Synodality in the Context of Contemporary Theological and Ecumenical Reflection”, trans. by Maciej Górnicki, in Collectanea Theologica 91 (2021) no. 5, 147-168.*

PDF: [academia.edu](http://academia.edu)

Nguồn: [gpquinhon.org](http://gpquinhon.org) (04.4.2022)

---

[1] Bài viết này là bản dịch của bài viết được ấn hành bằng tiếng Ba Lan: Janusz Bujak, “Nauczanie papieża Franciszka o synodalności w kontekście współczesnej refleksji teologicznej i ekumenicznej”, *Collectanea Theologica* 91 (2021) no. 1, 51–76. Maciej Górnicki chuyển dịch từ tiếng Ba Lan.

[2] X. W. Kasper, “Kościół jako wspólnota”, 31–34; H. Petri, “Die römischkatholische Kirche und Ökumene”, 142; H. Döring, “Die Wiederentdeckung der Ortskirche”, 251; G. Philips, *La Chiesa e il suo mistero*, 87.

[3] X. J. Rigal, *L’ecclésiologie de communion*, 72–73.

[4] X. J. Ratzinger, “Eklezjologia Soboru Watykańskiego II”, 16–19; A. Cattaneo, *La Chiesa locale*, 11. Vị thần học gia người Ba Lan nhắc lại rằng, theo E. Lanne và H. Legrand, Công đồng đã đưa đến một “cuộc cách mạng Copernic” về giáo hội học, việc này hệ tại ở chỗ, thực tế là Giáo hội địa phương không còn xoay quanh Giáo hội phổ quát nữa, nhưng Giáo hội duy nhất của Đức Giêsu Kitô lấy Đức Giêsu Kitô làm trung tâm, Ngài trở nên hiện diện trong mọi cử hành của Giáo hội địa phương nhờ hoạt động không ngừng nghỉ của Chúa Thánh Thần.

[5] X. B. Forte, *La Chiesa nell'Eucaristia*, 51–52; ở đây tác giả cho thấy ảnh hưởng của các thần học gia Chính thống (N. Afanassieff, A. Schmemmann, J. Meyendorf) lên giáo hội học của Công đồng Vatican II. Theo Forte, N. Afanassieff, người được mời tham dự trong tư cách quan sát viên, đóng một vai trò quan trọng đặc biệt tại Công đồng. Forte giữ quan điểm rằng Lược đồ thứ nhất về Giáo hội [de Ecclesia] đưa chúng ta trực tiếp đến với giáo hội học Thánh Thể và đến với công trình của Afanassieff - *La Chiesa che presiede nell'amore*; Lược đồ II và III của *Lumen Gentium*, tức bản văn chính thức hiện tại, cũng chứa đựng những âm hưởng giáo hội học của vị thần học gia người Nga này.

[6] X. M. Hardt, “Papsttum und Ökumene”, 317.

[7] X. H. Petri, “Die römisch-katholische”, 142–143; Bujak J., *Prymat biskupa Rzymu*, 35–37.

[8] X. A. Cattaneo, *La Chiesa locale*, 124–130.

[9] Đức Gioan Phaolô II, Tông thư Khởi đầu Thiên niên kỷ mới [Novo Millennio Ineunte], 44.

[10] X. Ủy ban Thần học Quốc tế, *Tính hiệp hành*, 41.

[11] X. H.J. Pottmeyer, “La Chiesa in cammino”, 73.

[12] Đức Phanxicô, *Giáo triều Rôma và Thân thể Đức Kitô*. Trong bài giảng của mình, Đức Giáo hoàng liệt kê “những căn bệnh” khác nhau có thể gây nguy hại cho Giáo triều Rôma, bao gồm căn bệnh kế hoạch hóa thái quá và duy hiệu năng: “Khi một tông đồ cẩn thận đặt kế hoạch cho mọi thứ và nghĩ rằng tiến trình thực tế được diễn ra theo như kế hoạch hoàn hảo ấy, vị ấy tự biến thành một kế toán viên hay một nhà tư vấn tài chính. Chuẩn bị chu đáo mọi sự là cần thiết, nhưng không bao giờ được rơi vào cám dỗ muốn chế ngự và điều khiển tự do của Chúa Thánh Thần, tự do ấy luôn lớn lao hơn, phong phú hơn bất kỳ kế hoạch nào của con người.

[13] X. H.J. Pottmeyer, “La Chiesa in cammino”, 73. Eloy Bueno de la Fuente, thần học gia người Tây Ban Nha có một quan điểm khác về phong cách quản trị của Đức Gioan Phaolô II. Ông nhấn mạnh rằng Đức Gioan Phaolô II có ý vận dụng thiết định Thượng Hội đồng Giám mục cho chương trình quan trọng của ngài về tân Phúc âm hóa. Ở số 21 của Tông thư Tertio Millennio Adveniente, Đức Giáo hoàng đã viết: “Góp một phần trong việc sửa soạn cho năm 2000 đang đến là một loạt các Công nghị bắt đầu từ sau Công Đồng Vaticanô II: những Công nghị chung [Thượng Hội đồng Giám mục] cùng với các công nghị theo đại lục, theo miền, theo quốc gia, theo giáo phận. Chủ đề chính của tất cả các công nghị này là vấn đề Phúc âm hóa, hay đúng hơn, là vấn đề làm mới lại việc truyền bá Phúc âm, mà những nền tảng của vấn đề làm mới lại việc truyền bá Phúc âm này được đặt nền móng nơi tông huấn Evangelii Nuntiandi của Đức Phaolô VI ban hành năm 1975 theo sau khóa họp chung lần thứ ba của Thượng Hội đồng Giám mục. Các công nghị này tự mình cũng là một phần trong công cuộc làm mới lại việc truyền bá Phúc âm: Chúng được sinh ra từ viễn ảnh về Giáo hội của Công Đồng Chung Vaticanô II. Các công nghị này mở rộng những lãnh vực để cho thành phần giáo dân tham dự, là thành phần mang những trách nhiệm đặc biệt được các công nghị này xác định. Các công nghị này là một biểu hiệu cho sức mạnh mà Đức Kitô đã ban cho toàn thể dân Thiên Chúa, làm cho dân này thành một dân dự phần vào sứ mệnh thiên sai của riêng Ngài là ngôn sứ, tư tế và vương đế. Nói đến điều này phải kể đến những phát biểu rất hùng hồn trong hiến chế tín lý Lumen Gentium. Việc sửa soạn cho cuộc mừng năm 2000 như thế được diễn tiến khắp Giáo hội, trên cả bình diện hoàn vũ cũng như địa phương, đem đến cho Giáo hội một nhận thức mới về sứ mệnh cứu độ mà Giáo hội nhận lãnh từ Đức Kitô. Nhận thức này được tỏ hiện rất rõ qua những Tông huấn sau các Thượng Hội đồng, những văn kiện chú trọng đến sứ mệnh của thành phần giáo dân, đến việc đào luyện các linh mục, đến các giáo lý viên, đến gia đình, đến giá trị của việc thống hối và hòa giải trong

sinh hoạt của Giáo hội cũng như của nhân loại nói chung, cũng như trong Thượng Hội đồng tới đây dành trọn cho vấn đề đời sống tận hiến”. X. E. Bueno de la Fuente, “El fundamento teológico”, 647; L. Baldisseri (ed.), *Sinodo dei Vescovi*. Tác giả thu thập những chứng từ của các giám mục đến từ 5 đại lục và giáo huấn về tính hiệp hành của 4 vị Giáo hoàng gần đây nhất: Phaolô VI, Gioan Phaolô II, Bênêđictô XVI và Phanxicô.

[14] X. H. Legrande, “Sự hiệp thông của Giáo hội” [Communio Ecclesiae], 161–165.

[15] X. Bộ Giáo luật, điều 336: “Giám mục đoàn gồm có đầu là Đức Giáo hoàng và những chi thể là các Giám mục do việc thánh hiến bằng bí tích và bởi sự hiệp thông phẩm trật với đầu và với các chi thể của hiệp đoàn [...]”; T. Söding, “Synodalität aus katholischer Sicht”, 94–95. Tác giả cho rằng các hình thức của tính hiệp hành, được Bộ Giáo luật vạch ra, tự bản chất thuộc về hàng giáo sĩ và gây ra những vấn đề về mặt cơ cấu khi nó liên hệ đến thành phần giáo dân, và do đó, thật cần thiết việc canh tân các cấu trúc hầu khám phá những hình thức rộng mở hơn về tính hiệp hành.

[16] X. Bộ Giám mục, Bộ Phúc âm hóa các dân tộc, Huấn thị về các Công nghị Giáo phận.

[17] X. Đức Gioan Phaolô II, Tựa sắc Các Tông đồ của Người [Apostolos Suos].

[18] X. Đức Gioan Phaolô II, Tựa sắc Để bảo vệ đức tin [Ad Tuendam Fidem].

[19] X. Bộ Giáo lý Đức tin, “Khái niệm Hiệp thông” [Communio Notio].

[20] X. H. Legrande, “Sự hiệp thông của Giáo hội” [Communio Ecclesiae], 161-174. G. Canobbio, nhà giáo hội học người Ý cũng giữ một quan điểm tương tự: G. Canobbio, “Sulla Sinodalità”, 249-261, cũng giống với Roberto Repole, Canobbio tin rằng, với Đức Phanxicô, chủ đề tính hiệp hành, được hiểu như chiều kích cấu

thành Giáo hội, đã quay trở lại. Repole cho rằng văn kiện của Bộ Giáo lý Đức tin, “Khái niệm Hiệp thông” [Communio Notio], là minh họa điển hình nhất của việc đảo ngược giáo hội học của Công đồng dưới triều đại Giáo hoàng của Đức Gioan Phaolô II, văn kiện này đã xác nhận cho quyền tối thượng về mặt bản thể học và trình tự thời gian của Giáo hội phổ quát trên các Giáo hội địa phương; x. R. Repole, “Per una Chiesa a misura di Vangelo”, 116-117; R. Repole, *Il sogno di una Chiesa evangelica*, 109. Văn kiện làm nổ ra một cuộc tranh luận thần học nóng bỏng, trong có hai vị Hồng y người Đức của Giáo triều Rôma đã giữ lập trường tương phản với nhau: Hồng y W. Kasper, người bảo vệ cho quyền tối thượng của các Giáo hội địa phương; và Hồng y J. Ratzinger, người lý giải cho quyền tối thượng về mặt bản thể học của Giáo hội phổ quát, x. J. Bujak, “Pierwszeństwo Kościoła powszechnego”, 39-55; J. Bujak, *Dialog katolicko-prawosławny*, 58-62.

[21] Đức Phanxicô, Lễ kỷ niệm 50 năm thiết định Thượng Hội đồng Giám mục; x. P. Rabczyński, “Synodalność według papieża Franciszka”, 115-116; P. Coda, “Il cammino della Chiesa del Terzo Millennio”, 9; A. Spadaro – C. Galli, “La sinodalità nella vita e nella missione della Chiesa”, 55-70; J.R. Villar, “La sinodalidad en la reflexión teológica actual”, 69-82.

[22] Đức Phanxicô, Lễ kỷ niệm 50 năm thiết định Thượng Hội đồng Giám mục.

[23] Ibid.; x. M. Brunini, “In cammino verso la sinodalità ecclesiale”, 419-440.

[24] X. Đức Phanxicô, Lễ kỷ niệm 50 năm thiết định Thượng Hội đồng Giám mục; R. Repole, “Per una Chiesa a misura di Vangelo”, 118-119; R. Repole, *Il sogno di una Chiesa evangelica*, 110-111; P. Rabczyński, “Synodalność według papieża Franciszka”, 119-123.

[25] Đức Phanxicô, Tông huấn Niềm vui Tin mừng, 30; x. Công đồng Vatican II, Sắc lệnh *Christus Dominus*, 11; R. Repole, “Per una Chiesa a misura di Vangelo”, 118; F. Candia, *Collegialità e Sinodo dei Vescovi*, 115–120, ở đây, tác giả chỉ ra các khía cạnh của tính hiệp hành được chứa đựng trong Tông huấn Niềm vui Tin mừng cũng như tính cộng đoàn [*communitas*] ở cấp độ Giáo hội phổ quát, cảm thức đức tin [*sensus fidei*] của toàn bộ dân Thiên Chúa, sự đồng trách nhiệm và việc biện phân; D. Vitali, «Un popolo in cammino verso Dio». Về tương quan giữa Giáo hội phổ quát và Giáo hội địa phương trong giáo huấn của Đức Giáo hoàng Phanxicô: T. Nawracała, “Kościół powszechny i Kościoły lokalne”, 23–39.

[26] X. Đức Phanxicô, Tông huấn Tình hiệp thông Giám mục [*Episcopalis Communio*].

[27] Về sự cần thiết đối với việc tăng cường vai trò của các Hội đồng Giám mục, x. H.J. Pottmeyer, “Die Bischofskonferenz”, 37–42; A. Buckenmaier, “Synodalität und Bischofskonferenz”, 164–169.

[28] Xem cuộc thảo luận về nội dung văn kiện này trong: J. Bujak, “Dokument Międzynarodowej Komisji Teologicznej”, 83–113.

[29] X. Ủy ban Thần học Quốc tế, Tính hiệp hành trong Đời sống và Sứ vụ của Giáo hội, 3; P. Coda, “La sinodalità esercizio di Chiesa”, 173. Vị thần học gia người Ý lưu ý rằng ITC đã gặp phải những khó khăn đáng kể trong việc soạn thảo văn kiện này. Khó khăn chính yếu liên hệ đến việc làm sáng tỏ ý nghĩa thần học của khái niệm hiệp hành khi phân biệt với các khái niệm về sự hiệp thông và tính tập đoàn. Vào lúc khởi sự công trình của mình, việc hiểu tính hiệp hành như là một khái niệm thần học quan trọng có ý nghĩa đặc thù và riêng biệt thậm chí vẫn còn chưa được rõ ràng đối với tất cả các thành viên của ITC.

[30] Đức Phanxicô, Lễ kỷ niệm 50 năm thiết định Thượng Hội đồng Giám mục.

[31] X. Ủy ban Thần học Quốc tế, Cảm thức đức tin trong đời sống của Giáo hội, 91; Đức Phanxicô, Tông huấn Niềm vui Tin mừng, 120.

[32] X. Công đồng Vatican II, Hiến chế tín lý về Giáo hội Lumen Gentium, 2–4; Công đồng Vatican II, Sắc lệnh Ad gentes, 2–4; Chi tiết thêm về chiều kích Ba Ngôi của tính hiệp hành, xin xem M.G. Masciarelli, *Le radici del Concilio*, 37–53. Tác giả cho thấy chiều kích hiệp thành của các mối tương quan giữa các Ngôi vị nơi Thiên Chúa Ba Ngôi, Đấng là nguồn cội và hình mẫu cho các mối tương quan hiệp hành của Giáo hội.

[33] X. Công đồng Vatican II, Hiến chế Phụng vụ Thánh Sacrosanctum Concilium, 10, 14.

[34] Đức Phaolô VI, Tông huấn Loan báo Tin mừng, 62.

[35] X. Ủy ban Quốc tế chung về Đối thoại Thần học giữa Giáo hội Công giáo và Giáo hội Chính thống (nói chung), Tính hiệp hành và Quyền tối thượng trong Thiên niên kỷ thứ nhất, 21.

[36] X. A. Spadaro, “Bài phỏng vấn Đức Giáo hoàng Phanxicô”, 466; P. Coda, “Scambio di doni”, 391, 394.

[37] X. J. Bujak, *Jedność na nowo odkrywana*, 33.

[38] X. Giovanni di Pergamo (John Zizioulas), “La Chiesa come comunione”, 532.

[39] X. Bujak, *Jedność na nowo odkrywana*, 47–48.

[40] X. P. Coda, “Scambio di doni”, 396–400. Trên hết, Coda nhấn mạnh sự hiện hữu của một mối tương quan gần gũi giữa tính hiệp hành và quyền bính ở cả ba cấp độ của Giáo hội: hoàn vũ, miền và địa phương, như Quy luật các Tông đồ số 34 đã tuyên bố.

[41] J. Bujak, *Dialog katolicko-prawosławny*, 37.

[42] Ibid., 39; x. J.-M.-R. Tillard, *Église d'Églises*, 51. Giáo hội học của vị thần học gia người Canada đã có một ảnh hưởng mạnh mẽ tới cuộc đối thoại Công giáo – Chính thống và tới việc thấu triệt giáo hội học hiệp thông trong Giáo hội Công giáo. Trong tác phẩm của mình, Tillard đã trình bày tương quan giữa Giáo hội địa phương với Giáo hội hoàn vũ khi nhấn mạnh rằng Giáo hội của Thiên Chúa Ba Ngôi tồn tại trước và trên Giáo hội địa phương, là nơi mà Giáo hội hoàn vũ luôn hiện diện.; A. Cattaneo, *La Chiesa locale*, 311–316.

[43] Ibid., 41–42.

[44] X. Ủy ban Đối thoại Quốc tế chung về Đối thoại Thần học giữa Giáo hội Công giáo và Giáo hội Chính thống (nói chung), *Tính hiệp hành và Quyền tối thượng trong Thiên niên kỷ thứ nhất*; A. Kuzma, “Istota eklezjologii pierwszego tysiąclecia”, 109–120.

[45] X. Hội đồng Cố vấn thần học Chính thống – Công giáo Bắc Mỹ, Washington DC, *Hồi đáp. Hội đồng Cố vấn Chính thống – Công giáo Bắc Mỹ*, trong phần hồi của mình về văn kiện Chieti, lưu ý rằng văn kiện rất nhấn mạnh đến thừa tác vụ giám mục mà ít chú ý đến hàng linh mục. Hội đồng cũng nêu bật việc thiếu đi sự thừa nhận về vai trò của hàng giáo sĩ và tín hữu giáo dân trong việc đóng góp cho Giáo hội và làm chứng cho Tin mừng giữa thế giới. Hội đồng nhắc lại rằng trong Giáo hội sơ thời, các tín hữu thường can dự vào tiến trình bầu chọn vị tân giám mục. Trong văn kiện Chieti, cũng như trong các văn kiện trước đó về đối thoại Công giáo – Chính thống, cộng đoàn giáo xứ ít được nhắc đến, nhưng đối với nhiều tín hữu thì giáo xứ, chứ không phải giáo phận, mới là Giáo hội địa phương thực sự, là nơi hằng ngày họ tham dự vào cử hành Thánh Thể.

[46] Ibid. Các thành viên của Hội đồng Cố vấn lưu ý rằng trong khi thảo luận về tương quan giữa tính hiệp hành và quyền tối thượng ở cấp miền, các tác giả của văn kiện Chieti không hề lưu tâm đến tương quan giữa giám mục và các tín hữu, ngược lại, vào thiên niên



kỷ thứ nhất của Giáo hội, giám mục luôn luôn liên kết với một cộng đoàn các tín hữu cụ thể, tương tự như tương quan vợ chồng; S. Morandini, “Un dinamismo ecumenico”, 88–89.

[47] [Ng.d.] Đây là một mô hình tổ chức Giáo hội, được đưa ra theo luật của Hoàng đế Rôma là Justinianô I. Theo mô hình này, Giáo hội Kitô giáo được cai quản bởi những người đứng đầu của năm tòa: Rôma, Constantinôp, Alexandria, Antiôkia và Giêrusalem.

[48] X. J. Famerée, “Scambio di doni”, 415.

[49] X. Ibid., 416–418; J. Famerée, “L’Église locale”, 164–165; J. Bujak, Dialog katolicko-prawosławny, 54–58.

[50] X. J.R. Villar, “La sinodalidad en la reflexión teológica actual”, 79–82.

[51] G. Weigel, Następny papież, 44; G. Weigel, A paradigm drift to apostasy?, ông viết về “con đường đồng nghị” của Giáo hội Công giáo Đức, là điều dẫn đến một kiểu liên bang của Giáo hội Công giáo: “Vì điều đang diễn ra cùng với con đường đồng nghị ở Đức là một sự chuyển đổi hệ hình thực sự: một sự chuyển đổi hướng tới khái niệm về Giáo hội Công giáo như một liên bang của các Giáo hội địa phương, mà mỗi một trong số đó được quyền tán thành cách hợp luật giáo huấn về tín lý, luân lý và thực hành mục vụ của mình. Tuy nhiên, đó không phải Công giáo. Đó là Anh giáo. Và bất kỳ ai biết sơ qua về số liệu nhân khẩu học của Kitô giáo trên thế giới thì cũng biết rằng Anh giáo theo kiểu địa phương tự quyết [local-option] thực ra cũng không quá ôn hòa”.



**Kêu mời:** Anh chị em thân mến, Chúa Giêsu là đầu mối sự hiệp thông giữa các Hội Thánh hoàn vũ và Hội Thánh địa phương. Chúng ta cầu nguyện cho mỗi Hội Thánh thực hiện đúng sứ vụ của mình trong Chúa. Chúng ta cùng hiệp ý cầu nguyện:

1. ***Chúa phán:*** “*Phêrô, anh hãy chẵn dắt các chiên của Thầy*”. Chúng ta cầu nguyện cho mọi thành phần Hội Thánh, biết theo sự hướng dẫn Đức Giáo Hoàng, các Đức Giám mục, mà kính mến Chúa trên hết mọi sự.
2. ***Chúa phán:*** “*Anh hãy nâng đỡ đức tin của các anh em của anh*”. Chúng ta cầu nguyện cho mọi Kitô hữu luôn biết yêu thương nhau và nâng đỡ nhau, giúp đức tin của mình và của mọi người thêm vững mạnh.
3. “*Người giải thích cho hai ông những gì liên quan đến Người trong tất cả Sách Thánh*”. Chúng ta cầu nguyện cho mọi Kitô hữu, biết cùng nhau tìm hiểu Kinh Thánh, cùng sống những điều Kinh Thánh dạy bảo.
4. “*Họ đứng dậy, quay trở lại Giêrusalem, gặp Nhóm Mười Một và các bạn*”. Chúng ta cầu nguyện cho mọi người trong cộng đoàn chúng ta, biết thường xuyên họp mặt với Hội Thánh địa phương và với Hội Thánh hoàn vũ.

**Kết thúc:** Lạy Chúa, Chúa muốn cho các Hội Thánh địa phương luôn hiệp thông với Hội Thánh hoàn vũ. Xin cho chúng con luôn biết gắn bó với Chúa Giêsu trong Chúa Thánh Thần, để được nên một trong sức sống của Chúa Ba Ngôi. Chúng con cầu xin nhờ Đức Kitô, Chúa chúng con. Amen.

Lm Phêrô Nguyễn Văn Hiền



## MẸ MARIA VỚI THIÊN CHÚC LINH MỤC

Để hiểu rõ hơn việc Đức Mẹ là gương mẫu của Giáo Hội về mọi phương diện, ta không thể bỏ qua hai đặc tính của Giáo Hội là Bạn trăm năm và là Linh mục của Chúa Giêsu. Công đồng Vaticano II đã bàn đến cả hai đặc tính này, và đồng thời cũng kể ra những biệt điểm khiến Đức Mẹ là gương mẫu Giáo Hội cả trong hai phương diện này nữa.

Trước hết ta có thể nói Đức Mẹ là Bạn Trăm năm của Chúa Cứu Thế vì Công đồng quả quyết Đức Mẹ đã kết hợp mật thiết với Chúa Giêsu trong việc cứu thế (LG. 55. 59), đồng thời cũng nói rõ Giáo Hội là Bạn trăm năm của Giêsu. (LG.I- II). Nhưng tương quan giữa Đức Mẹ và Giáo Hội trong hai điểm này là gì, thì ta có thể nhận các điều Công đồng dạy mà thưa rằng:

1. Đức Mẹ Maria quả là Bạn Trăm năm của Ngôi Hai Thiên Chúa nhập thể giáng trần, khi Đức Mẹ thưa hai tiếng “Xin vâng” để cộng tác trong việc cứu thế. Thái độ vâng phục và xin vâng này khiến Đức Mẹ trở thành gương mẫu của Giáo Hội và của mọi tín hữu. Vì Giáo Hội và tín hữu cũng phải ngoan ngoãn cộng tác với Chúa Giêsu trong việc cứu độ. Trong tinh thần cộng tác này, Đức Mẹ quả là gương mẫu đặc biệt. Vì là Mẹ Đức Kitô, Mẹ Đầu Giáo Hội, Đức Mẹ luôn hợp nhất với Chúa Giêsu trong suốt đời sống, từ Nazareth cho tới Calvario. Tại Calvario là nơi Giáo Hội được thành hình với tư cách là Bạn Trăm Năm của Chúa, nghĩa là một vị cộng tác đặc biệt trong công cuộc cứu đời, thì Đức Mẹ đứng đó và cộng tác để Giáo Hội được phát sinh ra từ cạnh sườn Adong mới. Đức Mẹ còn tiếp tục sứ vụ cộng tác đó một cách hữu hiệu để xứng đáng tước hiệu là “Mẹ muôn đời của tín hữu”.

Vì thế ba tước hiệu: Bạn Trăm Năm, Mẹ và Trinh nữ là ba tước hiệu không thể tách biệt ra ở nơi Đức Mẹ. Trái lại cả ba gắn liền nhau khăng khít: Người là Bạn Trăm Năm, nghĩa là kẻ cộng tác của Ngôi Lời, khi Đức Mẹ thưa hai tiếng xin vâng. Người là Mẹ đồng trinh của Ngôi Lời nhập thể, tức là Đức Giêsu Kitô. Đối với Giáo Hội thì Người là Mẹ thiêng liêng của các tín hữu vì các tín hữu là chi thể của Giáo Hội.

Còn việc Giáo Hội được trở thành Bạn Trăm Năm của Đức Kitô cũng phải nhờ vào sự cộng tác của Đức Mẹ. Vì chính Đức Mẹ đã cộng tác với Chúa Giêsu, từ Bethlem tới Calvario, để sinh ra Giáo Hội tại đó. Việc Giáo Hội áp dụng ơn cứu chuộc cho mọi phần tử, chính là lý do Giáo Hội cũng có ba tước hiệu như Đức Mẹ: Bạn Trăm Năm Chúa Cứu Thế, Mẹ và Trinh Nữ sinh ra các tín hữu. Nhưng nơi Đức Mẹ ba tước hiệu đó nổi bật và hữu hiệu hơn ở Giáo Hội nhiều.

Các trinh nữ nói riêng cũng có ba tước hiệu trên: Trinh nữ, Bạn Trăm Năm và Mẹ. Là trinh nữ vì tận hiến thân xác và tâm hồn cho Chúa Kitô. Là Bạn Trăm Năm vì cộng tác với Chúa Giêsu trong việc cứu thế. Là Mẹ, vì hợp cùng Giáo Hội ban Chúa Giêsu cho các linh hồn. Nhưng đây cũng chỉ là cách bắt chước ba tước hiệu của Đức Mẹ, đáng có trước, và nêu gương để các tín hữu, các trinh nữ bắt chước. Đức Mẹ cộng tác với Chúa Giêsu như E-và cộng tác với A-dong trong việc sinh ra loài người. Đức Mẹ là mẹ thực của Chúa Giêsu, đồng thời là mẹ các chi thể của Chúa tức là các tín hữu. Còn về đức đồng trinh thì quả Đức Mẹ là một trinh nữ lạ lùng, sinh con thực sự mà vẫn còn khiết trinh.

2. Xét về chức linh mục, chúng ta nên biết rằng tất cả chương trình cứu độ đều có tính cách “Linh mục” nghĩa là tất cả ơn cứu độ gồm gói trong việc Ngôi Lời Nhập Thể, hiến tế trên núi sọ, vẫn còn luôn ban ơn cho tín hữu nhờ thừa tác vụ của Giáo Hội.

Việc nhập thể của Ngôi Lời chính là việc thụ phong linh mục của Đức Giêsu Thượng Tế. Vì khi nhân tính được kết hợp với thiên tính, thì nhân tính nơi Đức Kitô được hiến thánh, và trở thành hữu hiệu trong việc cứu thế. Ngay từ lúc việc nhập thể Đức Kitô đã dâng mình làm của lễ để cứu vãn trần gian. Trên Thập giá chính là lúc thực thi thiên chức một cách hoàn hảo. Vì tại đây Đức Kitô vừa là linh mục vừa là của hiến tế. Ngài chính là Chiên Thiên Chúa vì gánh tội trần gian nên phải chết trên thập giá.

Còn Giáo Hội khi được phát sinh trái tim bị đâm thủng của Chúa Cứu Thế đã trở thành đền thánh được xây trên nền thánh là Đức Giêsu, và đồng thời được thông công trong thiên chức linh mục của Đức Kitô. Không những Giáo Hội, mà tất cả các thánh phần của Giáo Hội, tuy bậc khác nhau, cũng được thông công trong thiên chức này. Các linh mục được thông công một cách đặc biệt nhờ phép Truyền chức. Còn tín hữu thì nhờ phép Rửa tội và Thêm sức được trở thành chi thể của Đức Kitô, vì cũng được thông công thiên chức linh mục của Ngài một cách chung.

Còn Đức Mẹ Maria tuy không thuộc về hàng giáo phẩm, nhưng Ngài có những đặc ân thuộc chức Linh mục. Không phải chỉ có những đặc ân như các trinh nữ khi họ được thông công vào chức linh mục của Đức Kitô, như thánh Phêrô nói về các tín hữu: “Anh em là dòng giống được lựa chọn, hàng tư tế vương giả, nước thánh thiện, dân được chọn làm sở hữu” nhưng Đức Mẹ có một địa vị đặc biệt vì Ngài chính là Mẹ của Đức Kitô Thượng Tế. Đức Mẹ cộng tác đặc biệt với Chúa Cứu Thế trong bất cứ hành động nào của Ngài, và suốt đời sống, đặc biệt là tại Calvario. Đây là điểm ta muốn bàn rộng theo Công đồng Vaticano II.

Trước hết Công đồng đã nói nhiều về thiên chức Linh mục của Giáo Hội trong chương II và III của Hiến chế Lumen Gentium, trong các sắc lệnh Optatum totius, Presbyterorum Ordinis và Christus Dominus. Nhưng trái lại không nói nhiều về tương quan giữa Đức Mẹ và thiên chức linh mục của Giáo Hội. Chỉ có sắc lệnh

Presbyterorum Ordinis khi nhấn mạnh đến sứ mệnh và đời sống linh mục (số 18) có nói Đức Mẹ là Mẹ của vị Thượng Tế, là Nữ vương các Tông đồ, và là đáng phù trợ các linh mục trong sứ mệnh của họ. Công đồng nhấn mạnh đến việc Đức Mẹ là gương mẫu và là sự trợ giúp của hàng tư giáo, của tu sĩ và của các vị thừa sai.

Dẫu thế theo tài liệu Công đồng, ta có thể phân biệt rõ ràng hoạt động cứu độ của Đức Mẹ khác với các hoạt động của các linh mục, nhưng lại giống với các hoạt động có tính cách linh mục của các tín hữu. Tính cách này căn cứ không phải tại việc dâng của lễ, là việc thuộc riêng về Đức Kitô và các linh mục, nhưng tại việc hợp tác một cách sống động và có công trong việc tế lễ. Trong việc hợp tác này Đức Mẹ nổi bật hơn mọi tín hữu.

Trước hết Đức Mẹ tham dự và hợp tác với Chúa Giêsu theo tư cách đại diện cho toàn thể tín hữu, khi Đức Mẹ dự cuộc hiến tế của Chúa Giêsu tại Golgota. Trong các Thánh lễ Missa khi các tín hữu tham dự với lòng tin và lòng mến để dâng của lễ, và hợp với của lễ để dâng chính đời sống mình cùng với các kinh nguyện và các đau khổ, thì Đức Mẹ cũng tham dự một cách đặc biệt vì Ngài chính là Mẹ Chúa Giêsu Thượng Tế. Đức Mẹ còn luôn hợp tác với Con một cách thâm thiết, vì Đức Mẹ là một đáng thánh thiện tuyệt vời, là đáng đầy công phúc, và thực sự Ngài đã cộng tác với Chúa Cứu Thế tới bậc anh hùng.

Xét theo phương diện này thì cả trong chức linh mục Đức Mẹ cũng vượt xa Giáo Hội, và còn là gương mẫu cho Giáo Hội và cho hàng Giáo Phẩm. Vì nhờ các linh mục và các tín hữu, Giáo Hội luôn tiếp tục sứ mệnh linh mục của Chúa Giêsu. Tuy các linh mục và tín hữu là bất toàn, là có thể thay thế được, nhưng Giáo Hội thì luôn luôn là duy nhất, thánh thiện và luôn sống mạnh. Đến đây chúng ta cần sửa sai một hình ảnh về Giáo Hội. Giáo Hội không phải là một tổ chức phi ngôi vị, hay chỉ là một tổ chức sống động: Giáo Hội hằng lo lắng và vất vả để mưu hạnh phúc hiện tại và tương lai cho xác cũng như hồn của tín hữu.

Tuy Giáo Hội cao trọng và hữu hiệu như vậy, nhưng Đức Mẹ còn nổi bật, vì Người là Mẹ sinh ra chính Đấng cứu thế. Đức Mẹ có trước Giáo Hội, khi Đức Mẹ cộng tác với Chúa Giêsu tại Calvario để sinh ra Giáo Hội. Hơn nữa, Đức Mẹ còn là gương mẫu và là đáng cầu bầu để xin ơn thánh cho các linh mục, từ Đức Giáo Hoàng trở xuống tới cấp dưới hết trong phẩm trật Hội Thánh, rồi ra cho mọi tín hữu khi họ thông công hợp tác với chức linh mục của Chúa Giêsu và của Giáo Hội.

Tương quan giữa Đức Mẹ và Giáo Hội này là một đạo lý sâu xa, và rất hữu ích, vì cho ta thấy rằng Đức Mẹ không phải chỉ là một tạo vật đặc biệt đáng ta cung kính ngợi khen, mà trái lại là một vị đáng bắt chước vì Đức Mẹ cũng có những gì mà Giáo Hội và các tín hữu được, tuy Đức Mẹ được một cách đặc biệt hơn nhiều. Vì thế Đức Maria không những là “Mẹ” Giáo Hội mà còn có tính cách là “Chị” theo kiểu nói của Đức Phaolô VI. Mối tương quan này cũng cho thấy rõ luật “triển nở” đang hoạt động trong nhiệm thể Đức Kitô: Giáo Hội đã và đang vươn lên mãnh liệt.

*Nguồn: <http://www.dongcong.net>*



## NHỮNG NGUYÊN TẮC HƯỚNG DẪN GIÁO LUẬT BÍ TÍCH HÔN PHỐI

Ủy Ban Mục Vụ Gia Đình của HĐGM VN đã có hội nghị các chuyên viên Giáo luật, tổ chức ngày 30-3-2023, để hoàn thành bản “Nguyên tắc hướng dẫn giáo luật hôn nhân”. Bản nguyên tắc này không đưa ra những khoản giáo luật riêng của Giáo hội Việt Nam, nhưng chỉ hướng dẫn áp dụng bộ Giáo luật 1983 vào hoàn cảnh thực tế của Việt Nam, được cô đọng thành những nguyên tắc. Quý linh mục có thể góp ý để có thêm những nguyên tắc hướng dẫn cho những trường hợp gặp khó khăn về Giáo luật hôn nhân. Còn những nguyên tắc hướng dẫn hôn nhân thuần túy mục vụ thì xin không để thêm vào bản Hướng dẫn này (Gởi đến: domanh55@gmail.com hoặc jbdung@yahoo.com).

### NHỮNG NGUYÊN TẮC HƯỚNG DẪN GIÁO LUẬT BÍ TÍCH HÔN PHỐI (tt) ỦY BAN MỤC VỤ HÔN NHÂN GIA ĐÌNH

#### 15. Giáo lý hôn nhân

*Nơi dạy giáo lý dự tòng hoặc giáo lý hôn nhân có cần yêu cầu học viên giáo dân có giấy giới thiệu của cha sở của mình hay cha sở của nơi người lương cư ngụ hay không? Ý kiến ủng hộ cho việc đòi có giấy giới thiệu nêu lý do hợp lý: cần "biết con chiên" của mục tử và con chiên cũng cần "biết mục tử". Tuy nhiên có nhiều trường hợp có khó khăn, vì đi giáo dân làm xa không thể về quê để xin giấy giới thiệu và đôi khi cha sở lại từ chối cấp giấy giới*



*thiệu. Bản nguyên tắc này đưa ra giải pháp dựa trên sự liên đới trách nhiệm của cả nơi dạy giáo lý và cha sở của giáo dân.*

*Chương trình giáo lý hôn nhân phải như thế nào cho hợp lý?*

## **Điều 42**

Giấy giới thiệu của cha sở nơi học viên có cư sở hay thường trú để học giáo lý hôn nhân hoặc giáo lý dự tòng nhằm bảo đảm về vấn đề hợp pháp hay hữu hiệu của hôn nhân sắp cử hành và phần nào đáp ứng việc chu toàn trách nhiệm mục vụ của các cha sở nơi dạy giáo lý và nơi đôi bạn có cư sở. Vì vậy, việc cấp giấy giới thiệu này phải linh động tùy theo hoàn cảnh, tránh gây khó khăn cho người dự định kết hôn.

## **Điều 43**

§1. Cha sở, hay cơ sở nào đảm nhận việc dạy giáo lý hôn nhân hoặc giáo lý dự tòng, có thể đón nhận học viên, không nhất thiết phải có giấy giới thiệu của cha sở nơi học viên có cư sở hoặc thường trú. Tuy nhiên, vì liên đới trách nhiệm, cha sở hay cơ sở dạy giáo lý cần yêu cầu học viên xin giấy giới thiệu nơi cha sở của mình ở mức nào có thể được.

§2. Trong trường hợp học viên có khó khăn, vì không thể đi xa về quê xin giấy giới thiệu hoặc vì cha sở của người ấy từ chối cấp giấy giới thiệu, cha sở nơi dạy giáo lý nên đón nhận học viên mà không có giấy giới thiệu. Tuy nhiên, cha cũng có nhiệm vụ gửi giấy cho cha sở riêng của đương sự để kính tường hoặc, nếu đó là trường hợp dự tòng, để nhờ giúp điều tra.

## **Điều 44**

§1. Nội dung của lớp giáo lý hôn nhân, ngoài giáo thuyết Công giáo về (bí tích) Hôn phối, cần phải lưu ý giáo huấn những điều giúp đôi bạn sống chung thủy, chu toàn trách nhiệm vợ chồng đối với nhau và bổn phận cha mẹ đối với con cái, đồng thời giúp họ hiểu và giữ những nguyên tắc luân lý về đời sống tính dục và sinh sản.

§2. Một cách cụ thể, giáo lý hôn nhân cần truyền đạt:[2]

1. Những tương quan liên vị giữa người nam và người nữ trong chương trình của Thiên Chúa về hôn nhân và gia đình;
2. Ý thức về sự tự do ưng thuận như là nền tảng của sự kết hợp đơn nhất và bất khả phân ly của hôn nhân;
3. Khía cạnh nhân bản, đạo đức luân lý của tính dục hôn nhân, hành vi kết hợp vợ chồng;
4. Khái niệm đúng đắn về trách nhiệm cha mẹ;
5. Những yêu cầu và mục đích, sự giáo dục con cái đúng đắn.

## **Điều 45**

§1. Các đôi bạn có thể học giáo lý hôn nhân tại giáo xứ nơi mình có cư sở hoặc bán cư sở, hoặc tại một giáo xứ khác hoặc tại một cơ sở được Đấng Bản quyền chuẩn nhận. Tuy nhiên, chỉ có cha sở hoặc cơ sở được chuẩn nhận mới có quyền cấp chứng chỉ giáo lý

hôn nhân.

§2. Để bảo đảm có đủ kiến thức giúp sống ơn gọi hôn nhân, các học viên cần phải được kiểm tra, trước khi được ban cấp chứng chỉ (GL 1067).

### **Điều 46**

§1. Cha sở cần phải chấp nhận giá trị của các chứng chỉ giáo lý hôn nhân do các cha sở nơi khác hoặc các cơ sở được phép ban cấp, trừ khi có hồ nghi về sự ban cấp hoặc về kiến thức căn bản về hôn nhân của học viên.

§2. Ngay từ khi chấp nhận chứng hôn và cho đôi bạn thực hiện bản thảo vấn trước kết hôn, nếu có hồ nghi tích cực, cha sở có thể tra vấn thêm để xác định đôi bạn có sự hiểu biết và ý định kết hôn phù hợp với giáo thuyết công giáo hay không và có sẵn sàng đảm nhận những bổn phận của hôn nhân một cách đúng đắn hay không. Nếu không, cha nên liệu cách giúp đỡ đôi bạn được học hỏi thêm hoặc trì hoãn chứng hôn.

### **Điều 47**

§1. Cần phân biệt chương trình học giáo lý hôn nhân với chương trình học giáo lý dự tòng.

§2. Đối với người ngoài Công giáo, chỉ khuyến khích không được buộc họ phải tham dự khóa giáo lý dự tòng. Nếu khóa dự tòng có chung phần với giáo lý hôn nhân, cần có thời khóa biểu quy định rõ để người ngoài Công giáo có thể tham dự cách riêng biệt tùy ý.

§3. Trong những trường hợp cần thiết, cách riêng đối với người

ngoài Công giáo, ngoại quốc, Việt kiều... cha sở có thể linh động liệu cách giúp đôi bạn học hỏi những nét chính yếu của ý nghĩa hôn nhân và về quyền lợi và nghĩa vụ vợ chồng cũng như bậc cha mẹ (GL 1063) trong một thời gian ngắn thích hợp.

## **16. Giáo lý dự tòng**

*Giáo lý dự tòng phải giúp đào tạo đức tin theo yêu cầu của Giáo luật, không được giáo huấn chỉ bằng lý thuyết và rút ngắn thời gian dự tòng.*

### **Điều 48**

§1. Đối với các người học giáo lý dự tòng và chuẩn bị kết hôn, họ phải được đào tạo bằng một lối giảng dạy thích hợp để nhận biết chân lý Tin Mừng sâu sắc hơn và để chu toàn các bổn phận đã được lãnh nhận qua bí tích Rửa tội, họ phải được thấm nhuần tình yêu chân thành đối với Đức Kitô và Giáo hội của Ngài (GL 789).

§2. Không được giảng dạy họ chỉ bằng những giờ học lý thuyết, nhưng cần phải cho họ được khai tâm về mầu nhiệm cứu độ và phải được dẫn vào đời sống đức tin, phụng vụ và bác ái của dân Chúa, cũng như vào việc tông đồ (GL 788§2).

§3. Thời gian dự tòng ít nhất là ba tháng, nên là sáu tháng, không được rút ngắn, trừ trường hợp cấp thiết hoặc nguy tử (GL 865§2).

### **Điều 49**

Vì tôn trọng quyền tự do tôn giáo và kết hôn, người sắp kết hôn cũng như cha mẹ chỉ nên khuyên chứ không được ép buộc người ngoài Công giáo theo đạo như là điều kiện để kết hôn. Trong

trường hợp có thể được, nên chấp nhận cho kết hôn với miễn chuẩn khác đạo.

### **Điều 50**

§1. Mỗi dự tòng, ngay từ đầu khóa học nên có một cha hay một mẹ, hoặc cả hai cha mẹ đỡ đầu, để giúp họ tham dự các Thánh Lễ và tập luyện đời sống Kitô giáo trong thời gian đào tạo.

§2. Sau khi dự tòng được rửa tội, cha mẹ đỡ đầu này vẫn tiếp tục đồng hành để giúp đỡ tân tòng về đời sống đức tin, sự chung thủy hôn nhân và giáo dục con cái.

### **17. Đăng ký, chứng nhận kết hôn dân sự**

*Khi không thể đăng ký kết hôn ở các cơ quan chính quyền thì xử lý ra sao?*

### **Điều 51**

§1. Giáo luật đòi phải xin phép Bản Quyền địa phương khi chứng hôn cho những người không thể được công nhận hay không thể kết hôn theo luật dân sự (GL 1071§1,20). Vì vậy, khi không thể đăng ký và có được giấy chứng nhận kết hôn dân sự, cha sở phải xin phép Bản quyền địa phương trước khi cử hành chứng hôn cho họ.

§2. Việc cho phép chứng hôn hay không tùy thuộc vào thẩm quyền của Bản quyền địa phương của riêng mỗi Giáo phận (GL 1071§1,20), không buộc phải đồng nhất như một luật chi phối cho toàn Giáo hội Việt Nam.

§3. Trong một số trường hợp thường, ví dụ như kết hôn với người

ngoại quốc, người nữ đã mang thai mà chưa đủ tuổi kết hôn, người Việt phải còn độc thân khi xin nhập cư vào Hoa Kỳ... khiến không thể đăng ký kết hôn tại các cơ quan chính quyền, Đấng Bản quyền địa phương nên có những quy định cho mỗi trường hợp, áp dụng riêng trong Giáo phận của mình để các cha sở dễ dàng chấp nhận chứng hôn hay không.

## **18. Điều tra riêng, nhân chứng**

*Trong những trường hợp đặc biệt về hôn phối cha sở có thể bổ túc bằng những điều tra riêng.*

### **Điều 52**

§1. Trong trường hợp đặc biệt, không thể có giấy tờ chứng minh tình trạng thông dong của một người bằng những giấy tờ pháp lý, hoặc có giấy tờ pháp lý mà còn có hồ nghi, cha sở có thể có những cách "điều tra riêng" tùy theo sự khôn ngoan, như đòi làm bản lý lịch chi tiết có ghi danh cha mẹ anh chị em với số điện thoại. Cha khôn khéo gọi điện thoại hỏi họ về tình trạng của người sắp kết hôn.

§2. Cha sở cũng có thể yêu cầu có sự xác nhận của hai nhân chứng về tình trạng thông dong của người kết hôn hoặc áp dụng những phương cách khác, miễn là cha sở có đủ cơ sở để chắc chắn rằng không có gì cản trở cho việc cử hành hôn phối được hữu hiệu và hợp luật.



## ÂN SÙNG CHÚA TRONG CHIẾC BÌNH SÀNH CỦA LINH MỤC

*Lm. Giuse Phạm Đình Ngọc SJ*

**WHĐ (25.4.2023)** - Ôn gọi nào cũng cao quý, vì nó đến từ Thiên Chúa. Chính Thiên Chúa chọn gọi và trao cho người ấy một sứ mạng cụ thể. Ôn gọi linh mục có vẻ đặc thù, cao cả hơn một chút (x. *Presbyterorum Ordinis 1*). Số là sau khi chọn 12 Tông đồ, Chúa Giêsu muốn huấn luyện các ông nên giống Chúa. Mục đích là để các ông ra đi loan tin vui và thông truyền ân sủng của Thiên Chúa đến cho con người. Nếu nói chính xác thời điểm, thì chúng ta nhớ lại giờ phút Chúa Giêsu lập Bí Tích Thánh Thể và Bí Tích Truyền Chức Thánh trong Bữa Tiệc Ly. Từ đây, nếu Thiên Chúa chọn gọi ai đó làm linh mục, họ diễm phúc được thực thi thừa tác vụ cao quý này. Nhờ Thiên Chúa, linh mục có thể thông ban muôn vàn ân huệ đến cho con người.

Cao quý là thế, hạnh phúc là vậy, nhưng linh mục như những bình sành mong manh dễ vỡ. Chúng ta vẫn không thể hiểu hết được: “Tại sao Thiên Chúa lại ban cho linh mục khả năng chuyển tải ân sủng này?” Những linh mục tốt lành và thông thái thì có thể hiểu được phần nào, vì họ xứng đáng chuyển ơn Chúa. Lý do là họ gần Thiên Chúa, họ hiểu được đường lối mục vụ của Chúa. Càng cầu nguyện, càng khiêm tốn, những linh mục này càng trở nên người trung gian tốt lành giữa Thiên Chúa và giáo dân. Tuy vậy, còn những linh mục xa Chúa thì sao? Dưới con mắt người đời, dường như vài linh mục không xứng đáng lắm. Đời sống của họ không tương thích với ước mong của Chúa. Họ cũng dâng lễ, cũng ban các bí tích. Câu hỏi đặt ra liệu rằng ơn huệ của Chúa, ngang qua những linh mục này, có đến được với giáo dân không?

Giáo hội thừa rằng có! Chính Thiên Chúa cũng “liều lĩnh” trao kho tàng quý giá vào tay các linh mục. Thiên Chúa một mặt tin tưởng họ sẽ luôn trung thành với lời tuyên hứa trong ngày chịu chức. Mặt khác Thiên Chúa cũng tôn trọng tự do của họ, ngay cả khi linh mục ấy bất trung hoặc tội lỗi. Dù trong hoàn cảnh nào đi nữa, Thiên Chúa vẫn ban ân sủng đầy đủ qua những thánh lễ vị linh mục ấy dâng, qua các bí tích vị mục tử ấy cử hành[1]. Cần lưu ý rằng ân sủng không phải của linh mục, vì đó là tài sản của Thiên Chúa. Linh mục chỉ là người ban phát. Họ như máng thông ơn Thiên Chúa đến cho con người. Ở chiều kích này, vai trò của các tín hữu cũng quan trọng để nhận lãnh ân sủng của Chúa. Dù linh mục có tốt lành hoặc xấu xa, dù ơn Chúa có dồi dào hay thiếu vắng, nếu giáo dân không muốn nhận, ân sủng Chúa cũng khó lòng đến được với họ.

Để phân tích sâu hơn chủ đề này, chúng ta thử tìm hiểu ba ý chính sau:

## **1. Bình sành để chứng tỏ quyền năng Chúa**

Với tựa đề trên đây, chúng ta nhớ ngay đến chia sẻ của thánh Phaolô (2 Cr 4,1-16). Khi gặp gỡ giáo đoàn Côrintô[2], thánh nhân đã khiêm tốn giải thích sứ mạng của các tông đồ (các mục tử). Họ đến với dân không phải do ý muốn của người phàm. Không ai sai phái họ đến gặp dân, ngoại trừ Thiên Chúa, ngoại trừ Chúa Giêsu phục sinh. “Vì Thiên Chúa đoái thương giao cho chúng tôi công việc phục vụ, nên chúng tôi không sờn lòng nản chí.” (2 Cr 4,1). Đó là lý do thánh nhân cũng như các mục tử có quyền tự hào và có quyền tin tưởng rằng họ không cô đơn. Nghĩa là họ làm mọi sự vì Thiên Chúa. Hơn nữa, chính Thiên Chúa, ngang qua các mục tử, sẽ giúp cộng đoàn được lớn mạnh hơn. Những ai gặp gỡ các mục tử của Chúa cũng nhận được nhiều ân sủng. Tiếc thay những nơi đang thiếu vắng các linh mục.

Tuy nhiên, thánh Phaolô liền khiêm tốn thừa với họ rằng: “Nhưng kho tàng ấy, chúng tôi lại chứa đựng trong những bình sành, để chứng tỏ quyền năng phi thường phát xuất từ Thiên Chúa, chứ



không phải từ chúng tôi.” Bình sành hoặc bình sứ đều dễ vỡ. Một khi vỡ ra, ân sủng cũng có nguy cơ tan biến. Nếu là Thiên Chúa, chúng ta sẽ cất giữ ân sủng trong két sắt, chứ không đại gì đựng trong các bình sành. Dĩ nhiên, tư tưởng của chúng ta không như tư tưởng của Thiên Chúa (Is 55,8). Trong ơn gọi này, Thiên Chúa đã mạnh dạn đặt ân sủng của mình vào các bình sành dễ vỡ, nơi các linh mục. Mục đích là quá rõ, như lời thánh Phaolô quả quyết: để chúng tỏ quyền năng phi thường của Chúa. Vì lý do này, nếu các mục tử có tự hào, thì cũng nên tự hào trong Chúa.

## 2. Linh mục là họa ảnh của Chúa Giêsu

Trong ngày lãnh nhận chức vụ linh mục, tân linh mục được mời gọi như là một Giêsu khác, một ‘*Đức Kitô khác – alter Christus*’. Từ đây, họ sẽ ban những ân sủng mà hiệu quả của các bí tích mang lại. Vì lý do này, linh mục không phải là một nghề, càng không phải là cơ hội để trục lợi lộc trần gian. Họ không cử hành các bí tích một cách máy móc như xây một ngôi nhà (‘không hành nghề’). Tuy nhiên, linh mục là một ơn gọi, một hành trình để Thiên Chúa biến đổi. Chúa Giêsu phải là khuôn mẫu để các linh mục bước theo. Được như thế, mục tử cảm thấy bình an và hạnh phúc, vì được ở gần Chúa. Họ có mùi của Thiên Chúa[3]. Trong tâm thế này, mục tử sẽ mang lấy mùi của con chiên[4], sẽ gần gũi và chăm sóc đàn chiên Chúa giao phó cho họ. Khi đó, giáo dân không chỉ quý mến linh mục vì tình người, nhưng còn nhìn nhận nơi các mục tử là họa ảnh của Chúa Giêsu. Họ muốn đến với linh mục để gặp Chúa Giêsu.

Chẳng hạn liên quan đến bí tích hòa giải, Giáo hội tin rằng: “*Qua tác vụ của linh mục, Thiên Chúa ban cho loài người ơn tha thứ và xóa bỏ mọi tội dường như tội lỗi không có bao giờ. Một linh mục chỉ có thể thực hiện được việc đó vì Chúa Giêsu đã cho tham dự vào quyền thần linh riêng tư của Chúa để tha tội.*” (Youcat 150). Thậm chí thánh thánh Gioan Chrysostom còn xác tín mạnh hơn: “*Linh mục đã nhận được nơi Thiên Chúa một quyền năng đầy đủ mà Thiên Chúa đã không ban cho các thiên thần hay các tông*

*lãnh thiên thần. Thiên Chúa ở trên trời cao xác nhận điều linh mục làm ở dưới thế.”*

Nếu có linh mục nào xa Chúa, họ cũng được mời gọi trở về để làm mới lại hình ảnh của Chúa Giêsu nơi mình. Đây cũng là lời mời gọi của các giám mục dành cho các linh mục của địa phận mình. Hoặc từ thời Giáo hội sơ khai, chính thánh Phaolô (như là một giám mục) đã nhấn nhủ môn đệ thân tín của mình là Timôtê (như là một linh mục): *“Cha kêu mời con khơi thắm lại ân huệ mà Thiên Chúa đã đổ xuống nơi con.”* (2Tm 1,6). Tạ ơn Chúa vì Giáo hội luôn có những buổi tĩnh tâm, thường huấn để làm mới tại trái tim của người mục tử[5]. Khi đó hy vọng mục tử biết làm sáng danh Chúa, hay vì sáng danh mình, biết trao ban ơn Chúa thay vì chỉ giữ cho mình.

### **3. Những bình sành được bảo vệ**

Tạ ơn Chúa vì trong giáo hội luôn có cơ cấu tốt để huấn luyện và chăm sóc các linh mục. Là con người với nhiều bất toàn, nhưng các linh mục được Thiên Chúa, ngang qua các giám mục, thường xuyên được hướng dẫn để trở nên mục tử như lòng Chúa ước mong. Ngày chịu chức chỉ là khởi đầu. Sau đó Giáo hội còn nhấn nhủ các giám mục: *“phải lo lắng tới tình trạng thiêng liêng, tri thức và vật chất của các linh mục mình, để họ có thể sống thánh thiện và đạo đức cũng như có thể trung thành chu toàn nhiệm vụ riêng một cách hữu hiệu.”*[6] Theo hướng này, linh mục không phải là người quyền cao chức trọng, nhưng là ơn gọi để phục vụ muôn người: *“Anh em thì không như thế, trái lại, ai lớn nhất trong anh em, thì phải nên như người nhỏ tuổi nhất, và kẻ làm đầu thì phải nên như người phục vụ.”* (Lc 22,26). Một trong những cách phục vụ hữu hiệu nhất chẳng phải là cử hành các bí tích, chẳng phải là chuyển ân sủng của Chúa đến với những ai họ gặp gỡ sao?

Là một linh mục trẻ, tôi cũng cảm nhận điều này: linh mục có nguy cơ thành một nghề! Nếu là một nghề, chiếc bình sành sẽ càng dễ vỡ. Số là mấy tháng đầu tôi dâng lễ rất sốt sắng, cảm thấy Thiên Chúa rất gần với mình. Trong bối cảnh này, tôi thấy ân sủng Chúa

đến dễ hơn với nhiều người. Tuy nhiên, trải qua một thời gian dài, tôi cử hành các nghi thức bí tích thiếu lửa yêu mến. Trong bối cảnh này, tôi nhớ lại lời của Mẹ Têrêsa Calcutta viết trong các phòng áo của nhà dòng: *“Xin cha dâng Thánh Lễ này như Thánh Lễ đầu tiên, như Thánh Lễ cuối cùng, và như Thánh Lễ duy nhất chỉ có một lần trong đời”*. Với tâm tình này, đúng như lời thánh Phaolô chia sẻ: *“Đừng thờ ơ với đặc sủng đang có nơi anh (linh mục), đặc sủng Thiên Chúa đã ban cho anh nhờ lời ngôn sứ, khi hàng kỳ mục đặt tay trên anh. Anh hãy tha thiết với những điều đó, chuyên chú vào đó, để mọi người nhận thấy những tiến bộ của anh.”* (1Tm 4,14-16).

Như vậy câu này không chỉ đúng cho giáo dân, mà cả các linh mục nữa: *“Vậy anh em hãy hoàn thiện, như Cha anh em trên trời là Đấng hoàn thiện.”* (Mt 5,48). Càng hoàn thiện, chiếc bình sành của Thiên Chúa càng khó vỡ, linh mục của Chúa càng nên “máng” thông truyền ân sủng của Chúa hơn.

### **Thay lời kết**

Trước những trào lưu bài xích tôn giáo và xem thường Thiên Chúa, thiên chức linh mục cũng bị ảnh hưởng. Không ít người xem thường thiên chức mục tử. Thật tốt để một lần nữa chúng ta ý thức món quà này của Chúa dành cho hội thánh. Nơi đâu có linh mục, nơi ấy có đời sống các bí tích. Đó là nguồn ân sủng để Thiên Chúa nuôi dưỡng đời sống tâm linh của mỗi người. Hẳn nhiên chỗ nào cũng có linh mục tốt, linh mục còn phiền lòng giáo dân. Ước gì chúng ta tạm đặt qua một bên yếu tố con người, để nhìn về một món quà Thiên Chúa đặt để trong con người mục tử. Họ là những chiếc bình sành mà Thiên Chúa đặt ân sủng vào đó. Ước gì chiếc bình sành ấy tỏa sáng và luôn sẵn sàng mở nắp, các linh mục luôn biết lấy ân sủng từ trong đó, để trao cho con người hôm nay.

Đừng quên linh mục như là “chiếc bao thần kỳ”[7]. Càng ban ân sủng của Chúa, linh mục càng được nhiều ân sủng hơn nữa. *“Ai đã có thì được cho thêm và sẽ có dư thừa; còn ai không có, thì ngay*

*cái đang có cũng sẽ bị lấy mất.” (Mt 13,12). Trong tâm tình này, chúng ta tiếp tục cầu nguyện cho các linh mục, Thiên Chúa đặt để ân sủng nơi họ, vốn như những chiếc bình sành.*

*Lạy Thiên Chúa toàn năng hằng hữu,  
xin nhìn đến Đức Kitô Con Chúa  
là vị Linh mục Thượng phẩm đời đời  
và vì yêu quý Người,  
mà thương xót giữ gìn các linh mục của Chúa.  
Lạy Thiên Chúa giàu lòng thương xót,  
xin nhớ đến các linh mục  
bởi các ngài cũng chỉ là tạo vật yếu đuối thấp hèn.  
Xin Chúa hằng khơi dậy nơi tâm hồn các ngài  
hông ân đã lãnh nhận trong ngày chịu chức thánh.  
Xin gìn giữ các ngài thật gần Chúa  
để kẻ thù không lấn át được  
và cũng để các ngài biết bảo vệ toàn vẹn  
sự trong sáng của ơn gọi cao cả trong chức linh mục.  
Lạy Chúa Giêsu,  
chúng con khẩn cầu cho các linh mục  
là những vị trung tín và nhiệt tâm,  
cũng như những vị bất tín và nguội lạnh;  
những vị đang làm việc nơi đây  
vì Danh Chúa và lợi ích các linh hồn,  
cũng như những vị đang miệt mài  
trong vùng đất truyền giáo xa xôi;  
những vị đang bị tấn công bởi cám dỗ  
nổi buồn chán cô đơn và đau đớn ê chề,  
những vị trẻ tuổi và già cả,  
những vị đau yếu và đang hấp hối;  
cách riêng chúng con nhớ đến  
những vị đã góp phần đào tạo chúng con  
và những vị đã cử hành các bí tích cho chúng con hưởng nhờ;  
xin cho các ngài được tràn đầy sức mạnh Chúa Thánh Thần  
nhờ đó ơn Chúa được trao ban  
cho con người trong thế giới hôm nay.*

*Lạy Chúa Giêsu dịu hiền khiêm nhường,  
xin gìn giữ các linh mục gần Thánh Tâm Chúa  
và xin chúc phúc dồi dào cho các ngài  
bây giờ và mãi mãi. Amen. [8]*

---

[1] Chúng ta đã nói đến những linh mục hợp pháp và thành sự. Dĩ nhiên trong trường hợp phạm đến Giáo luật, đức giám mục sẽ ra hình phạt treo chén hoặc huyền chức. Tuy vậy trước đó, các bí tích của linh mục ấy cử hành luôn thành sự.

[2] <https://xuanbichvietnam.wordpress.com/2009/02/13/tim-hieu-thu-gui-giao-doan-corinto/>

[3] <https://www.tonggiaophanhanoi.org/mui-chua-mui-chien-chua-nhat-iv-phuc-sinh-b-lm-giuse-nguyen-huu-an/>

[4] <https://www.youtube.com/watch?v=dmCHLCF3JUE>

[5] <https://hdgmvietnam.com/chi-tiet/thuong-huan-linh-muc-41786>

[6] Sắc lệnh *Christus Dominus* của công đồng Vaticanô hai, số 16

[7] <https://thegioicotich.vn/chiec-bao-than-ky/>

[8] Lời kinh của ĐHY Mudelin, TGM Chicago (1872-1939).



## THÁNH NGÀY TRÊN TRẦN GIAN

Em sinh ra trong hoàn cảnh khá đặc biệt, người cha có đạo và mẹ tân tòng. Chục tuổi, cha mất. Người mẹ đạo nghĩa lơ mơ, rồi biến cố cuộc đời bà bỏ đạo, em cũng từ ấy bỏ nhà thờ. Cuộc sống nổi trôi, xô đẩy hơn chục năm nếm trải nhiều khó khăn gian khổ, đắng cay của một đứa trẻ lẽ ra không phải chịu. Một mình em nơi đất khách có những khi quạnh quẽ, lang thang vô định mà không ai cạnh bên.

Rồi một ngày buồn chán, ngồi nghĩ ngợi, trái tim em thức tỉnh, chợt nhận ra mình là người có đạo, từng có Chúa trong đời. Tâm thức trỗi dậy một niềm tin mà lâu lắm rồi ngủ yên, quên lãng. Em chạy đến nhà thờ. Em nói, giờ có mô tả thế nào thì cũng không ai có thể hiểu được cuộc "gặp gỡ" (giữa em và Chúa) ấy. Chỉ em mới cảm nhận ánh mắt nhân từ, vòng tay yêu thương, ấm áp, lời hứa bình an cho những ai tôn thờ Ngài. Từ ấy em trở về....

Em nhắn cho tôi: "Con cảm thấy những việc làm hằng ngày dâng lễ, cầu nguyện, đọc kinh vẫn chưa đủ hy sinh cho bằng những điều Chúa ban cho con. Con muốn làm nhiều việc hơn nữa để tôn vinh, thờ phượng Chúa". Tôi vẫn nói với các lớp Giáo lý, chúng ta sống dương gian bằng đời sống tự nhiên, nhưng phải tồn tại song song sức sống siêu nhiên. Kể cả người ngoan cố tỏ ra phủ định thần thánh thì vẫn rất khiếp sợ khi nói đến "tâm linh". Còn người có đức tin vào Thiên Chúa, hiểu đạo Công giáo có căn cứ, có Thánh Kinh, Thánh Truyền, và tất cả thuận theo tự nhiên, không mộng lung mơ hồ mê tín theo thầy bà phàm nhân nói linh tính, nói điều không căn cứ, xúi làm những việc cúng kiếng, bùa phép trái tự nhiên.

Khi học Giáo lý "đến nơi đến chốn" để hiểu, thêm cảm nhận về Chúa nữa thì chắc chắn như tìm thấy kho báu/viên ngọc trong

thừa ruộng (Mt 13, 44 - 46), bằng mọi giá để có được. Và hơn nữa người ấy không thể im lặng, mà phải "khoe" với mọi người chung vui. Cũng vậy, một thời gian rất dài xa lạc đức tin, nhưng Chúa vẫn bên em, đi cùng mọi lúc để đến thời điểm thích hợp Ngài đánh thức cõi lòng, cho em cảm nghiệm ân sủng, đến nỗi giờ đây em "muốn được hy sinh nhiều hơn cho xứng với ân huệ Chúa ban".

Hôm nọ, tôi hỏi các em lớp Giáo lý: "Chúng ta chết mới được làm thánh, hay là thánh ngay đời này?". Tất cả trả lời "Chết mới thành thánh". Nhưng xin thưa, chúng ta hoàn toàn LÀ THÁNH ở đời này, không cần đợi chết. Vậy có khó không? Thưa, không khó. Chỉ cần chu toàn bổn phận nhỏ bé của mình trong thành tâm, sống Tám Mối Phúc - Bảo đảm là thánh trên dương gian.

Dòng Kitô Vua - Vĩnh Long

## NGƯỜI NỮ MẾN THÁNH GIÁ SỐNG HIỆP HÀNH

“*Vì Một Giáo Hội Hiệp Hành: Hiệp thông, Tham gia và Sứ vụ*” là chủ đề của Thượng Hội đồng Giám mục Thế giới Thường Kỳ 2021-2023. Hiệp hành” chính là một trong những đặc tính làm nên căn tính của giáo hội. Đức Giáo Hoàng Phanxicô mời gọi toàn thể Giáo hội cùng nhau suy gẫm và bàn thảo về chủ đề này như một hướng đi mới cho đời sống và sứ vụ của Giáo hội. Là người nữ tu Mến Thánh Giá, sống ơn gọi Mến Thánh Giá trong lòng Giáo hội, chắc hẳn vẫn mang trong tim người nữ tu ấy thao thức làm sao để từng ngày sống của chị nữ tu vang vọng lời mời gọi hiệp hành như Thánh Têrêsa: “Giữa lòng Hội Thánh con sẽ là tình yêu.”

Vâng! Con ước là tình yêu giữa lòng Giáo Hội, khi con mang trong tim tình yêu dành cho Đức Kitô chịu đóng đinh, con mang danh hiệu là nữ tu Mến Thánh Giá. Trước lời mời gọi hãy sống hiệp hành trong Hội Thánh, người nữ tu Mến Thánh Giá càng nhận ra chính trong linh đạo Mến Thánh Giá của mình sự đồng điệu về lời mời gọi hiệp hành ấy. Họ ý thức bản thân được mời gọi hãy bước ra khỏi bốn bức tường của tu viện, để đến với tất cả các thành phần trong Hội Thánh, đối thoại và cùng tham gia một sứ vụ của Hội Thánh - sứ vụ loan báo Tin Mừng. Người nữ tu sống đời sống chuyển cầu trong nguyện đường và ngoài cuộc sống – chính đời sống cầu nguyện ấy là sức mạnh để khi bước vào cánh đồng truyền giáo, họ đủ niềm tin để đối mặt với những hoàn cảnh khác nhau, để



hiều hơn và cảm thông hơn. Vì biết rằng họ đã kín mức tình yêu từ Chúa và giờ là lúc lan tỏa tình yêu ấy đến mọi người xung quanh.

Không dừng lại ở lời cầu nguyện nhưng còn là sự bước ra, đến với mọi người trong đời sống mục vụ tông đồ. Đến với mọi thành phần dân Chúa và cả những người ngoài Kitô giáo. Linh Đạo Mến Thánh Giá là phục vụ ưu tiên giới nữ và giới trẻ trong các lĩnh vực đức tin, luân lý, y tế, xã hội và giáo dục. Đến với họ như là cánh tay trung gian và hữu hình của Chúa nơi trần gian này. Làm sao để chính qua hình ảnh của người nữ tu, và nhất là cách sống, họ nhận ra tình yêu của Thiên Chúa và nhiều giá trị tinh thần đáng trân quý hơn. Như một sự đồng điệu nơi Linh Đạo Mến Thánh Giá và lời mời gọi Hiệp hành.

Là một bông hoa bé nhỏ giữa lòng Hội Thánh, bông hoa ấy sẽ nở hoa bằng chính vẻ đẹp vốn có của mình. Có thể nhỏ bé nhưng rực rỡ và duy nhất. Là nữ tu Mến Thánh Giá nhỏ bé, người nữ tu ấy chu toàn hết khả năng Chúa ban để phục vụ tha nhân và để vinh danh Chúa. Bước ra cánh đồng truyền giáo với trái tim đầy nhiệt huyết, theo giáo huấn của Giáo Hội và lời mời gọi của đức Thánh Cha. Trong tinh thần của sự hiệp hành, họ sống linh đạo cách triệt để hơn cả. Sống sứ vụ của mình ngay trong bối cảnh ấy - cùng nhau bước đi, cùng nhau đối thoại vì một sứ vụ duy nhất của Hội Thánh.

Bước đi cùng nhau, đối thoại cùng nhau đôi khi không chỉ là luôn luôn ở gần kề, nhưng trân quý hơn cả là sự chuyển cầu trong

chính lời cầu nguyện. Hay là những đôi lần lắng nghe họ, lắng nghe những khó khăn về gia đình, cuộc sống, công việc của họ. Có thể những khó khăn của họ người nữ tu chưa một lần gặp, hay trên sách vở chưa một lần đề cập đến. Đôi lần người nữ tu tự hỏi:

“*Làm sao để an ủi họ, khuyên họ đây, vì bản thân chưa một lần gặp phải?*” và rồi chị nữ tu chỉ biết ngồi cạnh và lắng nghe tất cả, nhìn thấy cả những giọt nước mắt của họ và điều duy nhất có thể làm là thình lặng lắng nghe mà thôi và thầm nguyện rằng “*Xin Chúa cho họ được bình an*”. Nhiều lần chỉ thế thôi, chỉ là chỗ để họ có thể trút tất cả, niềm vui lẫn nỗi buồn. Bước đi cùng nhau đôi khi chỉ là một nụ cười nhỏ, xua tan cái bờ ngõ của lần đầu gặp gỡ khi đi mục vụ. Ai biết được rằng chị nữ tu đang gieo hạt giống tình yêu của Chúa, để rồi một ngày nào đó nó sẽ mọc lên và phát triển trên cánh đồng của Chúa.

Quả thật, lời mời gọi về Hiệp Hành của Đức Thánh Cha như một điểm hẹn, một sự đồng điệu dành cho những nữ tu Mến Thánh Giá. Trong tinh thần ấy, họ sống trọn vẹn Linh Đạo Mến Thánh Giá của mình. Dầu biết rằng vẫn còn đó những khó khăn và thử thách phía trước khi họ sống giữa xã hội đang đề cao vật chất hơn các giá trị tinh thần. Nhưng họ không bước đi một mình, họ đang đi cùng nhau với các thành phần khác trong Giáo Hội trong cùng một sứ vụ duy nhất của Giáo Hội. Người nữ tu Mến Thánh Giá vững tin và tiếp bước trên cánh đồng truyền giáo, tham gia sứ vụ bằng chính “*nén bạc Chúa trao*”, ước mong mình góp một phần

vào sứ vụ chung của Giáo Hội và ước mong rằng “*Giữa lòng Hội Thánh con sẽ là tình yêu!*”

MTG Cái Nhum

## **HIỆP THÔNG GIỮA HỘI THÁNH HOÀN VŨ VÀ HỘI THÁNH ĐỊA PHƯƠNG**

Trong chiều kích của Mầu Nhiệm hiệp thông không thể không nhắc đến việc hiệp thông giữa Hội Thánh Hoàn Vũ và Hội Thánh Địa Phương, hai thực thể luôn song hành và cùng phát triển trong sứ mạng loan báo tin mừng cho muôn dân. Trở đi từ sách Tông đồ Công vụ trong ngày lễ Ngũ Tuần, khi các tông đồ họp nhau cầu nguyện cùng với Mẹ Maria thì Chúa Thánh Thần lấy hình lưỡi lửa đậu xuống trên từng người và ban ơn giúp các Tông đồ mạnh dạng ra đi loan báo Tin Mừng của Chúa Kitô. Đó là ngày chính thức khai sinh Hội Thánh của Ngài. Không dừng lại ở đó, sau khi được ơn Thánh Thần, các Tông Đồ nói được nhiều thứ tiếng lạ khiến cho mọi người đều ngỡ ngàng đến mức nghĩ các ông bị ma men nhập. Nhưng thật sự chính do ơn tác động của Thánh Thần làm cho mọi người từ khắp các dân tộc khác nhau có thể hiểu được lời giảng dạy của các Tông Đồ. Và cao đỉnh là từ những cuộc bị bách hại và chạy trốn của các Tông Đồ, qua công cuộc truyền giáo của thánh Phaolô – vị tông đồ của dân ngoại mà Hội Thánh địa phương được thiết lập khắp nơi qua những lời rao giảng của các ngài.

Nhưng phải hiểu làm sao cho đúng về bản chất thực sự của Hội Thánh Hoàn Vũ và Hội Thánh Địa Phương trong sự hiệp thông với nhau? Không thể hiểu theo lối suy nghĩ Hội Thánh Hoàn Vũ là tập hợp hay là liên minh của các Hội Thánh Địa Phương. Vì về mặt bản thể học và theo trình tự thời gian thì Hội Thánh Hoàn Vũ có trước các Hội Thánh Địa Phương. Thêm vào đó, Hội Thánh lúc sơ

khai có Mẹ Maria và các Tông đồ là những người lãnh nhận ơn Chúa Thánh Thần đầu tiên, cũng được coi như là những đại diện của một Hội Thánh duy nhất và những người sáng lập tương lai của các Hội Thánh địa phương, những người có sứ mạng hướng về thế giới: từ đó trở đi, Hội Thánh nói tất cả các ngôn ngữ. Nói cách khác, Hội Thánh Hoàn Vũ không phải là “sản phẩm” của nhiều tập đoàn hợp lại nhưng là được coi là mẹ sinh ra nhiều con cái là các Hội Thánh Địa Phương.

Về bản chất, Hội Thánh Địa Phương không phải là một “quốc gia tự trị”, có đường lối tồn tại và phát triển riêng biệt nhưng phụ thuộc vào Hội Thánh Hoàn Vũ. Tính đơn phương này, vốn làm nghèo đi không chỉ khái niệm về Hội Thánh phổ quát mà cả khái niệm về Hội Thánh đặc thù, cho thấy một sự hiểu biết không đầy đủ về khái niệm hiệp thông. Như chính lịch sử đã chứng minh, khi một Hội Thánh địa phương tìm cách giành lấy quyền tự trị của mình bằng cách làm suy yếu sự hiệp thông thực sự của mình với Hội Thánh phổ quát và trung tâm quan trọng và hữu hình của mình, thì sự thống nhất nội bộ của Hội Thánh đó bị phá vỡ và hơn nữa, Hội Thánh đó có nguy cơ mất tự do về mặt hình thức của nhiều thế lực nô dịch và bóc lột.

Mặt khác, khi nói đến sự hiệp thông giữa Hội Thánh hoàn Vũ và Hội Thánh Địa Phương, thiết nghĩ chúng ta cũng nên nói đến việc “thuộc về” Hội Thánh của một tín hữu qua Bí Tích Rửa Tội. Mọi tín hữu, nhờ đức tin và Phép Rửa, được tháp nhập vào Hội Thánh duy nhất, thánh thiện, công giáo và tông truyền. Một người không thuộc về Hội Thánh phổ quát một cách trung gian, thông qua việc

thuộc về một Hội Thánh cụ thể, nhưng theo một cách trực tiếp, ngay cả khi việc gia nhập và sống trong Hội Thánh phổ quát nhất thiết phải diễn ra trong một Hội Thánh cụ thể. Nói một cách đơn giản hơn, khi lãnh nhận Bí Tích Rửa Tội tại một Hội Thánh Địa Phương cụ thể, người tín hữu được thuộc trọn về Hội Thánh phổ quát một cách trực tiếp mà không cần phải thông qua một nghi thức hay một trung gian nào nữa.

Và cũng trong sự hiệp thông ấy, người tín hữu đang sống tại một Hội Thánh Địa Phương bất kì, đều tham gia cùng một nghi lễ phụng vụ, lãnh nhận cùng một ơn ích do các Bí Tích mang lại. Chẳng hạn như trong việc cử hành Bí tích Thánh Thể cách riêng, mọi tín hữu thấy mình ở trong Hội Thánh của mình, trong Hội Thánh của Chúa Kitô, bất kể thuộc về hay không thuộc về giáo phận, giáo xứ, hoặc cộng đồng cụ thể khác nơi diễn ra việc cử hành này theo quan điểm giáo luật. Trong Hội Thánh là thân mình của Chúa Kitô, mỗi tín hữu ở khắp mọi nơi đều là anh chị em với nhau vì có cùng một Cha trên trời.

Mâu nhiệm Hiệp Thông giữa Hội Thánh Hoàn Vũ và Hội Thánh Địa Phương giúp người tín hữu xác tín hơn về tình thương của Thiên Chúa dành cho dân riêng của Ngài. Dù ở bất cứ nơi đâu, trong tầng lớp xã hội, màu da, ngôn ngữ nào thì trong sự hiệp thông duy nhất của Hội Thánh Chúa Kitô tất cả đều có cùng một phẩm giá, một nhân vị, nhân quyền và quan trọng hơn, mọi người đều có thể lãnh nhận ơn cứu rỗi qua cái chết và Phục Sinh vinh hiển của Ngôi Hai Con Thiên Chúa.



## ĐỜI TU VÀ THỂ TỤC

Đừng bao giờ cho rằng tôi không đi tu nên không cần phải sống tốt, hay tôi đi tu nên tôi thánh thiện hơn người khác. Tu đi hay không đi tu, không phải chỉ là chọn lựa xuất phát từ ý muốn cá nhân mình, nhưng...

Tư tưởng phân lằn ranh giữa đời tu và đời thế tục đã có nguồn gốc thời xa xưa, khi xã hội con người bắt đầu có xu hướng phân chia lao động. Một nhóm người có học thức được chọn để cai quản; một nhóm khác là bộ phận lo lao động để cung cấp thức ăn cho mọi người; một nhóm khác nữa có sức mạnh thể lý trở thành nhóm lo bảo vệ cộng đồng khỏi bạo lực trong nội bộ cũng như khỏi sự xâm lược của ngoại bang. Trong tất cả những nhóm này, sẽ có một số người được cho là có khả năng giao tiếp với thần linh, phụ trách những vấn đề tế tự. Họ đóng vai trò như trung gian giữa thần và người. Một cách tự nhiên, nhóm người này trở thành một phần trong bộ máy lãnh đạo, chăm lo đời sống tâm linh cho người dân. Những người khác trong cộng đồng phải dành cho họ một chỗ đứng quan trọng và một sự tôn kính đặc biệt, bởi nếu không, sẽ chẳng có ai cầu khẩn thần linh cho mình. Các tu tế được xem là “người của thần”. Xúc phạm họ là xúc phạm đến thần. Người ta có thể làm mọi thứ, nhưng chẳng ai dám làm điều gì có lỗi với thần linh. Sự phân cực càng trở nên rõ ràng khi học thuyết nhị nguyên ra đời: phân chia giữa thân xác với linh hồn, giữa điều thiêng liêng với điều phàm tục.

Khi người ta đề cao đời tu thì cũng đồng thời có một thái độ “hạ thấp” dành cho đời thế tục, những người bị gán cho cái tên “sống ngoài đời”. Trong nhiều nền văn hoá, một cái nhìn phân cực dành cho ơn gọi dâng hiến và ơn gọi thế tục vẫn còn tồn tại. Khi lược lại lịch sử đời tu, chúng ta đã biết rằng sở dĩ thời xưa có nhiều người vào sa mạc để tu là vì họ muốn trốn tránh cuộc sống đời thường với

nhieu bon chen phức tạp. Đối với họ, đời sống gia đình là một cái gì đó khiến cho tâm hồn họ không được thanh tịnh, không thể chuyên tâm để chiêm niệm Thiên Chúa. Cũng không quá khó để ta có thể hiểu được điều này. Người đi tu thì chỉ chăm lo chuyện thiêng liêng; họ đọc kinh, dự lễ, suốt ngày chỉ hướng đến những điều thánh thiêng, chăm lo nhà thờ nhà thánh. Trong khi những người sống cuộc sống thế tục phải làm việc, và trong khi làm việc, họ không sao tránh khỏi những lúc phải dối gian, phải lượn lẹo để kiếm đồng tiền. Bản thân người đi tu tự đề cao chính mình, và người sống đời thế tục cũng tự hạ thấp mình.

Thái độ này không phải là chuyện bây giờ mới có, hay chỉ tồn tại nơi những người “phàm phu tục tử” như chúng ta. Ngay từ lúc bình minh của đời dâng hiến, nhiều vị thánh cũng đã có những tư tưởng kiêu nhị nguyên này. Tác phẩm Quy luật của Tôn Sư (The Ruler of Master) cho rằng cần phải có sự phân biệt giữa người đi tu và người đời trong cách ăn mặc và nói năng: đi tu thì quý giá hơn, sống tiết độ hơn, thánh thiện hơn, tốt lành hơn và là mối lo sợ của ma quỷ; người đi tu thì làm những việc thiêng liêng còn người không đi tu thì làm những chuyện thấp hèn. Thánh Biển Đức gọi người đi tu là những người sống trung tín với Tin Mừng. Thánh Basiliô mời gọi những ai muốn đi tu thì phải từ bỏ những gì cản trở và phải xa tránh luôn cả người đời vì họ không sống gắn kết với Tin Mừng. Với thánh Giêrônimô, hôn nhân là rào cản, khiến ngài không thể toàn tâm toàn ý cho Chúa. Đức Urbano II cũng có ý tương tự khi nói rằng trong Giáo Hội có hai lối sống: một dành cho người yếu kém, một dành cho người mạnh mẽ. Cũng có một số người cho rằng hôn nhân là xấu, là hậu quả của tội. Họ chú giải Mt 19,16-22 theo hướng rằng Đức Giêsu nói đến hai bậc sống: người đi tu được xếp ở bậc hoàn thiện, còn người không đi tu (người thanh niên giàu có chỉ giữ luật mà không chịu bỏ tất cả để theo Chúa) thì chỉ được ơn cứu độ chứ không hoàn thiện.

Thật ra, ơn gọi dâng hiến và ơn gọi thế tục tuy khác nhau về lối sống nhưng không nên bị xếp bậc theo kiểu cái này hơn cái kia. Không có sự phân biệt gì về mức độ hoàn thiện giữa người đi tu và



người đời, vì cả giáo dân và giáo sĩ đều có nghĩa vụ phải sống hoàn thiện. Luật của Tin Mừng dành cho tất cả mọi người, không trừ ai. Mọi đặc sủng trong Giáo Hội đều từ Thiên Chúa mà ra. Các ơn gọi khác nhau trong Giáo Hội thể hiện sự phong phú của Thánh Thần. Thánh Tôma Aquinô cho rằng mọi người đều phải hướng đến sự hoàn thiện, mà sự hoàn thiện hệ ở đức ái, Lời Chúa và bí tích, chứ không phải ở bậc sống. Công đồng Vatican II, trong văn kiện Lumen Gentium, cũng mời gọi các tín hữu nên hoàn thiện trong ơn gọi của mình. Tất cả đều phải cố gắng cộng tác với ơn Chúa, sống theo ý Chúa và phục vụ anh em như Đức Kitô đã làm. Bậc sống chỉ là phương tiện giúp con người hướng về Chúa. Tự bản thân nó không phải cùng đích.

Có thể nói, thế tục và dâng hiến là hai cách thức khác nhau thi hành ơn gọi Kitô hữu. Những người sống đời thế tục thì làm việc trong tương quan với những người khác một cách mạnh mẽ qua mỗi dây gia đình mà mình tạo lập hay trong môi trường lao động, nghề nghiệp. Họ cùng cộng tác với công trình tạo dựng của Thiên Chúa qua việc sinh sản và giáo dục con cái. Họ đáp lại lời mời gọi của Thiên Chúa qua niềm tin, cậy, mến, chu toàn bổn phận hàng ngày, phục vụ Chúa qua những hy sinh cho gia đình, đóng góp tài năng và sức lực để xây dựng xã hội cách trực tiếp nơi môi trường mình sống. Còn người sống đời dâng hiến thì xây dựng tương quan với Chúa như tiêu chí độc nhất kiến tạo đời mình. Họ chọn sống độc thân để chỉ lo việc của Chúa và say mê yêu mến Chúa bằng một con tim không chia sẻ. Họ biểu lộ giá trị Thiên Đường đang hiện diện trong thế giới này. Bằng lối sống của mình, họ là chứng nhân cho sự sống mới, tiên báo sự phục sinh trong tương lai và vinh quang Nước Thiên Chúa.

Trong tương quan với thế giới bên ngoài, những người sống đời thế tục có nhiệm vụ làm sinh ra những mầm sống mới, tiếp nối công cuộc tạo dựng của Đấng Tạo Hoá. Còn người sống đời dâng hiến thì biểu lộ một sự tự do, cho thấy con người không bị trói buộc bởi cấu trúc gia đình. Họ cũng đóng góp cho sự phong phú của Tạo

Hoá qua việc hướng con người đến những giá trị nhân văn, và mở con người mình ra, hướng đến sự hiệp thông của đức ái Tin Mừng.

Bởi vậy, đừng bao giờ cho rằng tôi không đi tu nên không cần phải sống tốt, hay tôi đi tu nên tôi thánh thiện hơn người khác. Tu đi hay không đi tu, không phải chỉ là chọn lựa xuất phát từ ý muốn cá nhân mình, nhưng trên hết và trước hết, nó là một tiếng gọi từ trên cao. Tự bản thân nó không làm cho người ta tốt hơn hay xấu đi. Cả ơn gọi thế tục và ơn gọi dâng hiến đều cao quý. Sống trọn vẹn ơn gọi của mình chính là phương thức để nên thánh. Ta vẫn thấy có rất nhiều vị thánh trong Giáo Hội là những người bình dân, giản dị, những người cha, người mẹ, giáo lý viên, thanh niên thiếu nữ, trẻ em. Trên bình diện thiêng liêng, ta có thể nói thế này: chính bí tích Rửa Tội là cửa ngõ và cũng là nền tảng cho đời sống đức tin và sự nên thánh của chúng ta. Lãnh nhận bí tích Rửa Tội cũng là nhận lãnh lời mời gọi đi vào trong sự hiệp thông trọn vẹn với Thiên Chúa. Nên một với Thiên Chúa là cùng đích của mọi loài thụ tạo, đời tu hay đời thế tục chỉ là phương tiện (con đường) giúp ta đạt đến cùng đích này.

Pr. Lê Hoàng Nam, SJ

Nguồn: dongten.net



## CÂU CHUYỆN VỀ CHÚ ẾCH

Một bầy ếch đi dạo trong rừng và có hai con bị rơi xuống một cái hố sâu. Tất cả các con ếch còn lại trong bầy đều bu quanh miệng hố để kéo chúng lên. Nhưng khi thấy cái hố quá sâu, cả bầy liền nói với hai con ếch rằng chúng chỉ còn nước chết mà thôi.

Hai con ếch bỏ ngoài tai những lời bình luận đó và cố hết sức nhảy lên khỏi hố. Những con ếch kia lại nói với chúng đừng nên phí sức, rằng chúng chỉ còn nước chết.

Sau cùng, một con ếch phía dưới nghe theo những gì cả bầy đã nói, nó bỏ cuộc và ngã lã ra chết trong sự tuyệt vọng.

Con ếch còn lại tiếp tục cố gắng nhảy. Một lần nữa cả bầy xúm lại và hét lên khuyên nó hãy thôi. Nó càng nhảy mạnh hơn nữa. Cuối cùng nó nhảy được lên bờ. Cả bầy vây quanh và hỏi nó: "Anh không nghe tụi tôi nói gì hay sao?". Thì ra con ếch này bị nặng tai. Nó tưởng cả bầy ếch đã động viên nó suốt khoảng thời gian vừa qua.

*Bài học: Đừng vì bất cứ lời nói nào của người nào khác mà từ bỏ nỗ lực của bản thân. Nhiều khi thành công chỉ cách bạn một chút xíu và chỉ cần thêm chút cố gắng nữa mà thôi.*

Sưu tầm



## Làm thế nào để nâng cao ý thức cho con cái chúng ta

Tác giả của hai quyển sách được đánh giá cao về nữ tính và khiết tịnh, Gabrielle Vialla, người mẹ và người bạn đồng hành của các cặp vợ chồng, xuất bản quyển sách Giáo dục ý thức từ thời thơ ấu (Éduquer la conscience dès l'enfance, nxb. Artège).

Đề làm cho lương tâm đứa bé lớn lên nhưng vẫn tôn trọng nó, chúng ta có thể bắt chước cách Chúa đánh thức lương tâm của những người Ngài nói chuyện và sự tế nhị vô biên của Ngài.

Hiếm có quyển sách nào đề cập đến chủ đề giáo dục và ý thức. Và cũng hiếm những vấn đề nào máu chót hơn. Làm thế nào để nghe trong tâm hồn trẻ em tiếng nói này, tiếng nói chỉ nói riêng cho các em, mà chúng ta không bị rơi vào cạm bẫy của một bên là chủ nghĩa khắt khe và bên kia là chủ nghĩa tương đối? Được nuôi dưỡng với tư tưởng sâu đậm của Đức Gioan-Phaolô II và của thần học gia về lương tâm, hồng y John Henry Newman, tác giả Vialla mang lại cho chúng ta một phân tích rất hay, cắm rễ trong đời sống hàng ngày về cách mà lương tâm chúng ta bị ngộp thở hay được triển nở.

## Bài phỏng vấn

### **Xin bà cho biết vì sao phải giáo dục lương tâm?**

**Gabrielle Vialla.** Lương tâm cần được thanh tẩy, vì nó có thể bị làm lạc. Quan niệm đương đại về lương tâm làm cho cá nhân, bị cô lập khỏi mọi thẩm quyền, trở thành người phán xét các giá trị để họ có thể xác định được thiện và ác. Đó là điều không tưởng, bởi vì chúng ta không được sinh ra với những giá trị của mình, nhưng chúng ta được hình thành qua các mối quan hệ liên cá nhân. Không tham chiếu đến một quy luật tự nhiên, chúng ta bị xã hội điều kiện hóa. Ngược lại, thánh Tôma Aquinô khẳng định, nhờ lý trí, lương tâm chúng ta có thể biết được luật tự nhiên. Hồng y Newman nói thêm, quy luật khách quan đi qua ý thức một cách độc đáo và cá nhân. Như thế luật thần thánh được ghi khắc trong tim, được khám phá nhờ trí thông minh và nhất là được soi sáng nhờ gắn bó với Chúa Kitô.

### **Có phải thuyết tương đối là trở ngại duy nhất cho việc lương tâm mở ra không?**

Một loại co cụm lương tâm một cách nào đó nằm ở việc tuân theo huấn quyền, vốn nuôi dưỡng sự ngờ vực lương tâm. Người ta thích có một cảm nang để là người tín hữu kitô và trốn khỏi nơi chốn mật thiết nhất này, đó là chính chúng ta. Lương tâm làm

chúng ta sợ hãi: chúng ta cảm thấy lương tâm có thể đưa chúng ta đi quá xa hoặc hạn chế tự do chúng ta, và chúng ta trốn nó.

### **Chúng ta có thể giáo dục lương tâm ngay từ đầu đời không?**

Chắc chắn. Bằng cách bắt chước. Sự gần gũi của đứa trẻ với thần thánh – nhìn cha mẹ cầu nguyện, ca hát bằng cử chỉ hoặc tham dự thánh lễ – thúc đẩy sự thức tỉnh của ý thức. Tôi muốn nói cử chỉ tốt đẹp của việc chúc lành, trong đó thừa tác vụ của cha mẹ được thực hiện và đứa con được mời ở lại trong khoảng không gian của phép lành này. Cha mẹ có một trách nhiệm nặng nề. Nhưng cẩn thận, dù sao họ không nên kiểm soát mối quan hệ của con mình với Chúa. Chúng phải đứng trước cánh cửa của lương tâm, không ép buộc, cũng không dùng công cụ kiểm tra lương tâm để bắt con ứng xử thế này hay thế kia.

### **Làm thế nào để tôn trọng lương tâm của đứa trẻ, đồng thời hướng dẫn nó?**

Đầu tiên, bằng cách nghe chính lương tâm của mình và tin tưởng vào đó. Chúa làm nên những điều kỳ diệu, thậm chí qua cả những sai lầm trong giáo dục của chúng ta. Sau đó, chúng ta có thể bắt chước cách mà Chúa đánh thức lương tâm của những người Ngài đối thoại trong Tin Mừng, sự tinh tế vô biên của Ngài. Những câu hỏi mở của Ngài như Ngài đã hỏi người mù: “Anh muốn tôi làm

gì cho anh?” Đứng trước người đàn bà ngoại tình, Ngài đặt mỗi người đứng trước lương tâm của mình. Giống như Chúa Giêsu, chúng ta phải nói về các nguyên tắc đạo đức qua các câu chuyện và tin tưởng vào lương tâm của con mình.

### **Đâu là mối liên hệ giữa tính tự chủ và lương tâm ngay chính?**

Tự kiểm soát là cần thiết cho sự phát triển của nội tâm. Học cách chờ đợi giúp cho chúng ta không phụ thuộc vào việc phải làm ngay tức thì và lắng nghe lương tâm của mình. Ở thời buổi mà thông báo liên tục reo trên điện thoại thì điều này đúng với mọi người. Đó là học trau dồi đức hạnh. Học cách trì hoãn niềm vui là món quà tuyệt vời mà cha mẹ có thể cho con cái mình. Một giáo dục thiếu tự chủ, đặc biệt là trong lãnh vực thực phẩm tạo tác hại lớn cho đứa trẻ và sẽ có thể có tác động trên tính dục của nó. Nhưng cẩn thận vẫn không thừa. Điều này phải dần dần, nhân từ, thích nghi. Nếu chúng ta có nguy cơ áp đặt các quy tắc mà đứa bé không thể tuân thủ trong lòng, nó sẽ vi phạm ngay khi có thể. Sợ bị trừng phạt có thể làm cho chúng sống hai mặt. Trong những gia đình muốn làm quá tốt và kiểm soát mọi thứ, chúng ta thấy các em bé có hai mặt.

### **Thời buổi của xét mình, có phải đây là một hình thức hướng nội không?**

Sự suy ngẫm dữ dội về bản thân là một cạm bẫy. Khi chúng ta lắng nghe lương tâm của mình, chúng ta không lắng nghe chính mình. Đó là người chủ nội tâm. Chúng ta phải cảm nghiệm nội tâm này, nơi Chúa nói với chúng ta, trái ngược với tính tự mê, cắt chúng ta khỏi Thiên Chúa. Tôi không nói về sự đau khổ luân lý, làm mình tự co vào chính mình, như Thánh Têrêxa Hải Đông Giêsu đã biết, ngài nhảy cảm và bị tổn thương vì cái chết của mẹ. Thánh Newman nói đến một nội tâm sùng bái thần tượng, khi chúng ta không tìm Chúa mà tìm chính mình; chúng ta tự khen mình. Người pharisêu thường bị cám dỗ tự mãn. Một giáo dục bị hiểu sai sẽ làm chúng ta phạm những lỗi kiêu muốn làm mọi chuyện hoàn hảo. Điều giải thoát chúng ta khỏi tình trạng ngại ngùng đắn đo này là quan hệ liên vị với Chúa Kitô, trở về với giây phút hiện tại và nhờ đến ân sủng.

*Lương tâm là gì? Theo nghĩa thông thường nhất, đó là khả năng của chủ thể nhận biết chính mình và nhận biết thế giới.*

*Lương tâm mà tác giả Gabrielle Vialla nói đến là lương tâm đạo đức, nơi bên trong con người, để chủ thể phân biệt điều thiện và điều ác. Theo hồng y Newman, nó kêu gọi sự hình thành của ý chí và trí thông minh.*

**Ở tuổi thiếu niên, bà thiết lập một mối liên hệ rất mạnh mẽ giữa việc giáo dục lương tâm và giáo dục đức khiết tịnh. Vì sao?**



Một người không đến với lương tâm của mình khi họ chạy trốn lương tâm hoặc để cho lương tâm bị chai đá, thì họ sẽ làm giảm đi khát vọng của một tâm hồn khiết tịnh, và từ đó là ơn của chính con người mình. Vì chính nhờ lương tâm mà chúng ta “*tôn trọng những gì đến từ Thiên Chúa*” – câu Đức Gioan-Phaolô II thường dùng trong các bài giáo lý của ngài để nói về thân xác và đức khiết tịnh. Nếu chúng ta quan tâm đến việc hình thành lương tâm của các người trẻ, chúng ta chuẩn bị cho các em chiến đấu với những cuộc chiến mà các em không thể nào không gặp trên đường đời, cuộc chiến của khiêu dâm, rối loạn tình dục, tránh thai và phá thai... Đó cũng là khởi đầu lương tâm của các em đã được hình thành tốt, các em sẽ là những chứng nhân cao cả cho vẻ đẹp của tính dục con người, được Thiên Chúa ghi khắc nơi nữ tính và nam tính. Đứng trước những bi kịch liên quan đến thể xác và tính dục, các em sẽ biết cách không để mình bị lôi cuốn, không phán xét người khác, nhưng vẫn vui tươi và là cộng tác viên của Sự Thật.

Marta An Nguyễn chuyển dịch, [famillechretienne.fr](http://famillechretienne.fr), Pauline Quillon, 2023-02-07

Nguồn: [phanxico.vn](http://phanxico.vn)



## Sự liêm chính cá nhân



Ronald Rolheiser, 2023-07-24

Trong bộ phim của thập niên 1990, *City Slickers*, có một cảnh cho chúng ta hiểu ra tầm quan trọng của sự toàn vẹn cá nhân. Ba người đàn ông là dân New York và là bạn thân với nhau, họ đã cùng nhau đi một chuyến dẫn bò di cư vào mùa hè để mong kinh nghiệm này sẽ giúp họ xử lý được những vấn đề trong tuổi trung niên của mỗi người.

Trên đường rong ruổi, một hôm họ bàn về luân lý trong việc ngoại tình. Ban đầu, họ chủ yếu nói về nỗi sợ bị lộ, và hai trong số ba người đồng ý rằng ngoại tình là lợi bất cập hại. Quá dễ bị lộ. Nhưng người bạn kia lại nêu ra vấn đề, hỏi rằng nếu tuyệt đối không có khả năng bị lộ thì họ có ngoại tình không.

Anh này bảo, “Cứ tưởng tượng có một tàu không gian hạ cánh. Một phụ nữ xinh đẹp từ trong tàu bước ra. Hai người làm tình rồi nàng trở về Sao Hỏa. Chẳng có hậu quả gì hết. Chẳng ai biết được. Vậy hai anh có làm không?”

Nhân vật chính do Billy Crystal thủ vai trả lời rằng có lẽ không bao giờ có chuyện đó. “Luôn bị lộ, người ta ngửi được cái mùi thiếu trung thực nơi chúng ta”. “Nhưng mà,” người bạn kiên quyết, “lỡ như thật sự có thể ngoại tình mà không bị lộ. Lỡ như không một ai biết? Anh có làm không?” Câu trả lời của nhân vật chính là: “*Nhưng tôi biết, và tôi sẽ hận mình vì chuyện đó*”.

Câu trả lời của anh nêu bật một chân lý quan trọng. Việc chúng ta làm trong riêng tư, bí mật, cũng có hậu quả, và hậu quả đó không tùy thuộc vào việc bí mật đó có bị lộ ra hay không. Thiệt hại vẫn như vậy mà thôi. Việc chúng ta làm trong bí mật làm biến dạng nhân cách và ảnh hưởng đến cách chúng ta liên hệ với mọi người theo những cách mà chúng ta không ngờ đến. Tuyệt đối không có hành động bí mật. Luôn có một người biết. *Là chúng ta biết*. Và chúng ta hận mình vì chuyện đó, hận mình vì phải nói dối. Tự nó phát ra như vậy.

Việc chúng ta làm trong bí mật, xét tận cùng cũng định hình hình tượng của chúng ta khi công khai. Thiếu trung thực thay đổi cách chúng ta nhìn nhận bởi vì nó thay đổi con người chúng ta. Chính vì thế mà những người quanh chúng ta sẽ trực cảm được sự thật về chúng ta, người thấy sự dối trá, cả khi họ không có một chứng cứ gì để nghi ngờ chúng ta.

Bí mật làm một việc mà chúng ta không thể công khai, đó là giả hình, và nó buộc chúng ta nói dối. Và trong tất cả mọi tội, dối trá là tội nguy hiểm nhất. Vì sao? Vì chúng ta hận mình vì chuyện đó, chúng ta không còn tôn trọng chính bản thân mình, và khi đó, chẳng mấy chốc chúng ta sẽ nhận ra, người khác không còn tôn trọng chúng ta nữa. Đó là trực cảm khi chúng ta “ngửi thấy” sự dối trá của người khác.

Tệ hơn nữa, dối trá buộc chúng ta làm chính mình chai đá để có thể sống với sự dối trá của mình. Không phải lúc nào tội lỗi cũng làm chúng ta khiêm nhường và hối cải. Chúng ta có những hình ảnh quá phổ biến và dễ dãi về những tội nhân chân thành, như các tội nhân trong các phúc âm để đón nhận Chúa Giêsu hơn là những

người công chính trong đạo. Có lúc như thế, nhưng không phải lúc nào cũng thế.

Hình ảnh kinh thánh về người tội nhân chân thành khiêm nhường hướng về Thiên Chúa được minh họa dựa trên sự trung thực, dựa trên một tội nhân không giấu diếm hay nói dối về tội của mình. Nhưng tội lỗi có thể có một ảnh hưởng rất khác trên chúng ta. Khi chúng ta không trung thực thừa nhận tội của mình, là chúng ta đang đi theo hướng đôi lập, cụ thể là hướng về hợp lý hóa, có thái độ chai đá và yếm thế. Hơn nữa, chính việc nói dối, chứ không phải sự yếu đuối ban đầu, mới trở thành vết ung loét và gây nên mối nguy hiểm thực sự. Khi giấu diếm tội của mình thì chúng ta bị buộc phải nói dối, và khi đó ngay lập tức chúng ta bắt đầu trở nên chai đá và thay đổi linh hồn mình. Có một câu châm ngôn thế này: *Muốn làm việc gì cũng được, miễn không phải nói dối về nó.* Nó rất khác với nói rằng muốn làm gì cũng được miễn không ai phát hiện ra.

Nhân phẩm của chúng ta dựa vào mức độ liêm chính của mình. Chúng ta bệnh hoạn không khác gì bí mật bệnh hoạn nhất của mình, và chúng ta lành mạnh như đức hạnh giấu kín nhất của mình. Chúng ta không thể làm kiểu này trong kín đáo và thể hiện ra kiểu khác khi công khai. Dù người khác có biết bí mật của ta hay không cũng không quan trọng. Chúng ta biết, và khi những bí mật đó không lành mạnh, thì chúng ta hận mình vì chúng, lòng chúng ta chai đá đi để sống được với lời nói dối của mình.

Chúng ta đừng bao giờ tự lừa mình, nghĩ rằng những việc chúng ta làm trong kín đáo, kể cả những hành động thiếu chung thủy, nuông chiều bản thân, cố chấp mù quáng, ghen tương, vu khống dù là nhỏ nhặt nhất, lại không có hậu quả gì chỉ vì không ai biết. Trong huyền ân tương liên trong gia đình nhân loại và gia đình đức tin vốn dựa vào sự tin tưởng, kể cả những hành động kín đáo nhất của chúng ta, dù tốt hay xấu, cũng như en-zim vô hình trong dòng máu của cơ thể ảnh hưởng đến toàn bộ cơ thể. Mọi chuyện đều được nhận thức và cảm nhận theo cách này hay cách khác. Trong gia đình, nhân loại hay trong nhiệm thể Chúa Kitô, không có cái gọi là hành động riêng tư. Người khác biết chúng ta, kể cả

khi họ không biết chính xác mọi chuyện về chúng ta. Họ nghĩ thấy những tính xấu của chúng ta cũng như họ nghĩ thấy đức hạnh của chúng ta.

J.B. Thái Hòa dịch

Nguồn: phanxico.vn



**SỐNG ĐẸP**

## **LÀM SAO CÓ THỂ TÌM THẤY HẠNH PHÚC?**

Hạnh phúc là điều mà ai cũng mong tìm thấy, sở hữu nó và nắm giữ nó lâu dài. Ước mơ này không có gì sai cả, và có thể nói nó là điều rất chính đáng nữa. Nhưng vấn đề là làm sao để tìm thấy hạnh phúc chân thật ấy và nắm giữ được nó?

Có một câu chuyện rất hay như sau:

Trong một lớp học, thầy giáo đưa cho mỗi học sinh một quả bóng bóng, và nói rằng: Các em hãy viết tên của mình lên đó. Sau đó, thổi bóng bóng lên và ném nó ra hành lang. Năm phút sau, thầy giáo nói rằng: Mỗi người hãy đi ra tìm lấy quả bóng của mình, đúng tên của mình thì lấy vào. Và lớp học trở nên lộn xộn chưa từng có. Và trong vòng năm phút, không ai có thể tìm ra được quả bóng mang tên của mình cả.

Một lúc sau, thầy giáo nói: Các em hãy đi ra, tìm thấy quả bóng đầu tiên, thấy tên của ai thì mình hãy đưa quả bóng cho người đó. Và trong vòng 5 phút, thì tất cả mọi người đều tìm thấy được quả bóng mang tên của mình.

Trong cuộc sống này, hạnh phúc cũng như những quả bóng trong câu chuyện trên vậy. Nếu chúng ta chỉ tìm kiếm hạnh phúc cho riêng mình, thì rất khó có thể thấy được hạnh phúc ấy. Nhưng nếu chúng ta biết quan tâm đến hạnh phúc của người khác, thì chắc chắn chúng ta sẽ tìm lại được hạnh phúc của chính mình. Qua câu chuyện trên, chắc chúng ta đã tìm được câu trả lời cho việc làm thế nào để tìm thấy hạnh phúc và cách nắm giữ nó được lâu dài. Ước mong có thật nhiều người đạt được hạnh phúc mà mình đang cố gắng tìm kiếm.

Lm. PX. Lê Liêm



## NHỮNG THẮC MẮC THÔNG THƯỜNG VỀ TÒA ÁN HÔN PHỐI

**Linh mục Giuse Bùi Đức Tiến, làm việc mục vụ tòa án hôn phối tại Úc Châu, đã nhiệt tâm biên soạn 61 thắc mắc thông thường và giải đáp, rất hữu ích. Xin đăng lại tại đây ([giaoluatconggiao.com](http://giaoluatconggiao.com))**

Công việc của Tòa Án Hôn phối (Marriage Tribunal) là công khai hóa việc bất thành sự (invalidity) của những giao ước hôn phối đã thiết lập nhưng vô hiệu (không có hiệu quả Bí tích), và tuyên bố tháo gỡ (Declaration of Nullity) sự ràng buộc hôn nhân của những hôn phối đó.

Việc tuyên bố này của Tòa Án Hôn Phối, đưa đến kết quả là hai vợ chồng liên hệ dù đã thực hiện bí tích hôn phối với nhau, nhưng việc thực hiện vì những ngăn trở (impediments) trong hoàn cảnh cá nhân của họ, hay khiếm khuyết (defects) nào đó về sự ưng thuận khi kết hôn, hay về thể thức cử hành hôn phối, khiến giao ước đã thiết lập không có hiệu quả Bí tích, và vì thiếu hiệu quả Bí tích nên không được kể là Bí tích ngay từ lúc thực hiện (ab initio).

Tòa Án Hôn Phối làm công việc điều tra, dựa trên những bằng chứng hiển nhiên thu thập được, chiếu theo luật tuyên bố giao ước hôn phối đã thực hiện không thành sự và hai vợ chồng không bị bó buộc trong giao ước hôn phối đó, kể từ lúc tuyên bố tháo gỡ giao ước, hai người có quyền tự do lấy vợ hay lấy chồng khác.

Để có thể tuyên bố tháo gỡ một hôn nhân bất thành sự, Tòa Án phải dựa trên những chứng cứ hiển nhiên và rõ ràng, những chứng cứ này được cung cấp do hai vợ chồng liên hệ và những người làm chứng đáng tin cậy khác.

Sẽ có nhiều thắc mắc từ hai vợ chồng liên hệ và những người làm chứng, những câu hỏi và trả lời sau đây có thể giúp phân nào giải đáp những thắc mắc thông thường. Những thắc mắc sâu xa hơn phải được trả lời trực tiếp từ các nhân viên của Tòa Án Hôn Phối nơi vụ tranh tụng được phán xử.

## GIẢI ĐÁP NHỮNG THẮC MẮC THÔNG THƯỜNG (tt)

### ***21. Liệu Tòa Án Hôn Phối có thật tin những điều tôi trình bày không?***

Đáp: Vấn đề ở đây là mình có trình bày đúng sự thật không, với những chứng cứ có thể chứng minh được, với những người chứng sẽ cung cấp những chi tiết cần thiết, với sự đối chiếu với câu chuyện của người chồng hay vợ phía bên kia và cuối cùng với khả năng chuyên môn của các Thẩm Phán, sự thật sẽ được phô bày.

### ***22. Tôi có thể nhờ một luật sư biện hộ, can thiệp cho tôi không?***

Đáp: Bạn có thể nhờ một luật sư (advocate) hay người thụ ủy (procurator), thay mặt bạn trong suốt thời gian phán xử. Nơi mỗi tòa án đều có danh sách của các Luật sư. Những người này là những chuyên viên về luật pháp trong Giáo Hội, thường là các Linh Mục chuyên biệt về Luật Giáo Hội.

### ***23. Liệu tôi có phải giúp mặt người chồng hay vợ của tôi không?***

Đáp: Không! Dù trong chính lúc phán xử cũng vậy. Tuy nhiên, người chồng hay vợ đó sẽ được Tòa Án Hôn Phối liên lạc, gặp gỡ để điều tra, nhưng khác ngày, khác giờ với ngày giờ của bạn. Hôn Phối là một giao ước được thực hiện, ký kết giữa hai người, cả hai người đều có quyền biết việc gì đang xảy ra cho giao ước hôn phối của mình. Đây là một quyền lợi thuộc lãnh vực công



bằng tự nhiên. Khi đưa trường hợp hôn phối của bạn ra Tòa Án Hôn Phối, bạn phải cung cấp những chi tiết liên hệ tới người phối ngẫu của bạn như tên tuổi, địa chỉ để liên lạc.

**24. Nếu tôi không biết hiện giờ người đó đang ở đâu thì sao?**

Đáp: Bạn phải cố gắng hết sức để biết "người đó" hiện ở đâu để liên lạc. Tuy nhiên, nếu bạn không thể tìm được sau khi đã cố gắng hết sức thì trường hợp của bạn vẫn được tiếp tục. Trong hoàn cảnh này, người Bảo Hộ (defender of the bond) sẽ lãnh trách nhiệm bảo vệ quyền lợi cho người vắng mặt. Nhưng việc đầu tiên người Bảo Hộ sẽ làm là thăm hỏi xem bạn đã cố gắng hết sức chưa trong việc tìm kiếm.

**25. Nếu biết được "người đó" hiện ở đâu, nhưng họ từ chối hợp tác trong việc tháo gỡ giao ước hôn phối thì sao?**

Đáp: Tòa Án Hôn Phối sẽ liên lạc và sau khi chắc chắn rằng người vợ hay chồng bạn đã nhận được thư mời của Tòa Án, nhưng không trả lời, hay trả lời không hợp tác, trường hợp của bạn vẫn được Tòa Án tiếp tục phán xử.

**26. Trong hai điều: một là "người đó" hợp tác; hai là "người đó" không hợp tác thì điều nào tốt hơn?**

Đáp: Việc người vợ hay chồng "cũ" có hợp tác là tốt hơn, vì để phán đoán về một sự việc có hai người liên hệ, thì phải nghe cả hai bên trình bày. Nghe chỉ một bên trình bày sẽ khó khăn cho Tòa Án khi phán xử.

**27. Vậy có phải là Tòa Án không tin những gì tôi nói không?**

Đáp: Không phải vậy! Nhưng thường mọi người đều nhận xét và trình bày mọi việc qua cái nhìn riêng của mình. Phán đoán về một trường hợp hôn phối sẽ dễ dàng hơn, sau khi nghe cả hai bên trình bày về phần mình.

**28. *Vậy có phải là Tòa Án sẽ xử ai là người có lỗi phải không?***

Đáp: Không phải! Tòa Án Hôn Phối không phải là nơi phán xét về luân lý, phạm tội hay không phạm tội, người này đúng, người kia sai.

Việc tháo gỡ một giao ước hôn phối không đặt căn bản trên việc qui tội cho người nào đã làm tan vỡ gia đình, nhưng chỉ tìm hiểu về việc liệu có ngăn trở nào hiện diện lúc hai người thiết lập giao ước hôn phối, khiến hôn phối đó không có hiệu quả Bí tích (không thành sự-invalid).

**29. *Nếu người chồng hay vợ kia chống đối việc tháo gỡ giao ước hôn phối của họ thì sao?***

Đáp: Nếu bạn có quyền trình bày hôn phối của bạn để tháo gỡ, thì người chồng hay vợ của bạn cũng có quyền chống đối việc tháo gỡ đó. Họ có quyền đưa ra những chứng cứ, những người làm chứng để chống lại việc tháo gỡ.

**30. *Vậy người chồng hay vợ đó có quyền bãi bỏ việc phán xử của Tòa Án Hôn Phối về trường hợp của họ không?***

Đáp: Không! Họ không có quyền đó. Khi một người đã đưa trường hợp hôn phối của mình ra Tòa Án Hôn Phối xin xét xử, không ai có quyền bãi bỏ cả. Nếu người vợ hay chồng cũ của bạn muốn chống đối, người ấy phải chống đối theo những cách thể luật pháp qui định, tỉ như đưa ra những bằng cứ ngược lại, giới thiệu những người làm chứng cho những bằng cứ đó v.v...

Tòa Án Hôn Phối sẽ nghe cẩn thận những điều bạn trình bày về phía bạn, đồng thời cũng nghe người vợ hay chồng cũ của bạn trình bày về họ cẩn thận giống như vậy. Quyền lợi của cả hai bên đều được tôn trọng ngang nhau, nhưng sự phán xử vẫn tiếp diễn đến khi có kết quả sau cùng.


**CN XVIII TN – A**

Mt 14:13-21

**CHÚA YÊU KHÔNG BỜ KHÔNG BẾN**

Thi sĩ Tagore từng viết: “Tình Ngài yêu con không bờ, không bến nhưng con có thấy bóng Ngài đâu”. Dù không thấy, nhưng bằng lòng yêu mến của mình, Tagore dám khẳng định: Tình Ngài yêu con không bờ, không bến.

Yêu như thế nào mà Tagore lại bảo là "không bờ, không bến"?

Quay về với nội dung Tin Mừng, bạn và tôi có thể cảm nghiệm như Tagore: Tình Ngài yêu con:

Một lần, Chúa Giêsu tìm vào hoang địa vắng vẻ. Nhưng dân chúng nghe biết nên đi theo Người. Họ theo thật đông, có đến trên năm ngàn người! Đến chiều, đầu đã đói, họ vẫn cứ theo.

Vì thương họ, Chúa đã làm phép lạ để nuôi họ. Tin Mừng kể, Chúa cầm bánh và cá mà các môn đệ mang đến, rồi đọc lời chúc tụng, bẻ ra, trao cho các môn đệ, để các ông phân phát cho dân.

Một phép lạ phi thường: Chỉ một hành động bẻ ra đã trở nên lương thực nuôi một đám người không thể tưởng tượng: trên năm ngàn người mà vẫn dư!

Nhưng phép lạ ấy không thuộc về quá khứ. Ngày hôm nay, để nuôi linh hồn, nuôi dưỡng đời sống thiêng liêng của ta, Chúa đã bẻ chính cuộc đời của Người, bẻ chính thân xác Người.

Là Thiên Chúa, Chúa Giêsu hạ mình làm người ngang hàng với ta, không là một sự bẻ ra hay sao?

Bị thù nghịch, bị giết chết, chết ô nhục như một tên tử tội, chết tức tưởi trên cây gổ giá, không là bẻ ra đó sao?

Trong bí tích Thánh Thể, Chúa là tấm bánh nuôi hồn ta, cũng chính là sự tự bẻ ra.

Mãi mãi Chúa Giêsu là Thiên Chúa tự bẻ chính mình, bẻ chính cuộc đời, bẻ chính sự sống của Người cho ta, vì ta, yêu ta.

Trong mỗi thánh lễ, linh mục chủ tế sẽ bẻ tấm bánh mà mọi tín hữu đều tin đó là Mình Thánh Chúa. Chủ tế nâng cao Mình Thánh và nói: “Đây là Chiên Thiên Chúa, đây là Đấng xóa tội trần gian”. Dấu chỉ bẻ Mình Thánh từ tay linh mục là dấu chỉ Chúa Giêsu tự bẻ chính mình trong bí tích Thánh Thể.

Thánh Thể là lời nói chung quyết, mạnh mẽ của tình yêu, là sự bẻ ra tuyệt đỉnh mà chỉ có một mình Chúa chúng ta mới làm thế. Người bẻ ra vì yêu ta không bờ, yêu không bến.

Tôn vinh Mình Thánh trên tay, chủ tế còn mời gọi: “Phúc cho ai được dự tiệc Chiên Thiên Chúa”.

Bạn có yêu mến Chúa Giêsu không? Nếu yêu mến, ta hãy cung kính rước Người vào linh hồn mình. Nếu lỡ biết mình bất xứng, lo xung tội, quyết tâm với Chúa chữa tội để giữ mãi tâm hồn thanh sạch và có thể thường xuyên rước Chúa.

Khi đến nhà thờ, chúng ta cùng vào trong nhà thờ dự lễ sốt sắng, dự lễ trọn vẹn từ đầu đến cuối, cũng là dấu chứng tỏ lòng mến của ta đối với Thánh Thể.

Hay lễ xong, ngồi lại năm phút, ba phút để cảm tạ Chúa, hay cầu nguyện cho nhau, cho gia đình, cho bản thân, đó cũng là dấu chứng tỏ lòng mến đối với Thánh Thể.

Chúa bẻ cuộc đời Người cho ta và vì ta, đó là sự tự xóa mình, cho không từng người, vì sao ta không nhận? Người xóa mình để làm bằng chứng tình yêu, vì sao ta từ chối tình yêu đó?

Nhân đọc bài Tin Mừng về việc Chúa bẻ bánh và cá làm phép lạ nuôi dân, chúng ta suy nghĩ về Thánh Thể để thêm yêu mến Người.

Ước gì từ hôm nay, mỗi lần đến nhà thờ, ta bước vào trong nhà thờ dự lễ trang nghiêm, sốt sắng.

Và ước gì trong từng thánh lễ, ta luôn luôn cảm nghiệm rằng: tình Chúa thương ta không bờ, không bến như Tagore đã từng cảm nghiệm.

Lm. JB. Nguyễn Minh Hùng

### **CN XIX TN – A**

Mt. 14, 22-33

### **VỮNG TIN NƠI NGÀI**

Sau phép lạ nuôi năm ngàn người ăn, Chúa Giêsu sai các môn đệ đi thuyền tới phía bên kia của biển hồ Galilee trước, còn Ngài cầu nguyện một mình rồi sẽ đi sau. Màn đêm buông xuống, gió nổi lên, và thuyền của các môn đệ bị chao đảo trong cơn bão. Trong khi vận lộn với bão tố, các môn đệ nhìn thấy Chúa Giêsu đi trên mặt nước. Họ sợ hãi vì nghĩ đó là ma, nhưng Chúa Giêsu bảo họ đừng sợ mà hãy vững tâm. Chúa Giêsu ra tay dẹp tan cơn bão, bước lên thuyền và cùng họ vào bờ.

Tin Mừng Mt thêm chi tiết: Phêrô xin được đi trên mặt nước để đến với Đức Giêsu. Đức Giêsu đã chấp nhận lời cầu xin của ông nhưng Phêrô chỉ đi được có nửa đường thì chìm. Đức Giêsu phải ra tay kéo ông lên.

Câu chuyện này được viết theo văn thể hiển linh, giống chuyện cổ tích có ông bụt hay tiên hiện ra giúp đỡ con người: Nghĩa là tác giả cố gắng sắp xếp các chi tiết câu chuyện xuất hiện một cách bất ngờ và lạ thường của một nhân vật thần linh, rồi nhân vật thần linh này mạc khải một phẩm tính, một ý định. Và cụ thể ở đây là Thiê Chúa

“hiền linh”, và cho thấy hoạt động Thiên Chúa nhằm cứu độ dân Ngài .

Bài tường chuyện vượt “biển” này nêu bật được 2 ý nghĩa nơi bản thân Đức Giêsu: Đức Giêsu là Con Thiên Chúa theo nghĩa là Đáng được Thiên Chúa trang bị cho quyền lực thần linh tuyệt đối để cứu độ dân Người. Với quyền lực của Người, Người cứu các môn đệ khỏi bị sóng biển hành hạ. Đàng khác, mạc khải nói rằng Đức Giêsu là Đáng có thể xây dựng và che chở Hội Thánh Người trên “tảng đá” là Phêrô (16,18-19).

Khi cứu các môn đệ bằng cách vận dụng quyền năng thần linh tuyệt đối để mà bước đi trên biển, Đức Giêsu đã cho thấy không những Người có thể cứu các môn đệ khỏi bất cứ trận giông bão nào trên biển, mà còn có thể cứu dân Người khỏi mọi tình cảnh khốn quẫn. Nói cách khác, nếu Đức Giêsu có thể cứu các môn đệ Người bằng cách siêu vôi là đi trên biển nổi sóng, thì Người cũng có đầy đủ quyền năng cần thiết mà thực hiện ý muốn của Thiên Chúa là cứu độ dân Người.

Từ trải nghiệm của các môn đệ và Phêrô, nhắc chúng ta nhớ rằng không những chúng ta phải tin vào Đức Giêsu như Đáng có thể cứu hộ chúng ta khỏi các hoàn cảnh đen tối nhất, nhưng còn phải hiểu rằng Đức Giêsu là Con Thiên Chúa theo nghĩa Người là Đáng duy nhất có quyền năng Thiên Chúa để cứu được cộng đồng những kẻ tin vào Người.

Đức Giêsu vẫn không vắng mặt, dù là Người còn ở cách xa chúng ta. Nếu có đức tin, hẳn là họ phải cảm thấy Người vẫn có mặt, vẫn ở gần. Quả thật, các khoảng cách không thể ngăn cản Đức Giêsu hiệp thông với con người. Người đến với họ cách bất ngờ, từ trên cao, vào những lúc không ngờ.

Tóm lại, cùng cầu nguyện với Phêrô. Chúng ta nhận ra mình nơi Phêrô và thấy nước chính là tất cả những mối đe dọa trong đời ta: cái chết, tình trạng thiếu an toàn, sự thù nghịch, bệnh tật, tội lỗi...

Nếu ta biết rằng chỉ “nhìn vào” gió chứ không nhìn vào Chúa, ta sẽ không đứng vững được.

Lm. Phêrô Nguyễn Minh Thái

**CN XX TN – A**  
**Mt 15, 21-28**  
**SÓNG NIỀM TIN**

Mahatma Gandhi, người có công giành độc lập cho Ấn Độ bằng con đường bất bạo động, đã có lần tuyên bố: “Tôi yêu mến Chúa Kitô, nhưng tôi không phục những người Kitô hữu”. Câu nói của con người đã từng lấy giáo lý của Chúa Kitô làm nền tảng cho chủ trương bất bạo động đáng làm cho chúng ta suy nghĩ.

Giáo lý của Chúa Kitô thì cao đẹp, nhưng nhiều Kitô hữu làm cho bao nhiêu người xa lánh Giáo Hội, chỉ vì cuộc sống của họ đi ngược lại với những gì họ tuyên xưng. Người ta thường nói: “Bà con xa không bằng láng giềng gần”. Đôi khi chúng ta cảm thấy gần gũi với những người láng giềng hơn là với những người thân thuộc. Trong liên hệ với Chúa Giêsu cũng thế, có biết bao người chưa từng được nghe nói đến Chúa Giêsu, có biết bao người không mang danh hiệu Kitô, nhưng lại gần gũi với Chúa Kitô và sống tinh thần Kitô hơn chính những người Kitô hữu.

Trong Tin Mừng hôm nay, Chúa Giêsu đề cao lòng tin của người đàn bà xứ Canaan, tức là một người ngoại giáo. Một trong những điều hẳn sẽ làm chúng ta ngỡ ngàng, đó là trên Thiên đàng, chúng ta sẽ gặp gỡ những người chúng ta chưa từng quen biết, ngay cả những người chưa một lần mang danh hiệu Kitô hay đặt chân đến nhà thờ.

Thời Chúa Giêsu, có biết bao người ngoại giáo có lòng tin sâu sắc hơn cả những người Do thái. Trước hết, tiên tri Isaia đã từng khiển trách lòng giả dối của người Do thái: “Dân này thờ Ta ngoài môi miệng, nhưng lòng họ thì xa Ta”. Thời Chúa Giêsu, có biết bao

người bị loại ra khỏi xã hội, bị đặt bên lề Đền thờ, và có lẽ cũng không hề thuộc toàn bộ lề luật của Môsê, nhưng lại có lòng sám hối và tin tưởng sâu xa hơn. Nói với những người chỉ giữ đạo một cách hình thức, Chúa Giêsu đã cảnh cáo: “Không phải những ai nói: Lạy Chúa, lạy Chúa, là được vào Nước Trời; nhưng là những kẻ thực thi ý Chúa”.

Người đàn bà Canaan có lẽ không hề biết đến lề luật Môsê, nhưng đã sống niềm tin của mình một cách mãnh liệt. Lòng tin đó được thể hiện qua việc phó thác hoàn toàn vào quyền năng của Chúa Giêsu. Trong tình thế hầu như tuyệt vọng, bà đã chạy đến với Chúa Giêsu; sự van nài của bà cho thấy sự kiên nhẫn và lòng tin sắt đá của bà. Sự khác biệt cơ bản giữa một người có niềm tin và một người không có niềm tin, không hề tại ở danh hiệu Kitô hay những thực hành đạo đức, mà chính là lòng tin. Tin vào sự hiện diện quyền năng của Thiên Chúa trong cuộc sống, tin vào tình yêu vô biên của Ngài, tin vào ý nghĩa của cuộc sống, tin vào tình người, đó là sắc thái chủ yếu của người có niềm tin: chính trong niềm tin đó, con người gặp gỡ Chúa Giêsu.

Trong một hoàn cảnh mà cái nhìn của con người có thể cho là tuyệt vọng, người Kitô hữu hơn bao giờ hết được mời gọi để nêu cao niềm tin của mình. Đây là thời điểm để họ chứng tỏ bản sắc đích thực của mình. Trong cuộc sống chỉ có nghi kỵ và hận thù, họ được mời gọi để đốt lên ngọn đuốc của yêu thương. Trong một xã hội bị gậm nhấm bởi chán nản tuyệt vọng, họ được mời gọi để mang lại niềm hy vọng. Chỉ khi nào giữ đúng vai trò đó, người Kitô hữu mới thực sự xứng đáng với danh hiệu của mình.

Trích trong ‘Mỗi Ngày Một Tin Vui’



## CN XXI TN – A

Mt 16, 13-20

**TÔI ĐANG TÌM KIẾM GÌ?**

Một trong những khao khát sâu thẳm của con người là được kéo dài sự sống đến trường sinh bất tử. Con người dường như luôn bị dẫn vật, trần trở khi phải đối diện với sự già nua, suy thoái của thân xác. Vì thế, họ tìm kiếm linh dược để kéo dài sự sống của mình. Khao khát này được thể hiện qua việc chăm lo cho thân xác luôn được khỏe mạnh, được cường tráng. Tuy nhiên, quy luật của tự nhiên là sinh bệnh lão tử khiến con người vẫn già, vẫn bệnh, vẫn trở về cát bụi... Con người đâu hiểu được rằng điều quan trọng không phải là sống thọ hay không thọ, mà là sống như thế nào? Sống với mục đích gì? Điều đó nó mới làm nên giá trị chất lượng cuộc sống và làm nên sự bất tử cho con người.

Thánh Phê-rô sau thời gian dài đi bên Chúa, nhìn và nghe thấy biết bao điều kỳ diệu Chúa đã làm, ông đã khám phá ra phương thuốc trường sinh là chính Đức Giê-su – Đấng hằng sống. Ông đã mạnh dạn tuyên xưng: “Thầy là Đức Ky-tô, Con Thiên Chúa hằng sống”. Qua đây Chúa đã khen ngợi Phê-rô vì ông đã được Thiên Chúa Cha mặc khải điều bí nhiệm của Nước Trời. “Này anh Simon con ông Giô-na, anh thật là người có phúc, vì không phải phàm nhân mặc khải cho anh điều ấy, nhưng là Cha của Thầy Đấng ngự trên trời”. Lời Chúa hôm nay mời gọi chúng ta hãy xây dựng nên móng cho cuộc đời dựa trên lời Chúa và giáo lý của Ngài. Lời Chúa là ngọn đèn dẫn dắt chúng ta đi trong chân thiện mỹ. Lời Chúa luôn xây dựng đời chúng ta trong tình yêu là giới răn cao cả mà Chúa đòi buộc chúng ta phải thực thi. Khi con người được xây dựng trên tình yêu với Chúa và tha nhân sẽ giúp con người biết sống cho Chúa và tha nhân trong tinh thần khiêm tốn phục vụ. Khiêm tốn để tôn thờ Chúa trên hết mọi sự. Phục vụ để cho danh Chúa được cả sáng qua đời sống yêu thương của chúng ta. Hãy đặt cuộc đời ta trên lời hằng sống. Hãy chọn Chúa là gia nghiệp. Hãy sống gắn bó với Chúa như cành liền cây để được sống sự sống trường sinh của Chúa.

Chọn Chúa hay đặt nền tảng cuộc đời trên Lời Chúa là biết nhìn nhận Thiên Chúa là Đấng ban sự sống cho con người để rồi luôn biết quy phục Chúa, và tôn thờ Chúa trên hết mọi sự. Nhờ niềm tin vào Thiên Chúa là Đấng hằng sống mà con người sẽ sống dưới cái nhìn của Chúa và bước đi trong sự dẫn dắt của Ngài.

Nhưng đáng tiếc cho con người ngày nay thường quay lưng lại với Thiên Chúa. Khước từ Chúa con người cũng khước từ nhau. Con người sống trong bản năng vì tin vào ma quỷ hơn là tin vào Thiên Chúa. Ma quỷ luôn bảo với chúng ta không có Thiên Chúa, không có đời sau để lôi kéo chúng ta sống một cuộc sống buông thả theo tính xác thịt. Ma quỷ luôn bảo chúng ta xây dựng đời mình một cách hời hợt, nông cạn, sống theo bản năng hơn là theo ý chí và lý trí. Chính đời sống thiếu chiều sâu đã làm cho con người dễ lao vào hưởng thụ hay dễ thất vọng chán nản nếu gặp thất bại.

Thế nên, vẫn còn đó những người chỉ lo hưởng thụ vật chất mà xa rời cội nguồn sự sống đời đời. Vẫn còn đó những người tham danh vọng mà đấu đá loại trừ lẫn nhau gây nên những bể dâu cho cuộc sống. Vẫn còn đó những người đặt cuộc sống trên đồng tiền mà đánh mất lương tri con người, sống lối công bình bác ái với nhau...  
*Ước gì chúng ta đừng vì lười biếng mà xây dựng đời mình một cách cầu thả, hời hợt và thiếu đầu tư cho những giá trị Nước Trời là tình thương, là công lý và hòa bình. Xin cho chúng ta biết xây dựng đời mình dựa trên lời Chúa để thánh hóa bản thân và biến đổi thế gian.  
 Amen.*

Lm Jos. Tạ Duy Tuyền



## Ngôn sứ thầm lặng

Cương vị môn đệ kitô kêu gọi tất cả chúng ta phải mang tính ngôn sứ, là người bênh vực cho công lý, là tiếng nói cho người nghèo và bảo vệ sự thật. Nhưng không phải tất cả chúng ta, theo bản chất hay có ơn gọi đặc biệt để không tuân hành luật dân sự, đi tuần hành biểu tình, dẫn đầu các vụ đình công như các nhân vật Dorothy Day, Martin Luther King, Daniel Berrigan và những nhân vật mang chiều kích ngôn sứ khác. Tất cả chúng ta đều được kêu gọi làm ngôn sứ, nhưng với một số người, điều này chỉ có nghĩa là dùng chậu nước cái khăn để rửa chân cho người khác hơn là gương cao biểu ngữ.

Có một phương thức làm ngôn sứ rất mạnh dù có vẻ lặng lẽ và riêng tư, nhưng không bao giờ cá nhân. Và những quy luật của nó cũng giống như quy luật của những người nhân danh Chúa Giêsu đang gương biểu ngữ và biểu tình. Những luật này, những luật của tinh thần ngôn sứ kitô là gì?

*Thứ nhất*, ngôn sứ là người khẩn đức yêu thương chứ không khẩn tha hóa. Có một sự phân biệt then chốt giữa việc khuấy động vấn đề và tiên tri bằng tình yêu, một phân biệt giữa hoạt động vì vị kỷ và hoạt động vì đức tin và đức cậy. Một ngôn sứ chấp nhận bị hiểu lầm, nhưng không bao giờ tạo hiểu lầm, một ngôn sứ luôn đi tìm một trái tim dịu dàng chứ không tìm trái tim giận dữ.

*Thứ hai*, công lao của người ngôn sứ là từ Chúa Giêsu chứ không từ ý thức hệ. Các ý thức hệ có thể có nhiều sự thật và có thể dùng để bênh vực chân thành cho công lý. Nhưng người dân có thể tránh

xa ý thức hệ, khi thấy nó chính xác là ý thức hệ, một kiểu chuẩn mực ăn nói cho hợp lý và từ đó biện hộ cho việc họ bác bỏ sự thật mà ý thức hệ này đưa ra. Những người chân thật thường tránh xa các tổ chức như Hòa bình xanh, Nữ quyền, Thần học giải phóng, Thuyết Chứng tộc phê phán và nhiều ý thức hệ khác vốn thật sự bao gồm nhiều sự thật, lý do chỉ vì các sự thật này bị gom trong một ý thức hệ. Những người chân thật sẽ không rời xa Chúa Giêsu. Trong cuộc đấu tranh vì công lý và sự thật, chúng ta phải luôn cảnh giác một chuyện là sự thật của chúng ta được rút ra từ Phúc âm chứ không từ một ý thức hệ nào.

*Thứ ba*, ngôn sứ thì cam kết phi bạo lực. Theo linh mục Dòng Tên Daniel Berrigan, một ngôn sứ luôn tìm cách bỏ khí giới của bản thân thay vì dùng vũ khí, để trở thành kẻ tội phạm bất lực ở thời mà quyền lực là tội phạm. Một ngôn sứ xem trọng lời Chúa Giêsu khi họ xin chúng ta, ai tát má này thì chia má kia. Một ngôn sứ là hiện thân của cách sống theo chân lý cánh chung, trên thiên đàng sẽ không có súng ống.

*Thứ tư*, ngôn sứ ở phía tiếng nói Thiên Chúa, cho người nghèo và cho địa cầu. Bất kỳ việc giảng dạy hay hành động chính trị nào không đem lại điều tốt cho người nghèo thì không phải là Phúc âm của Chúa Giêsu Kitô. Chúa Giêsu đến để đem tin mừng cho người nghèo, cho “cô nhi, góa phụ và khách lạ” (quy tắc trong Kinh thánh để xác định những người dễ bị tổn thương nhất trong xã hội). Mục sư Forbes đã nói câu nói lừng danh: ‘Không ai lên thiên đàng mà không có thư giới thiệu của người nghèo.’ Chúng ta không buộc phải tương ứng với Giáo hội.

*Thứ năm*, ngôn sứ không tiên đoán tương lai nhưng gọi tên hiện tại theo tầm nhìn của Thiên Chúa. Một ngôn sứ tìm hiểu xem ngón tay

Thiên Chúa chỉ vào đâu trong cuộc sống hàng ngày, để cho thấy sự trung tín hay bất tín của chúng ta với Thiên Chúa, cũng như để cho thấy tương lai của chúng ta trong kế hoạch mà Thiên Chúa dành cho chúng ta. Đó là thách thức của Chúa Giêsu khi Ngài bảo chúng ta hãy đọc dấu chỉ của thời đại.

*Thứ sáu*, ngôn sứ lên tiếng từ đức cậy. Ngôn sứ không dựa trên tầm nhìn và năng lực từ mơ tưởng hay tinh thần lạc quan, nhưng là từ đức cậy. Đức cậy kitô giáo không dựa trên tình hình thế giới hôm nay tốt hay xấu. Đức cậy kitô giáo dựa trên lời hứa của Thiên Chúa, lời hứa được ứng nghiệm trong sự phục sinh của Chúa Giêsu, bảo đảm với chúng ta, chúng ta có thể phó mình cho đức mến, chân lý và công chính, kể cả khi thế giới giết chúng ta vì thế. Tảng đá chắn ngôi mộ rồi sẽ được lăn ra.

*Thứ bảy*, tâm hồn và chính nghĩa của ngôn sứ không bao giờ biệt lập. Chúa Giêsu quả quyết với chúng ta: trong nhà Ngài có nhiều chỗ. Tính ngôn sứ kitô giáo phải bảo đảm, không ai hay nhóm nào có thể biến Thiên Chúa thành thượng đế của riêng nhóm mình hay quốc gia mình. Thiên Chúa bình đẳng đối với tất cả mọi dân, mọi nước.

*Cuối cùng*, ngôn sứ không chỉ lên tiếng hay nói về bất công, mà còn có thể hành động và hành động một cách can trường, dù phải hy sinh mạng sống. Ngôn sứ là người khôn ngoan, những là người hành động, dù phải mất bạn bè, mất danh vọng, mất tự do hay thậm chí mất mạng sống. Một ngôn sứ có đủ tình yêu vị tha, hy vọng và can trường hành động, bất chấp tất cả. Một ngôn sứ không bao giờ cố tìm cách tử đạo, nhưng nếu phải, thì họ chấp nhận.

Tôi nghĩ điểm cuối cùng này là điểm thách thức nhất với các ngôn sứ “thầm lặng”. Những người minh triết không nổi tiếng, không dẫn đầu biểu tình, nhưng đó cũng chính là thách thức. Một ngôn sứ có thể phân định lúc nào bỏ tấm biểu ngữ xuống và lấy chậu nước cái khăn ra để rửa chân, lúc nào bỏ chậu nước cái khăn xuống để cầm tấm biểu ngữ giương lên.

Ronald Rolheiser, 2023-05-08

J.B. Thái Hòa dịch

Nguồn: phanxico.vn



## *Vài kinh nghiệm truyền giáo*

Tại địa phương này, trong mấy năm nay, số người vào đạo Công Giáo tăng lên đáng kể.

Tôi coi việc vào đạo chỉ là bước đầu, còn việc Phúc-Âm-hoá, thay đổi con người nên tạo vật mới, đó mới là mục đích chính yếu của việc truyền giáo.

Sau khi phân tích hành trình vào đạo và những chuyển biến nơi các người được Phúc-Âm-hoá tại địa phương này, tôi có nhận định như sau: Kết quả việc truyền giáo tùy thuộc rất nhiều vào một số hình ảnh trong trái tim người được truyền giáo. Trước hết là hình ảnh người truyền giáo.

Người truyền giáo ở đây được hiểu về những ai đưa người ta vào đạo, những ai dạy giáo lý cho họ, những ai huấn luyện họ về đời sống đạo.

Người truyền giáo ảnh hưởng đến người được truyền giáo qua nội dung bài vở mình giảng dạy và nhất là qua chính con người của mình.

Nội dung các sách tôn giáo rất là mênh mông. Người truyền giáo có kinh nghiệm sẽ biết nhận định những gì cần nêu lên trước và cần nhấn mạnh hơn, cũng như cần nhận thức việc truyền giáo không chỉ đơn thuần là truyền đạt các chân lý tôn giáo, mà còn là chia sẻ lửa tin yêu trong lòng mình, và nhất là biết cởi mở đón nhận ơn Chúa Thánh Thần, Đấng soi sáng cho mình và cho người nghe hiểu đúng được những gì Đức Kitô đã làm và đã dạy.

Lúc đó, người nghe sẽ không cảm thấy mình tiếp thu một mớ lý thuyết vô hồn, nhưng là đón nhận những chân lý sự sống, như một dòng chảy sức mạnh giải thoát tâm hồn.

Sức hấp dẫn của một chiếc máy thường phát xuất từ những hoạt động của nó. Chiếc máy không chạy sẽ chẳng hấp dẫn gì. Tương tự cũng thế, sức hấp dẫn của đức tin hoạt động của người truyền giáo đối với Chúa và đối với con người sẽ minh chứng đức tin của mình có sức hấp dẫn hay không.

***Do đó, hình ảnh đẹp của người truyền giáo là hình ảnh con người làm chứng hơn là con người giảng dạy.***

Bằng đời sống, họ làm chứng họ vâng lời Đức Kitô, luôn trở về với Cha trên trời bằng những cố gắng thường xuyên bỏ đàng tội lỗi, sống đời sống mới của người con Chúa.

Khi làm chứng đúng lúc, đúng nơi, đúng cách những gì cần phải làm chứng, người truyền giáo sẽ tạo ra được một hình ảnh đẹp và dễ thương trong tâm hồn kẻ được truyền giáo. Hình ảnh này được coi là yếu tố đáng kể trong việc truyền giáo.

Bên cạnh hình ảnh này là hình ảnh cộng đoàn của người truyền giáo. Hình ảnh này cũng ảnh hưởng lớn đến người được truyền giáo.

Tất nhiên hình ảnh này cũng phải đẹp mới gây được ảnh hưởng tốt. Đẹp ở điểm nào? Có thể ở những cơ sở vật chất văn minh, ở những tổ chức lễ lạy đông đảo, trật tự, ở những qui tụ có mục tiêu lợi ích chung. Nhưng hầu hết những người được hỏi đều nhận rằng vẻ đẹp lôi cuốn nhất có nhiều khả năng cải thiện con người là ở chỗ cộng đoàn gồm những người ưa thích đi sâu vào đời sống nội tâm, đồng thời cũng hăng hái dẫn thân thực thi bác ái, tích cực giúp nhau phát triển về mọi mặt, nhất là về mặt đạo đức. Vẻ đẹp như thế sẽ toả ra được bầu khí hiệp thông, giúp con người hướng về Thiên Chúa, và gây niềm tin tưởng lẫn nhau.

Dựa vào kinh nghiệm trên đây, người truyền giáo tốt thường rất quan tâm đến việc đưa người được truyền giáo vào cộng đoàn. Cộng đoàn không nhất thiết phải lớn. Một cộng đoàn nhỏ mà tốt



thường dễ lôi kéo con người về đảng lãnh hơn một cộng đoàn lớn mà tâm thường.

Trong cộng đoàn nhỏ thường dễ thực hiện những sinh hoạt cộng đồng có phẩm chất, và những giáo dục cộng đồng sâu sát có khả năng đi vào từng cá nhân, tạo ra được một bầu khí trẻ trung mà trưởng thành, tự do mà kỷ luật.

Cộng đoàn, dù là nhóm nhỏ, hội đoàn, giáo xứ, giáo phận, tất cả đều là những bộ phận của Hội Thánh, nhiều khi đóng vai người giới thiệu Hội Thánh, nên thường được ơn Chúa giúp, miễn là biết cởi mở đón nhận. Vì thế hình ảnh đẹp của một cộng đoàn đẹp không bao giờ mang cái đẹp riêng rẽ, nhưng luôn luôn phản ánh cái đẹp chung của Hội Thánh hiệp thông. Một hình ảnh cộng đoàn như vậy sẽ góp phần không nhỏ trong việc tái sinh con người vào đời sống mới. Việc đó Chúa đã trao cho Hội Thánh phải thực hiện khắp nơi, và được gọi là việc truyền giáo.

Trong việc truyền giáo, còn một hình ảnh khác cũng là yếu tố đáng kể, có ảnh hưởng lớn. Đó là hình ảnh chính người được truyền giáo.

Hình ảnh chính người được truyền giáo

Tôi có dịp được làm quen với nhiều người tân tòng, thuộc đủ loại người. Qua tiếp xúc, tôi nhận thấy mỗi người đều mang trong lòng mình nhiều hình ảnh khác nhau về chính bản thân mình: Những hình ảnh thời quá khứ. Những hình ảnh thời hiện tại. Những hình ảnh thời tương lai.

Rất nhiều hình ảnh nặng nề và thương tích, do đủ thứ mặc cảm gây nên. Thí dụ mặc cảm tự tôn tự ty, mặc cảm bị thua thiệt, bị khinh, bị bắt bớ, bị hiểu lầm, mặc cảm bất mãn, bất lực, mặc cảm về tình yêu, về tiền bạc, về danh vọng, vv... Nhiều mặc cảm có sức tác hại hơn chính các tội lỗi. Vì thế, trong truyền giáo, việc giải thoát con người khỏi gánh nặng mặc cảm là việc không nên coi thường.

Một số người truyền giáo ít hiểu biết những khoa học về con người, đã vô tình làm cho các mặc cảm nơi người được truyền giáo càng

thêm sâu, tạo nên trong họ những hình ảnh về chính mình rất méo mó tội nghiệp. Với những hình ảnh như thế, người được truyền giáo dễ có những phản ứng lệch lạc trước những sự việc xảy ra, ngay cả trước những ý nghĩa của Lời Chúa.

Tôi biết có một người, sau khoá giáo lý, đã biến đổi rõ rệt, ở chỗ họ đâm ra lo lắng, sợ sệt, bối rối, mất vẻ hồn nhiên trước đây. Hỏi ra mới hay họ bị ám ảnh quá mạnh bởi các bài giáo lý về tội. Họ tự tạo ra một hình ảnh nhầy nhụa về chính họ trong lúc đó, và một hình ảnh đạo đức phải nói là bệnh hoạn, mà họ định tâm sẽ vươn tới trong tương lai. Có thể là họ đã tiếp thu không đúng những bài đã giảng dạy. Tuy nhiên, một hình ảnh như thế về chính mình, sẽ rất sai với Tin Mừng.

Theo tôi, một hình ảnh đẹp về mình đúng với Tin Mừng, mà người được truyền giáo cần có trong mình, chính là hình ảnh họ được Chúa yêu thương. Không phải họ được yêu thương cách chung chung, nhưng được yêu thương một cách riêng biệt. Được yêu thương, đó là hình ảnh đúng nhất và đẹp nhất, giúp họ tin tưởng trở về.

Một hình ảnh khác cũng có ảnh hưởng đến việc truyền giáo, đó là hình ảnh xã hội của người được truyền giáo.

Người nào cũng có gốc rễ nhất định, cũng là con cháu của một dân tộc nhất định. Họ mang hình ảnh dân tộc, quê hương, đất nước của mình. Hình ảnh đó, dù sao đi nữa, vẫn là một phần thiêng liêng và thân thương của con người họ. Kính trọng hình ảnh đó, chính là một việc hợp lý hợp tình của người truyền giáo.

Nhiều người ngoài công giáo cho biết lý do họ mến đạo Công Giáo, là vì họ thấy cộng đồng người công giáo xung quanh họ cũng giống như họ ở chỗ có lòng hiếu thảo với cha mẹ, ông bà, tổ tiên, và có lòng kính trọng biết ơn đối với giới nghèo là thành phần quan trọng trong việc xây dựng và bảo vệ Đất Nước. Như thế có nghĩa là người được truyền giáo rất hài lòng vì được gặp gỡ người công giáo ở

ngay chính những giá trị mà họ đang sống và vẫn từng tha thiết. Họ có cảm tình với đạo và bắt đầu tin vào Đức Kitô, nhờ bước đầu đó. Một hình ảnh đẹp về xã hội của họ, với những giá trị thiêng liêng vốn có do người truyền giáo đưa ra, sẽ giúp họ hiểu sự trở về không có nghĩa là sự phủ nhận các giá trị truyền thống dân tộc cũng như những cái tốt của các tôn giáo ngoài Công Giáo.

Mới rồi, một người giảng dạy giáo lý đã có lời lẽ cường điệu sao đó, có tính cách đề cao Hội Thánh công giáo, xã hội công giáo, và hạ thấp Hội Thánh và xã hội các tôn giáo khác. Mấy ngày sau, họ nhận được một lô sách báo mang nội dung phê phán gay gắt đạo Công Giáo, Hội Thánh công giáo, và các chế độ công giáo nhất là tại Việt Nam. Tôi đã mượn đọc các tài liệu đó. Đọc xong, tôi có ý nghĩ này: Bất cứ bên nào, khi đề cao tôn giáo mình bằng cách hạ tôn giáo khác xuống, sẽ phạm một sai lầm lớn, cả về đạo lý, cả về tâm lý. Biết kính trọng nhau, biết chấp nhận nhau, đó mới là một hình ảnh đạo đức. Muốn thể hiện điều đó, người truyền giáo phải rất tế nhị, phải rất công bình, tôn trọng mọi sự thật, trong các nhận định và trong mọi ứng xử đối với xã hội mà mình đến truyền giáo. Đưa ra một hình ảnh thiếu trung thực về xã hội của người được truyền giáo với mục đích loan báo Tin Mừng, sẽ là điều khó có thể chấp nhận được đối với người được truyền giáo.

Một hình ảnh sau cùng, nhưng có tính cách quyết định trong việc truyền giáo, đó là hình ảnh Đức Kitô.

Trong một cuộc chia sẻ với giới trẻ, tôi đưa ra câu hỏi: “*Đối với con, Đức Kitô là ai?*”. Nhiều bạn trẻ trả lời khá tốt. Nhưng có một bạn đã trả lời rất đúng: “*Đối với con, Đức Kitô là Đấng cứu chuộc. Người cứu chuộc nhân loại và cứu chuộc con*”. Trả lời đó đã cắt nghĩa động lực sâu xa của sự vào đạo nơi biết bao người.

Họ nói là họ nhận thấy mình yếu hèn, tội lỗi, cần được cứu độ. Và họ đã thấy Đức Kitô đã đến cứu họ, đã đến biến cải họ. Đức Kitô đã đến với họ, dưới hình ảnh Đấng cứu độ. Đức Kitô đang ở trong họ như một tình yêu đỡ nâng, cũng dưới hình ảnh Đấng cứu độ.

Đức Kitô, Đấng cứu độ là Đấng đã bởi trời xuống thế, đã chịu tử nạn, đã sống lại và đang được vinh hiển. Đức Kitô, Đấng cứu độ, là Đấng họ gặp gỡ trong đức tin, một cách sống động, gần gũi, riêng tư. Nhờ những gặp gỡ này, họ hiểu sự cứu rỗi là được Đức Kitô cứu ra khỏi tội lỗi, được Đức Kitô chia sẻ cho sự sống Thiên Chúa, và được Đức Kitô đóng ấn Chúa Thánh Thần.

Hình ảnh Đức Kitô cứu độ đã đưa họ vào mâu nhiệm cứu độ, giúp họ luôn tập trung đời sống mình vào Đức Kitô, luôn trở về với Người và Phúc Âm của Người. Hình ảnh Đức Kitô cứu độ càng rõ, càng sâu, càng đậm, càng sẽ có sức Phúc-Âm-hoá con người.

Trên đây là một vài kinh nghiệm truyền giáo. Tôi cảm tạ Chúa hết lòng. Tôi cũng chân thành cảm ơn những người đã trở lại và đang được Phúc-Âm-hoá. Chính họ đã và đang góp phần Phúc-Âm-hoá bản thân tôi, khi họ chia sẻ cho tôi những gì Chúa đã làm nơi họ.

*Long Xuyên, tháng 10/1994*

ĐGM BÙI TUẦN



## Cầu nguyện cho cả hai – Kẻ yếu và kẻ mạnh

Khi Chúa Giêsu lập Phép Thánh Thể trong bữa tiệc ly, Ngài cầm bánh và rượu lên, và xem đó là hai yếu tố để Ngài hiện diện đặc biệt với chúng ta. Từ đó đến bây giờ là đã hơn 2000 năm, các tín hữu kitô cử hành Phép Thánh Thể vẫn dùng bánh và rượu để xin Chúa Kitô chúc lành cho thế giới và cho chúng ta sự hiện diện đặc biệt của Ngài. Tại sao lại là hai yếu tố này? Tại sao lại là bánh và rượu? Mỗi thứ đại diện cho điều gì?

Tôi luôn thấy cái nhìn thấu suốt này của Pierre Teilhard de Chardin cực kỳ có ý nghĩa: Khi bàn về lý do tại sao bánh và rượu được dâng lên Phép Thánh Thể, ngài nói: *“Thứ thật sự được thánh hiến mỗi ngày chính là sự phát triển của thế giới trong ngày hôm đó, bánh biểu trưng cho những gì được tạo nên, rượu biểu trưng cho những gì mất đi trong lao công và đau khổ trong tiến trình của nỗ lực đó”*. Và điều này đem lại một bài học quan trọng về cách chúng ta được mời dự phần và cầu nguyện trong Phép Thánh Thể. Khi Chúa Giêsu phán *“Này là thịt Ta, là của ăn cho thế gian được sống”*, là Ngài có ý như vậy. Ngài muốn nói lời cầu nguyện của chúng ta, nhất là trong Phép Thánh Thể, cần phải bao hàm trọn thế giới với mọi sự và mọi người trong đó. Và điều này đòi hỏi rất nhiều, bởi vì như chúng ta đều biết, thế giới của chúng ta là một nơi phức tạp đến bệnh hoạn, rối rắm, phân cực, phân lập, một nơi có đầy cả tốt và xấu, trẻ và già, lành mạnh và bệnh tật, giàu và nghèo, quyền lực và vô lực, chiến thắng và thất bại, sống và chết. Tạo nên của ăn là thịt của Chúa Kitô cho sự sống của thế giới nghĩa là dâng lên rất nhiều thứ để Thiên Chúa chúc lành, và với chúng ta, không phải khi nào chuyện này cũng tự nhiên.

Được Chúa Giêsu thiết lập, Phép Thánh Thể cần phải là lời kinh ôm trọn thế giới và mọi sự, mọi người trong đó. Phép Thánh Thể cần là lời kinh cho người nghèo, người già, người bệnh, người đau

khỏe, người vô lực và cho tất cả mọi người bị biến thành nạn nhân (kể cả Mẹ Trái Đất), cũng như đó là lời kinh cho người giàu, người trẻ, người khỏe mạnh và người có quyền lực. Trong Phép Thánh Thể, chúng ta cần cầu nguyện cho những người đang nằm bệnh viện và những người sức khỏe dồi dào. Chúng ta cần cầu nguyện cho những người đang hấp hối cũng như cho những vận động viên sung mãn chuẩn bị tham dự Thế vận hội. Và chúng ta cần cầu nguyện cho người tị nạn nơi biên giới cũng như cho những ai làm luật đóng mở cửa biên giới. Như Teilhard de Chardin nói, trong lời cầu nguyện này, *chúng ta phải dâng lên những gì được tạo nên và những gì mất đi trong lao công và đau khổ trong tiến trình của nỗ lực đó.*

Là linh mục công giáo la-mã, tôi có đặc ân chủ sự Phép Thánh Thể, và mỗi lần làm thế, tôi luôn cố gắng ý thức về những thực tế tách biệt mà bánh và rượu tượng trưng. Khi nâng tấm bánh lên, tôi luôn cố gắng ý thức về sự thật là tôi đang dâng lên những gì lành mạnh, phát triển trong sự sống và được ăn mừng trong thế giới hôm nay. Khi nâng chén rượu lên, tôi luôn cố gắng ý thức rằng tôi đang dâng lên mọi sự bị chà đạp, bị đau khổ và đang chết dần hôm nay khi sự sống trên trái đất này vẫn tiếp tục đi tới.

Thế giới của chúng ta là một nơi rộng lớn và trong mọi khoảnh khắc đều có một sinh linh mới ra đời, có sự sống non trẻ bén rễ, có người đang ăn mừng cuộc đời, có người tìm thấy tình yêu, có người đang ái ân, và có người đang ăn mừng thành công và chiến thắng. Đồng thời, có những người đang mất sức khỏe, có người đang chết dần, có người bị cưỡng hiếp và xâm hại, có người bị chà đạp bởi đói khát, bởi thất bại, vô vọng và tinh thần tan nát. Trong Phép Thánh Thể, bánh là tượng trưng cho nhóm đầu và rượu tượng trưng cho nhóm sau.

Cách đây mấy ngày, tôi chủ sự Phép Thánh Thể trong tang lễ của một ông cụ hưởng thọ 90 tuổi. Chúng tôi cử hành đức tin của mình, thương tiếc cùng gia đình, nêu bật tặng vật là cuộc đời ông, cố thu nhận lấy tinh thần mà ông để lại, nói lời từ biệt với ông và chôn cất

ông vào lòng đất. Rượu mà chúng tôi hiến thánh trong Phép Thánh Thể ngày hôm ấy, là biểu trưng cho mọi điều này, cho cái chết của ông, cho mất mát của chúng ta, cũng như cho cái chết và mất mát của mọi người khắp mọi nơi, có Chúa ở cùng chúng ta trong đau khổ. Không lâu sau đó, tôi đến một gia đình đầy phấn khởi và sinh lực của tuổi trẻ, với ba đứa con, năm tuổi, hai tuổi và tám tháng tuổi. Không mấy điều trên đời đem lại sự tươi mới cho tâm hồn bằng sinh lực tuổi trẻ. Không có thứ thuốc chống trầm cảm nào trên đời có thể cho ta điều mà sinh lực tuổi trẻ đem lại. Và khi tôi cầm tấm bánh lên trong lúc cử hành Phép Thánh Thể, tôi càng ý thức hơn về những gì mà tấm bánh tượng trưng, là sinh lực, sức khỏe, vẻ đẹp, tuổi trẻ, sự sôi động, hay nói theo cách khác là niềm vui và sự rực rỡ của Thiên Chúa trên địa cầu này.

J.B. Thái Hòa dịch, Ronald Rolheiser, 2023-07-17

**Nguồn: phanxico.vn**



## BÀI HỌC CUỘC SỐNG

### **Bài diễn văn của Jack Ma sẽ khiến bạn lặng người**

*"Khi người khác thành công, khi người khác hạnh phúc, bạn sẽ thành công, bạn sẽ hạnh phúc." - Jack Ma.*

Jack Ma là một ông trùm kinh doanh, nhà đầu tư và nhà từ thiện người Trung Quốc. Jack Ma là người đồng sáng lập và cựu chủ tịch điều hành của Tập đoàn Alibaba. Năm 2017, Ma được xếp hạng thứ hai trong danh sách "50 nhà lãnh đạo vĩ đại nhất thế giới" hàng năm của Fortune. Tính đến tháng 4 năm 2021, với tài sản ròng trị giá 51,5 tỷ USD, Jack Ma là người giàu thứ ba ở Trung Quốc, đồng thời là một trong những người giàu nhất thế giới, xếp thứ 26.

Tôi không có một người cha giàu có. Tôi cũng không học hành đàng hoàng. Tôi đã 3 lần trước đại học, và cuối cùng tôi đến một trường Cao đẳng Sư phạm để dạy học, môi trường xếp vị trí rất thấp trong thành phố. Tôi đặt đơn học đại học Harvard hơn 10 lần nhưng đều thất bại, họ thậm chí còn không muốn thấy tôi.

Thật khủng khiếp, tôi đã nộp đơn xin việc 30 lần đều bị từ chối. Tôi muốn làm cảnh sát họ nói không "Anh không đẹp". Tôi đến KFC khi KFC thâm nhập vào Trung Quốc, đến với thành phố của tôi 24 người đến xin việc, 23 người đều được nhận chỉ duy nhất mình tôi bị loại. Tôi xin làm ở sở cảnh sát có 5 người 4 người được nhận tôi là người duy nhất không được. Thời điểm đó rất khó khăn tôi đã rất kiệt sức, bởi vì tôi đi dạy trong một ngôi trường họ chỉ trả cho tôi 10 đô la mỗi tháng.

Không hề dễ dàng, nhưng tôi tin rằng có một điều gì đó một điều gì đó đang đợi tôi ở phía trước. Và tôi đã làm việc rất chăm chỉ để chứng minh bản thân mình. Đó là một trải nghiệm khó khăn, và tôi chưa bao giờ nghĩ mình thông minh. Dù nhiều người nói rằng anh quả là nhìn xa trông rộng vì khi vào năm 1994 tôi đã biết đến Internet. Bởi vì không ai nhận tôi nên tôi quyết định làm việc cho chính bản thân mình, không ai tin rằng tôi có thể thành công, bởi vì mọi người nói anh suy nghĩ khác quá, những thứ này sẽ không bao giờ hiệu quả đâu.

Tôi đã nói chuyện với hơn 30 nhà đầu tư. Mọi người đều nói không đẹp nó đi. Chúng tôi đã tập hợp hơn 50.000 đô la từ các



nhà đồng sáng lập. Chúng tôi bắt đầu rất nhiều người nói Alibaba là một mô hình tệt hại với rất nhiều vấn đề chỗ này chỗ kia. Phải, đúng như vậy, tôi 100% làm từ Trung Quốc. Tôi tự học tiếng Anh và tôi tự học cách lập trình trên máy tính, tôi vẫn chưa biết cách máy tính hoạt động ra sao nhưng điều đó không quan trọng.

Tôi nghĩ rằng Alibaba sẽ có thể lớn mạnh, nhưng chưa bao giờ nghĩ nó sẽ trở nên khổng lồ như ngày hôm nay. Trong suốt 3 năm đầu tiên, công ty chúng tôi thậm chí không có lời dù chỉ một đô la. Tôi chỉ cảm thấy rằng tôi rất nhiệt tình về cái mà chúng tôi đang làm trong 5 năm đầu tiên, tôi chỉ muốn công ty còn tồn tại, nhưng sau đó tôi nghĩ rằng "Wow, cuộc đời của nhiều người đã thay đổi". Tôi đã rất ngạc nhiên trong 3 năm đầu tiên chúng tôi không kiếm được lợi nhuận. Không lợi nhuận nhưng chúng tôi đã rất hào hứng để tiếp tục làm việc. Bạn biết chuyện gì đã xảy ra không?

Tôi nhớ nói rằng mỗi lần tôi đến nhà hàng để ăn tôi khi tôi đang trả tiền hóa đơn, ông chủ của nhà hàng đến và nói rằng: Thưa ông ai đó đã trả tiền hóa đơn của ông với một lời nhắn là "Chào ngài Jack Ma. Tôi là khách hàng của Alibaba. Tôi đã kiếm được rất nhiều tiền và tôi biết ông chưa có tiền lời, tôi sẽ trả hóa đơn này cho ông". Tôi lo lắng về giới trẻ ngày nay, rất nhiều người trẻ mất đi hi vọng mất đi tầm nhìn.

Chúng ta đều có chung một giai đoạn, đó không phải là một cảm giác dễ chịu khi bị từ chối bởi quá nhiều người. Chúng ta đều bị

trầm cảm, chúng ta không bao giờ từ bỏ, chúng ta giống như Forrest Gump, chúng ta vẫn chiến đấu, chúng ta vẫn tiếp tục thay đổi bản thân, dù bạn đã thành công hay không. Tôi thấy rằng khi một người làm xong công việc, nếu họ mắc phải sai lầm, nếu họ thất bại, nếu họ phải luôn đổ lỗi cho người khác. Người này sẽ không bao giờ thành công được. Còn nếu một người luôn kiểm lại chính mình, tôi đã sai chỗ này, tôi đã sai chỗ kia thì người này sẽ có hy vọng.

Tôi luôn nói với bản thân mình, cũng như nói cho các bạn trẻ trước khi 20 tuổi, hãy là một học sinh giỏi. Trước khi 30 tuổi, bạn hãy học theo một người, hãy vào một công ty nhỏ vì trong một công ty lớn bạn chỉ học được quy trình công việc, bạn chỉ là một phần của một cỗ máy lớn. Nhưng khi bạn vào một công ty nhỏ, bạn học được niềm đam mê, bạn học được cách ước mơ, bạn học được cách làm nhiều việc cùng lúc.

Và trước khi 30 tuổi, bạn làm cho ông chủ như thế nào quan trọng hơn là bạn làm cho công ty nào. Một ông chủ tốt sẽ dạy bạn rất khác. Và từ 30 đến 40 tuổi, bạn phải nghĩ rất chắc rằng tôi có đang làm việc cho chính mình không. Khi bạn 40 đến 50 tuổi, bạn phải làm tất cả những việc mà bạn đang giỏi nhất, đừng cố nhảy sang lĩnh vực khác. Đã quá trễ rồi, bạn có thể thành công nhưng tỷ lệ thất bại là quá lớn. Vì vậy 40 đến 50 tuổi, hãy tập trung vào lĩnh vực bạn giỏi nhất. Còn khi bạn 50 đến 60 tuổi, hãy trao việc cho lớp trẻ. Bởi vì người trẻ có thể làm việc tốt hơn bạn. Vì vậy

hãy dựa vào họ hãy đầu tư vào họ, và khi bạn đã trên 60, hãy dành thời gian cho bản thân. Hãy tắm nắng trên bãi biển vì đã quá trễ để thay đổi rồi.

Lúc đầu, tôi không biết gì về công nghệ cả, tôi cũng không biết gì về quản lý. Điều duy nhất tôi làm đó là tôi tìm những người thông minh hơn tôi, trong suốt nhiều năm, tôi luôn cố gắng tìm những người thông minh hơn tôi. Khi tôi đã tìm thấy họ việc của tôi đó là bảo đảm họ có thể làm việc cùng nhau. Khi những người thông minh làm việc cùng nhau mọi thứ sẽ dễ dàng hơn. Những người ngốc làm việc cùng nhau rất dễ, nhưng người thông minh thường không làm việc với nhau đâu.

Các bạn hãy nhớ nếu bạn muốn thành công, hãy học từ những sai lầm của người khác, đừng học từ những câu chuyện thành công. Có rất nhiều lý do phía sau thành công của người khác. Hãy học từ những sai lầm của người khác, vì dù bạn thông minh thế nào đi nữa bạn vẫn sẽ gặp phải những sai lầm đó. Bạn học từ những sai lầm không phải giúp bạn có thể tránh mắc phải sai lầm, mà là khi những sai lầm đến những con sóng đến bạn biết cách xử lý nó, cách đối mặt với nó.

Cuốn sách mà tôi muốn viết nó sẽ tên là " 1001 sai lầm của Alibaba". Đó là thứ quý giá nhất trong cuộc đời tôi, không quan trọng chúng ta đạt được bao nhiêu, mà quan trọng là chúng ta đã vượt qua những ngày khó khăn và những sai lầm đó như thế nào. Chúng ta đều giống nhau. Chúng ta đều xuất phát từ cùng một

vạch, tài sản quý giá nhất của bạn đó chính là tuổi trẻ. Đừng than vãn. Hãy để người khác than vãn, những người than vãn, những người đó sẽ thất bại. Và đừng nói "Ôi! tôi không có... Hãy nghĩ về bạn có thể tạo ra sự khác biệt như thế nào. Hãy dùng chính trí tuệ của mình để nghĩ".

Tôi đã thấy rất nhiều người trẻ có rất nhiều ý tưởng hay vào buổi tối, nhưng vào buổi sáng họ lại đều đi làm thuê như cũ. Hãy thay đổi hãy hành động đi và hãy tin vào điều này. Đây cũng là lời khuyên cuối cùng của tôi. Bạn phải làm việc rất siêng năng, dù làm việc cho người khác hay làm việc cho chính bản thân mình. Và tôi chọn làm việc cho bản thân tôi, vì khi làm việc cho chính mình cũng có nghĩa là làm việc cho cộng đồng.

Nếu bạn muốn làm việc cho bản thân, hãy nghĩ về mọi người, hãy giúp đỡ mọi người. Vì chỉ khi mọi người thành công, mọi người hạnh phúc, bạn sẽ được thành công, bạn sẽ được hạnh phúc.

Nguồn: [feat.com](http://feat.com)